

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên :Trần Thị Bích Diệp

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GTGT
TẠI CÔNG TY TNHH MAY YES VINA**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trần Thị Bích Diệp

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đồng Thị Nga

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Bích Diệp

Mã SV: 1354010344

Lớp: QT1306K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty
TNHH May Yes Vina

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Trình bày khái quát những lý luận chung về thuế giá trị gia tăng và kế toán thuế giá trị gia tăng.
 - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH May Yes Vina.
 - Đưa ra những nhận xét về kế toán nói chung và kế toán thuế giá trị gia tăng nói riêng tại công ty từ đó đưa ra những biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2012

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

CÔNG TY TNHH MAY YES VINA

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: **Đông Thị Nga**

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: **Hoàn thiện công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH may Yes Vina**

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp
- Ham học hỏi, tiếp thu ý kiến của giáo viên hướng dẫn

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Khóa luận có kết cấu tương đối khoa học và hợp lý

- Chương 1: Lý luận chung về thuế GTGT và kế toán thuế GTGT

Nhìn chung tác giả đã hệ thống hóa tương đối đầy đủ và chi tiết những vấn đề lý luận cơ bản theo nội dung mà đề tài nghiên cứu. Tác giả đã có sự cập nhật những thông tư và nghị định mới nhất liên quan đến thuế GTGT.

- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH May Yes Vina

Thành công lớn nhất của bài viết là tác giả đã mô tả một cách khá chi tiết và đầy đủ về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty với số liệu tháng 2/ 2012 tương đối hợp lý và có tính logic.

- Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH May Yes Vina

Tác giả đã có những nhận xét đánh giá tương đối khách quan và xác thực về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty. Từ đó tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty. Điều này góp phần vào việc nâng cao hiệu quả công tác kế toán thuế GTGT tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

-Bằng số: 9,75 điểm (Chín phẩy bảy lăm điểm)

Hải Phòng, ngày 10 tháng 06 năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Đông Thị Nga

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1

CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG 3

□ **THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)** 3

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của thuế GTGT, bản chất, chức năng và vai trò của thuế GTGT 3

1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của thuế GTGT 3

1.1.2. Những điểm giống và khác nhau giữa thuế GTGT và thuế doanh thu 4

1.1.2.1. Giống nhau 4

1.1.2.2. Khác nhau 4

1.1.3. Bản chất của thuế GTGT đối với nền kinh tế quốc dân: 5

1.1.4. Chức năng và vai trò của thuế GTGT 5

1.1.4.1. Chức năng và vai trò của thuế GTGT trong lưu thông hàng hóa 5

1.1.4.2. Chức năng và vai trò của thuế GTGT đối với nền kinh tế quốc dân 6

1.1.5. Sự cần thiết phải áp dụng luật thuế GTGT vào Việt Nam 7

1.2. Khái niệm, cơ chế hoạt động, các quy định về thuế GTGT 7

1.2.1. Khái niệm 7

1.2.2. Cơ chế hoạt động của thuế GTGT 8

1.2.3. Các quy định về thuế GTGT 9

1.2.3.1. Đối tượng nộp thuế GTGT 9

1.2.3.2. Đối tượng chịu thuế GTGT 10

1.2.3.3. Đối tượng không chịu thuế GTGT 10

1.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế GTGT 20

1.3.1. Căn cứ tính thuế GTGT 20

1.3.1.1. Giá tính thuế 11

1.3.1.2. Thuế suất 23

1.3.1.2.1. Mức thuế suất 0% 23

1.3.1.2.2. Mức thuế suất 5% 24

1.3.1.2.3. Mức thuế suất 10% 24

1.3.1.3. Thời điểm xác định thuế GTGT 25

1.4. Phương pháp tính thuế GTGT 25

1.4.1. Phương pháp khấu trừ thuế 25

1.4.1.1. Xác định thuế GTGT đầu ra 17

1.4.1.2. Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ 18

1.4.1.3. Điều kiện khấu trừ thuế 19

1.4.2. Phương pháp trực tiếp 19

1.5. Thủ tục kê khai, nộp thuế, quyết toán, và hoàn thuế GTGT 30

1.5.1. Kê khai thuế	30
1.5.2. Nộp thuế GTGT	31
1.5.3. Quyết toán thuế	32
1.5.4. Hoàn thuế GTGT.....	33
□ KẾ TOÁN THUẾ GTGT	34
1.6. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán thuế.....	34
1.6.1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT	34
1.6.2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT.....	35
1.6.2.1. Mô tả công việc của kế toán thuế nói chung.....	35
1.6.2.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT nói riêng.....	28
1.7. Phương pháp kế toán thuế GTGT	29
1.7.1. Chứng từ kế toán	29
1.7.2. Tài khoản sử dụng.....	29
1.7.2.1. Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ	29
1.7.2.2. Tài khoản 3331- Thuế GTGT phải nộp	40
1.7.3. Phương pháp hạch toán	41
1.7.3.1. Đối với doanh nghiệp hạch toán theo phương pháp khấu trừ.....	41
3.2. Đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp	50
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA	
TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH MAY YES VINA	51
2.1. Giới thiệu về công ty TNHH May Yes Vina	51
2.1.1 Khái quát về công ty	51
2.1.2. Đặc điểm, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty.....	52
2.1.3. Đặc điểm bộ máy tổ chức của công ty	52
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán tại công ty.....	55
2.1.4.1. Đặc điểm bộ máy kế toán.....	55
2.1.4.2. Nội dung công tác kế toán.....	48
2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH May Yes Vina....	49
2.2.1. Mức thuế suất được áp dụng	49
2.2.2. Tài khoản sử dụng	49
2.2.3. Hạch toán ban đầu.....	59
2.2.3.1 Chứng từ đầu vào	60
2.2.3.2. Chứng từ đầu ra.....	57
2.2.4. Kê khai, khấu trừ, nộp và hoàn thuế GTGT.....	57
2.2.4.1. Kê khai thuế	57
2.2.4.2. Một số quy định chung về việc lập tờ khai thuế	79
2.2.4.2. Khấu trừ thuế GTGT	85
2.2.4.3. Hoàn thuế GTGT.....	94

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH MAY YES VINA	
.....	99
3.1. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT.....	99
3.1.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT.....	99
3.1.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT.....	100
3.2. Những nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH May Yes Vina	100
3.2.1. Ưu điểm.....	101
3.2.2. Hạn chế.....	102
3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH May Yes Vina	103
KẾT LUẬN	113
TÀI LIỆU THAM KHẢO	115

LỜI MỞ ĐẦU

Phát triển kinh tế luôn là mục tiêu hàng đầu của mỗi quốc gia. Để thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế đất nước, Việt Nam chúng ta cần phải có môi trường đầu tư thuận lợi và cơ chế chính sách sao cho phù hợp, rõ ràng và ổn định. Đáp ứng mục tiêu đó, Luật thuế GTGT được quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa IX thông qua tại kỳ họp quốc hội thứ 11 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1999 thay thế cho luật thuế doanh thu.

Ngày 01/01/1999 có thể được coi như một mốc quan trọng đánh dấu một bước nhảy của chế độ thuế, đó là thời điểm luật thuế GTGT được chính thức áp dụng tại Việt Nam, kéo theo chế độ kế toán cũng thay đổi cho phù hợp. Thực tế cho thấy trong những năm vừa qua, Luật thuế mới này cũng đã phần nào phát huy được những tác dụng tích cực đối với nền kinh tế đất nước. Nhưng những khó khăn, vướng mắc trong quá trình vận dụng nó vào điều kiện kinh doanh thực tế của doanh nghiệp thì vẫn còn nhiều tồn tại.

Xuất phát từ thực tiễn trên, em đã chọn đề tài ***“Hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH May Yes Vina”*** cho bài khóa luận của mình, bởi theo em thuế GTGT là một vấn đề được rất nhiều những doanh nghiệp quan tâm và sẽ còn được bàn luận, sửa đổi nhiều trong thời gian tới nhất là tại thời điểm này _ thời điểm giao thời của sự thay đổi luật thuế với nhiều ý kiến xoay quanh việc sửa đổi luật thuế GTGT.

Nội dung của đề tài đề cập đến tình hình và phát triển của Công ty, thực tế về kế toán thuế giá trị gia tăng, nội dung được trình bày cụ thể như sau:

Chương 1 : Lý luận chung về thuế GTGT và kế toán thuế GTGT.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH May Yes Vina

Chương 3 : Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH May Yes Vina.

Đề tài này góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề trong Luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT, góp phần hoàn thiện hơn nữa chế độ kế toán Việt Nam bởi vì đề tài này không chỉ đề cập những vấn đề riêng tại Công ty TNHH May Yes Vina mà còn đề cập đến những vấn đề chung về luật thuế GTGT và chế độ kế toán thuế GTGT.

Trong điều kiện thời gian, tài liệu và kiến thức có hạn cũng như thiếu kinh nghiệm thực tiễn nên khóa luận sẽ không tránh khỏi sai sót, em rất mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo để em có điều kiện bổ sung nâng cao kiến thức của mình, phục vụ tốt hơn cho công tác thực tế sau này.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của giảng viên, ThS.Đông Thị Nga, cùng chị Hải - Kế toán trưởng công ty TNHH May Yes Vina đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành bản khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, Ngày ... tháng Năm 2013

Sinh viên

Trần Thị Bích Diệp

CHƯƠNG 1:**LÝ LUẬN CHUNG VỀ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ KẾ TOÁN
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG****❖ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)****1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của thuế GTGT, bản chất, chức năng và vai trò của thuế GTGT****1.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của thuế GTGT**

Thuế GTGT có nguồn gốc từ thuế doanh thu được nghiên cứu, áp dụng từ sau Đại chiến thế giới lần thứ nhất (1914 – 1918) nhằm động viên sự đóng góp rộng rãi của quần chúng nhân dân cho nhu cầu chi tiêu của Nhà nước, để nhanh chóng hàn gắn vết thương chiến tranh. Thuế doanh thu được áp dụng ở Pháp từ năm 1917. Thời kỳ đầu thuế doanh thu chỉ đứng ở giai đoạn cuối cùng của quá trình lưu thông hàng hoá, với thuế suất rất thấp. Đầu năm 1920, thuế doanh thu được điều chỉnh, đánh vào từng khâu của quá trình sản xuất. Trong thực tế, cách đánh thuế này đã phát sinh nhược điểm về tính chất trùng lặp. Nói cách khác, quá trình sản xuất ra sản phẩm càng qua nhiều khâu thì thuế càng cao và thuế chồng lên thuế. Để khắc phục nhược điểm này, năm 1936, Pháp đã cải tiến thuế doanh thu qua hình thức đánh thuế 1 lần vào công đoạn cuối cùng của quá trình sản xuất (tức là khi sản phẩm được đưa vào lưu thông lần đầu). Như vậy, việc đánh thuế độc lập, một lần với độ dài của quá trình sản xuất, khắc phục được hiện tượng đánh thuế trùng lặp trước đó. Tuy nhiên, chính sách thuế này lại phát sinh nhược điểm là việc thu thuế bị chậm trễ so với kỳ trước, vì chỉ khi sản phẩm được đưa vào khâu lưu thông lần đầu, Nhà nước mới được thu thuế.

Qua nhiều lần sửa đổi, bổ sung, thuế doanh thu vẫn còn nhược điểm nổi bật là thuế thu chồng chéo, trùng lặp... Đến năm 1954, Chính phủ Pháp đã ban hành loại thuế mới với tên gọi là thuế giá trị gia tăng, theo tiếng Pháp là TAXE SUR LA VALUER AJOU TÉE (viết tắt là TVA) được ban hành để áp dụng đối với ngành sản xuất, chủ yếu nhằm vào việc hạn chế thu thuế chồng chéo qua nhiều khâu trong lĩnh vực công nghiệp, với thuế suất đồng đều là 20% và chỉ khấu trừ thuế ở khâu

trước đối với nguyên liệu. Quá trình thống nhất hoá Châu Âu được thúc đẩy vào những năm 50 đã có tác dụng thuận lợi để TVA được triển khai nhanh chóng ở các nước khác. Đến năm 1966, trong xu hướng cải tiến hệ thống thuế “ đơn giản và hiện đại ” chung ở Châu Âu, TVA được ban hành chính thức để thay thế một số sắc thuế gián thu. Năm 1986, TVA ở Pháp được áp dụng rộng rãi đối với tất cả các ngành nghề sản xuất, lưu thông hàng hoá, dịch vụ, nhằm đáp ứng hai mục tiêu quan trọng : Bảo đảm số thu kịp thời, thường xuyên cho ngân sách nhà nước và khắc phục tình trạng thu thuế trùng lặp của thuế doanh thu.

Khai sinh từ nước Pháp, thuế GTGT đã nhanh chóng được áp dụng rộng rãi trên thế giới, trở thành nguồn thu quan trọng của nhiều nước, đến nay đã có trên 130 nước áp dụng thuế GTGT, chủ yếu là các nước Châu Phi, Châu Mỹ La tinh, các nước trong cộng đồng Châu Âu và Châu á, trong đó có Việt Nam đã bắt đầu thi hành từ ngày 1/1/1999 và gọi là thuế GTGT (Value Added Tax - viết tắt là VAT).

1.1.2. Những điểm giống và khác nhau giữa thuế GTGT và thuế doanh thu

1.1.2.1. Giống nhau

Thuế GTGT và thuế doanh thu đều là thuế gián thu đánh vào người tiêu dùng hàng hóa hoặc được cung ứng dịch vụ. Doanh nghiệp đóng vai trò là người thu hộ thuế cho nhà nước, họ đã cộng số thuế gián thu phải nộp vào giá bán sản phẩm hoặc dịch vụ để người tiêu dùng trả, nên họ phải nộp đầy đủ số thuế thu hộ này vào Ngân sách nhà nước.

Về mặt quản lý, thuế GTGT và thuế doanh thu tránh được mối quan hệ trực tiếp giữa người tiêu dùng-người chịu thuế với cơ quan thuế nên có phần dễ thu hơn thuế trực thu, hơn nữa chúng không quan tâm đến chi phí hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp nên chi phí quản lý có phần thấp hơn thuế trực thu.

1.1.2.2. Khác nhau

- Thuế GTGT chỉ đánh vào giá trị tăng thêm của sản phẩm ở từng khâu sản xuất, lưu thông. Nhưng thuế doanh thu lại đánh lên toàn bộ doanh thu của sản phẩm, qua mỗi lần chuyển dịch từ sản xuất đến lưu thông.

- Thuế GTGT có khấu trừ thuế ở giai đoạn trước. Thuế doanh thu không khấu trừ thuế đã nộp ở giai đoạn trước.

- Tổng số thuế GTGT đối với từng sản phẩm không phụ thuộc vào sự tổ chức và phân chia các chu trình kinh tế, dù các công đoạn sản xuất, kinh doanh được chuyên môn hóa cao tập trung ở 1 doanh nghiệp hay phân chia cho nhiều doanh nghiệp, tổng số thuế thu được vẫn bằng nhau. Ngược lại, số thuế doanh thu đối với từng sản phẩm phụ thuộc vào sự tổ chức và phân chia các chu trình kinh tế. Sản phẩm hàng hóa càng trải qua nhiều công đoạn sản xuất, lưu thông thì tổng số thuế thu đối với từng sản phẩm từ khâu đầu đến khâu cuối cùng mà người tiêu dùng phải chịu càng cao.

- Thuế GTGT thường có số lượng thuế suất ít hơn thuế doanh thu, nên có phần đơn giản, rõ ràng và dễ thực hiện hơn thuế doanh thu.

1.1.3. Bản chất của thuế GTGT đối với nền kinh tế quốc dân:

Thuế GTGT là loại thuế gián thu, đánh trên khoản giá trị tăng thêm của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng. Thực chất của loại thuế này là đánh vào sự tiêu dùng hàng hoá, dịch vụ nên người chịu thuế ở đây chính là người tiêu dùng, các nhà sản xuất kinh doanh chỉ là người nộp thuế hộ cho người chịu thuế.

Thông qua việc ban hành và áp dụng các loại thuế, Nhà nước tập trung được 1 phần của cải xã hội vào ngân sách nhà nước. Nhà nước ấn định các thứ thuế áp dụng cho các thể nhân và pháp nhân trong xã hội. Việc các đối tượng nộp thuế, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đã tạo ra nguồn thu cơ bản cho ngân sách nhà nước.

1.1.4. Chức năng và vai trò của thuế GTGT

1.1.4.1. Chức năng và vai trò của thuế GTGT trong lưu thông hàng hóa

Với tính ưu điểm của thuế giá trị gia tăng là Nhà nước chỉ thu thuế đối với phần giá trị tăng thêm của các sản phẩm ở từng khâu sản xuất, lưu thông mà không thu thuế đối với toàn bộ doanh thu phát sinh như mô hình thuế doanh thu. Nếu như không có các sự kiện biến động về tài chính, tiền tệ, sản xuất và lưu thông giảm sút, yếu kém, kinh tế suy thoái và các nguyên nhân khác tác động thì việc áp dụng thuế

giá trị gia tăng thay cho thuế doanh thu sẽ không ảnh hưởng gì đến giá cả các sản phẩm tiêu dùng, mà trái lại giá cả càng hợp lý hơn, chính xác hơn vì tránh được thuế chồng lên thuế.

Theo nghiên cứu và thống kê của ngân hàng thế giới (WB) và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) thì phần lớn các nước trong đó có cả Việt Nam sau khi áp dụng thuế giá trị gia tăng, giá cả các loại hàng hoá, dịch vụ đều không thay đổi hay chỉ thay đổi một tỷ lệ không đáng kể và mức sản xuất của các doanh nghiệp, mức tiêu dùng của dân chúng không sút giảm, hay chỉ sút giảm một tỷ lệ nhỏ trong thời gian đầu, kể cả các trường hợp tăng thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với một số mặt hàng trong định kỳ điều chỉnh. Như vậy ta có thể kết luận rằng thuế giá trị gia tăng không phải là một nhân tố gây ra lạm phát, gây khó khăn trở ngại cho việc phát triển sản xuất, lưu thông hàng hoá mà trái lại, việc áp dụng thuế giá trị gia tăng đã góp phần ổn định giá cả, mở rộng lưu thông hàng hoá, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển và đẩy mạnh xuất khẩu.

1.1.4.2. Chức năng và vai trò của thuế GTGT đối với nền kinh tế quốc dân

Thuế là công cụ điều tiết vĩ mô của nhà nước đối với nền kinh tế và đời sống xã hội. Thông qua việc ban hành và thực hiện luật thuế, Nhà nước thể chế hoá và thực hiện chính sách điều tiết đối với nền kinh tế, điều tiết thu nhập và tiêu dùng, tiết kiệm của xã hội. Điều tiết đối với nền kinh tế là yêu cầu khách quan đối với hoạt động của nhà nước trong nền kinh tế thị trường. Vai trò này của thuế được thể hiện ở chỗ là công cụ tác động đến đầu tư, lãi suất, tiết kiệm... Thông qua các quy định của thuế Nhà nước tác động đến cung – cầu của nền kinh tế một cách hợp lý nhằm ổn định và tăng trưởng kinh tế. Chẳng hạn để hạn chế cầu 1 mặt hàng nào đó nhằm bảo vệ sản xuất trong nước, Nhà nước quy định một thuế suất cao đối với hàng hoá đó.

Trong điều kiện cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường tất yếu dẫn đến tình trạng khó khăn ở một số doanh nghiệp. Đối với những ngành nghề cần khuyến khích, bảo hộ ngoài những quy định chung, luật thuế còn có các quy định về ưu đãi, miễn, giảm thuế nhằm khắc phục sự suy thoái của một số doanh nghiệp, tạo ra sự ổn định và phát triển.

1.1.5. Sự cần thiết phải áp dụng luật thuế GTGT vào Việt Nam

Qua đánh giá một cách đúng đắn, đầy đủ, chính xác về thực trạng của thuế doanh thu. Trong quá trình thực hiện thuế doanh thu đã bộc lộ những nhược điểm, hạn chế trên các mặt:

- Thuế tính trên toàn bộ doanh thu (bao gồm thuế doanh thu), qua từng khâu lưu chuyển hàng hoá, từ sản xuất, bán buôn đến bán lẻ, đã ảnh hưởng không tốt đến giá cả và sản xuất kinh doanh.

- Cùng với một mặt hàng nếu được tổ chức sản xuất và lưu chuyển qua ít khâu tổng số thuế phải nộp sẽ thấp hơn so với việc tổ chức qua nhiều khâu, không phù hợp với cơ chế thị trường.

- Thuế quan đối với hàng nhập khẩu có trường hợp phải miễn giảm, để phục vụ cho các quan hệ hợp tác trong khu vực và trên thế giới vừa gây thất thu cho ngân sách nhà nước, vừa không bảo vệ sản xuất nội địa.

- Có nhiều sắc thuế làm cho hệ thống thuế trở nên nặng nề, cần thay thế bằng thuế GTGT để có thể bao quát được các đối tượng đánh thuế, nhằm động viên đóng góp của người tiêu dùng.

- Sự phát triển của hệ thống thuế không theo kịp sự phát triển của nền kinh tế.

- Khắc phục 1 phần tình trạng thất thu thuế cho ngân sách nhà nước.

Việt Nam đã chọn thuế GTGT như một giải pháp tốt nhất để tăng tính trung lập và thống nhất việc đánh thuế, khuyến khích quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và tăng năng suất, tăng thu cho ngân sách nhà nước.

1.2. Khái niệm, cơ chế hoạt động, các quy định về thuế GTGT

1.2.1. Khái niệm

- **Khái niệm GTGT:**

GTGT là giá trị tăng thêm của một sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, chế biến, thương mại hoặc dịch vụ (gọi chung là cơ sở kinh doanh) tác động vào nguyên vật liệu thô hay hàng hóa, dịch vụ mua vào làm cho giá trị của chúng tăng thêm. Nói cách khác, đây là chênh lệch giữa giá đầu ra và giá đầu vào do cơ

sở sản xuất kinh doanh tạo ra trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hay đó là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ phát triển trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

Đối với một số ngành nghề kinh doanh, GTGT được xác định như sau:

- Đối với ngành xây dựng: là tiền thu thù lao xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình trừ chi phí về vật tư, động lực,... và các chi phí khác phục vụ cho xây dựng, lắp đặt công trình, hạng mục công trình đó.

- Đối với hoạt động kinh doanh ăn uống: là số chênh lệch giữa khoản thu về tiêu thụ và các khoản thu khác trừ tiền mua hàng hóa, chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho kinh doanh ăn uống.

- Đối với hoạt động kinh doanh khác là số chênh lệch giữa các khoản thu về tiêu thụ trừ chi phí hàng hóa, dịch vụ mua ngoài để thực hiện hoạt động kinh doanh đó.

Giá trị gia tăng = Giá đầu ra – Giá đầu vào

- **Khái niệm thuế GTGT:**

Theo quy định của luật thuế GTGT thì thuế GTGT là một loại thuế gián thu đánh trên khoản giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình tự sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và được nộp và Ngân sách nhà nước theo mức độ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ.

1.2.2. Cơ chế hoạt động của thuế GTGT

Cơ sở của thuế giá trị gia tăng chính là phần giá trị tăng thêm của sản phẩm do cơ sở sản xuất, kinh doanh mới sáng tạo ra chưa bị đánh thuế. Nói cách khác, cơ sở của thuế giá trị gia tăng là khoản chênh lệch giữa giá mua và giá bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ. Do đó cơ chế hoạt động của thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Một trong những nguyên tắc cơ bản của thuế giá trị gia tăng là sản phẩm, hàng hoá dù qua nhiều khâu hay ít khâu từ sản xuất đến tiêu dùng, đều chịu thuế như nhau.

- Thuế giá trị gia tăng có điểm cơ bản khác với thuế doanh thu là chỉ có người bán hàng (hoặc dịch vụ) lần đầu phải nộp thuế giá trị gia tăng trên toàn bộ doanh thu bán hàng (hoặc cung ứng dịch vụ). Còn người bán hàng (hoặc dịch vụ) ở các khâu tiếp theo đối với hàng hoá (hoặc dịch vụ) đó, chỉ phải nộp thuế trên phần giá trị tăng thêm. Nói cách khác, thuế giá trị gia tăng là loại thuế duy nhất thu theo phân đoạn chia nhỏ, trong quá trình sản xuất, lưu thông hàng hoá (hoặc dịch vụ) từ khâu đầu tiên đến người tiêu dùng, khi khép kín một chu kỳ kinh tế. Đến cuối chu kỳ sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ, tổng số thuế thu được ở các công đoạn sẽ khớp với số thuế tính trên giá bán hàng hoá hoặc giá dịch vụ cho người tiêu dùng cuối cùng.
- Thuế giá trị gia tăng không chịu ảnh hưởng bởi kết quả sản xuất, kinh doanh của đối tượng nộp thuế, không phải là yếu tố của chi phí mà chỉ đơn thuần là một khoản được cộng thêm vào giá bán của đối tượng cung cấp hàng hóa, dịch vụ.
- Thuế giá trị gia tăng do người tiêu dùng chịu nhưng không phải do người tiêu dùng trực tiếp nộp mà là do người bán sản phẩm (hoặc dịch vụ) nộp thay vào ngân sách nhà nước, do trong giá bán hàng hoá (hoặc trong dịch vụ) có cả thuế giá trị gia tăng. Vì qua từng công đoạn, thuế giá trị gia tăng đã được người bán đưa vào giá hàng hoá, dịch vụ cho nên thuế này được chuyển toàn bộ cho người mua hàng hoá hoặc sử dụng dịch vụ cuối cùng chịu.

1.2.3. Các quy định về thuế GTGT

1.2.3.1. Đối tượng nộp thuế GTGT

Là các tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT tại Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức tổ chức kinh doanh và tổ chức, cá nhân khác có nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT.

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ bao gồm:

- Các tổ chức kinh doanh được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật doanh nghiệp, Luật doanh nghiệp Nhà Nước và Luật Hợp tác xã.

- Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác.

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam không thuộc các hình thức đầu tư theo luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

- Cá nhân, hộ gia đình, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng kinh doanh khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhập khẩu.

1.2.3.2. Đối tượng chịu thuế GTGT

Đối tượng chịu thuế GTGT là hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài), trừ các đối tượng không chịu thuế GTGT nêu tại Mục II, Phần A Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Hàng hóa chịu thuế GTGT bao gồm:

- Hàng hóa, dịch vụ được sản xuất và tiêu dùng trong nước
- Hàng hóa, dịch vụ được nhập khẩu để tiêu dùng trong nước
- Hàng hóa, dịch vụ được sản xuất và tiêu dùng nội bộ
- Hàng hóa, dịch vụ được mua, bán dưới mọi hình thức, bao gồm cả trao đổi bằng hiện vật (không thanh toán bằng tiền)

1.2.3.3. Đối tượng không chịu thuế GTGT

Hiện nay, Luật thuế GTGT nước ta quy định danh mục 25 loại hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Những loại hàng hóa, dịch vụ này thường có một trong các tính chất sau:

- Là sản phẩm của một số ngành còn đang khó khăn, cần khuyến khích, tạo điều kiện phát triển như: sản xuất nông nghiệp, sản xuất muối, tưới tiêu nước phục vụ nông nghiệp; thiết bị máy móc nhập khẩu mà trong nước chưa sản xuất được; chuyển giao công nghệ,....

- Các hàng hóa, dịch vụ thuộc các hoạt động không mang tính chất kinh doanh vì lợi nhuận hoặc thuộc các hoạt động được ưu đãi vì mục tiêu xã hội, nhân đạo: Vũ khí, khí tài phục vụ an ninh, quốc phòng; bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm học sinh; duy tu, sửa chữa các công trình văn hóa nghệ thuật, công trình công cộng; một số hàng hóa nhập khẩu có tính chất viện trợ, quà tặng từ nước ngoài,...
- Một số hàng hóa, dịch vụ thiết yếu phục vụ nhu cầu đời sống sản xuất cộng đồng, không đặt vấn đề điều tiết tiêu dùng như: dịch vụ y tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, thông tin đại chúng, vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt,....

Tổ chức, cá nhân mua, bán, nhập khẩu hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT không được khấu trừ và hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ này ở khâu không chịu thuế GTGT.

1.3. Căn cứ và phương pháp tính thuế GTGT

1.3.1. Căn cứ tính thuế GTGT

Căn cứ tính thuế GTGT là giá tính thuế và thuế suất.

1.3.1.1. Giá tính thuế

Giá tính thuế là một căn cứ quan trọng để xác định số thuế GTGT phải nộp. Giá tính thuế GTGT là giá bán chưa có thuế GTGT được ghi trên hoá đơn bán hàng của người bán hàng, người cung cấp dịch vụ hoặc người nhập khẩu.

Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ được xác định cụ thể như sau:

1. Đối với hàng hoá, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra hoặc cung ứng cho đối tượng khác

Giá tính thuế = Giá chưa có thuế GTGT ghi trên hoá đơn

Giá bán tính thuế đối với các loại hàng hoá, dịch vụ bao gồm cả khoản phụ phí và phí thu thêm ngoài giá hàng hoá, dịch vụ của cơ sở kinh doanh được hưởng trừ các khoản phụ phí cơ sở kinh doanh phải nộp ngân sách nhà nước.

2. Đối với hàng hoá nhập khẩu

Giá tính thuế = Giá NK+ Thuế NK + Thuế TTĐB (nếu có)

Giá nhập khẩu tại cửa khẩu làm căn cứ tính thuế GTGT được xác định theo các quy định về giá tính thuế hàng hoá nhập khẩu.

Trường hợp hàng hoá nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế GTGT là giá hàng hoá nhập khẩu cộng (+) thuế nhập khẩu xác định theo mức thuế phải nộp sau khi đã được miễn giảm.

3. Sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ dùng để trao đổi, biếu, tặng hoặc để trả thay lương

Giá tính thuế = Giá tính thuế của HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh hoạt động

4. Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ cơ sở kinh doanh xuất để tiêu dùng hoặc cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT thì phải tính thuế GTGT đầu ra.

Giá tính thuế = Giá bán HHDV cùng loại hoặc tương đương tại cùng thời điểm phát sinh việc tiêu dùng

5. Đối với dịch vụ do phía nước ngoài cung ứng cho các đối tượng tiêu dùng ở Việt Nam

Giá tính thuế = Giá dịch vụ phải thanh toán cho phía nước ngoài.

6. Dịch vụ cho thuê tài sản bao gồm cho thuê nhà, xưởng, kho tàng bến, bãi, phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị.....

Giá tính thuế = Số tiền thuê từng kỳ hoặc thu trước

7. Đối với hàng hoá bán theo phương thức trả chậm, trả góp

Giá tính thuế = giá bán trả 1 lần chưa thuế (ko bao gồm lãi trả góp, trả chậm)

8. Đối với gia công hàng hoá

Giá tính thuế = Giá gia công chưa có thuế

Giá gia công bao gồm: tiền công, tiền nhiên liệu, động lực, vật liệu phụ và các chi phí khác để gia công.

9. Đối với xây dựng, lắp đặt:

- Đối với trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu thì giá thành thuế bao gồm cả chi phí nguyên vật liệu.

- Đối với trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu.

- Trường hợp xây dựng, lắp đặt thực hiện thanh toán theo hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao thì giá tính thuế tính theo giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có thuế GTGT.

10. Đối với các cơ sở kinh doanh được Nhà nước giao đất xây dựng cơ sở hạ tầng để bán, để chuyển nhượng gắn với chuyển quyền sử dụng đất

Giá tính thuế GTGT = Giá bán, giá chuyển nhượng chưa có thuế - Tiền sử dụng đất theo giá đất quy định khi giao đất.

11. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

Giá tính thuế = Giá bán – Tiền sử dụng đất

12. Đối với dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ môi giới, uỷ thác, xuất nhập khẩu và dịch vụ khác hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng

Giá tính thuế = Tiền công hoặc tiền hoa hồng được hưởng chưa có thuế.

13. Đối với vận tải, bốc xếp

Giá tính thuế = Giá cước vận tải, bốc xếp chưa có thuế GTGT

(không phân biệt cơ sở trực tiếp vận tải bốc xếp hay thuê lại)

14. Đối với hàng hoá, dịch vụ có tính đặc thù dùng các chứng từ như tem bưu chính, vé cước vận tải, vé xổ số kiến thiết... ghi giá thanh toán là giá đã có thuế GTGT

$$\text{Giá chưa có thuế GTGT} = \frac{\text{Giá thanh toán (tiền bán vé, bán tem...)}}{1 + \% \text{ thuế suất của hàng hoá, dịch vụ đó}}$$

Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, hợp đồng ký với khách hàng theo giá trọn gói thì giá trọn gói được xác định là giá đã có thuế để tính thuế GTGT

và doanh thu của cơ sở kinh doanh. Trường hợp giá trọn gói bao gồm các khoản không chịu thuế GTGT như chi vé máy bay vận chuyển khách du lịch từ nước ngoài vào Việt Nam, từ Việt Nam đi nước ngoài, các chi phí ăn nghỉ, thăm quan ở nước ngoài (nếu có chứng từ hợp pháp) thì các khoản chi này được tính giảm trừ trong giá tính thuế GTGT.

15. Đối với dịch vụ cầm đồ

Giá tính thuế = Tiền phải thu từ dịch vụ

Tiền phải thu từ dịch vụ bao gồm tiền lãi phải thu từ cho vay cầm đồ và chênh lệch thu được từ bán hàng cầm cố. Khoản thu từ dịch vụ này được xác định là giá đã có thuế để tính thuế GTGT đầu ra và doanh thu của cơ sở kinh doanh.

16. Đối với sách, báo, tạp chí

Trường hợp bán theo đúng giá phát hành (giá bìa) và theo quy định của luật xuất bản thì giá đó được xác định là giá đã có thuế GTGT để tính thuế GTGT và doanh thu của cơ sở (đối với loại chịu thuế GTGT).

Các trường hợp bán không theo giá bìa thì thuế GTGT tính trên giá bán ra.

17. Đối với dịch vụ in

Giá tính thuế = Tiền công in (không bao gồm tiền giấy in)

Trường hợp cơ sở in cung cấp giấy cho khách hàng thì cơ sở in phải hạch toán riêng giá giấy và tiền công in để tính thuế riêng cho dịch vụ in và doanh thu bán giấy in theo thuế suất của dịch vụ in và sản phẩm giấy.

18. Đối với dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi dưỡng, đại lý đòi người thứ ba của dịch vụ kinh doanh bảo hiểm

Giá tính thuế = Tiền công hoặc tiền hoa hồng được hưởng
(bao gồm cả khoản phí tổn cơ sở kinh doanh bảo hiểm thu được)

1.3.1.2. Thuế suất

Thuế suất thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ được áp dụng như sau:

1.3.1.2.1 Mức thuế suất 0%.

Áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình của doanh nghiệp chế xuất; hàng bán cho cửa hàng bán hàng miễn thuế; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% :

- Hàng hoá xuất khẩu, bao gồm xuất khẩu ra nước ngoài, kể cả uỷ thác xuất khẩu, bán cho các doanh nghiệp chế xuất và các trường hợp được coi là xuất khẩu.

- Dịch vụ xuất khẩu và dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất để sử dụng cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, trừ các dịch vụ sử dụng cho tiêu dùng cá nhân (Dịch vụ vận chuyển đưa đón cán bộ công nhân viên, cung cấp xuất ăn cho cán bộ công nhân viên của doanh nghiệp chế xuất...)

- Vận tải quốc tế.

1.3.1.2.2. Mức thuế suất 5%

Áp dụng đối với HHDV thiết yếu phục vụ cho nhu cầu của cộng đồng.

1.3.1.2.3. Mức thuế suất 10%

Mức thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa dịch vụ thông thường còn lại như: Dầu mỏ, khí đốt, quặng; điện thương phẩm; xây dựng lắp đặt; sản phẩm điện tử; sản phẩm hóa chất; sợi vải sản phẩm may mặc, thêu ren; giấy; sữa, bánh kẹo, nước giải khát; sản phẩm gốm sứ thủy tinh; dịch vụ tư vấn pháp luật và các dịch vụ tư vấn khác; khách sạn, dịch vụ, ăn uống....

Các mức thuế suất thuế GTGT nêu trên đây được áp dụng thống nhất cho từng loại hàng hóa, dịch vụ ở các khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại.

Ví dụ : Hàng may mặc áp dụng thuế suất là 10% thì mặt hàng này ở khâu nhập khẩu, sản xuất, gia công hay kinh doanh thương mại đều áp dụng thuế suất 10%.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hoá, dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hoá, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hoá, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.

1.3.1.3. Thời điểm xác định thuế GTGT

- Đối với bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hoá cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với cung ứng dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hoá đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với hoạt động cung cấp điện, nước sạch là ngày ghi chỉ số điện, nước tiêu thụ trên đồng hồ để ghi trên hoá đơn tính tiền.

- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê là thời điểm thu tiền theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng. Căn cứ số tiền thu được, cơ sở kinh doanh thực hiện khai thuế GTGT đầu ra phát sinh trong kỳ.

- Đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Đối với hàng hoá nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.

1.4. Phương pháp tính thuế GTGT

Cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo một trong hai phương pháp: phương pháp khấu trừ thuế và phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

Đối tượng áp dụng và việc xác định thuế phải nộp theo từng phương pháp như sau:

1.4.1. Phương pháp khấu trừ thuế

• Đối tượng áp dụng

Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ và đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế, trừ các đối tượng áp dụng tính thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên GTGT.

- **Ưu điểm của phương pháp khấu trừ thuế**

Đơn giản hóa được quá trình tính và thu thuế bằng cách chỉ cần tập hợp các hóa đơn bán và mua hàng đã tính sẵn số thuế đầu ra và thuế đầu vào trên đó.

Đảm bảo thu được đủ số thuế cần điều tiết ở người mua hàng cuối cùng vì đây thực chất là phương pháp trừ lùi số thuế đã nộp để xác định số thuế còn phải nộp. (Việc tính theo phương pháp trực tiếp có thể kết quả sẽ không khớp nếu tính GTGT ở các khâu không chính xác).

- **Công thức xác định thuế GTGT phải nộp**

$$\begin{array}{rcc} \text{Số thuế GTGT} & & \text{Số thuế GTGT} & & \text{Số thuế GTGT đầu vào} \\ \text{phải nộp} & = & \text{đầu ra} & - & \text{được khấu trừ} \end{array}$$

Trong đó:

- Thuế đầu ra = Giá tính thuế của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế bán ra x Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ đó.
- Thuế đầu vào được khấu trừ = Giá tính thuế của hàng hoá dịch vụ mua vào chịu thuế x Thuế suất thuế giá trị gia tăng.

1.4.1.1. Xác định thuế GTGT đầu ra

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng tính thuế theo phương pháp khấu trừ khi bán hàng hoá dịch vụ, cơ sở kinh doanh phải tính và thu thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra. Khi lập hóa đơn bán hàng phải ghi rõ giá bán chưa thuế, thuế giá trị gia tăng, tổng số tiền người mua phải thanh toán .

Trường hợp hóa đơn chỉ ghi giá thanh toán, không ghi giá chưa thuế và thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng của hàng hoá dịch vụ bán ra phải tính trên giá thanh toán ghi trên hóa đơn chứng từ.

Trường hợp hóa đơn ghi sai mức thuế suất mà CSKD bán HHDV chưa tự điều chỉnh, cơ quan thuế phát hiện thì xử lý như sau:

- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ > mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất ghi trên HĐ
- Nếu mức thuế suất ghi trên HĐ < mức thuế suất quy định => DN phải kê khai nộp thuế theo mức thuế suất quy định

1.4.1.2. Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng để sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

Thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào dùng cho cả sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT => chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT.

Tài sản cố định dùng trong sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ thì được khấu trừ toàn bộ thuế GTGT đầu vào.

Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, tài sản cố định mua vào bị tổn thất, hỏng hóc do thiên tai, hoả hoạn,...Nếu xác định được người phải bồi thường thì thuế GTGT đầu vào của số hàng hoá này được tính vào giá trị hàng hoá tổn thất phải bồi thường, không được khấu trừ.

Thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ được khấu trừ phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn trong kho. Trong trường hợp chưa kịp kê khai trong tháng thì được khai khấu trừ vào các tháng tiếp theo, tối đa là 6 tháng kể từ thời điểm kê khai của tháng phát sinh.

Thuế GTGT của hàng hoá (gồm cả mua ngoài và doanh nghiệp tự sản xuất ra) mà doanh nghiệp sử dụng để khuyến mại, quảng cáo dưới các hình thức phục vụ cho sản xuất kinh doanh hàng hoá chịu thuế GTGT thì được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

Không khấu trừ VAT đầu vào khi hoá đơn GTGT không đúng quy định (không ghi thuế GTGT, ghi sai tên, địa chỉ, mã số thuế của người bán, hoá đơn bị tẩy xoá, hoá đơn ghi không đúng giá trị thực của hàng hoá dịch vụ mua bán, trao đổi).

Nếu hàng hoá dịch vụ mua vào sử dụng đồng thời cho cả hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì được xử lý như sau:

- Nếu cơ sở sản xuất kinh doanh hạch toán riêng được thì chỉ khấu trừ thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ dùng cho sản xuất kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT.
- Nếu không hạch toán riêng được thì số thuế đầu vào được khấu trừ xác định theo tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào:

$$\frac{\text{Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào}}{\text{GTGT đầu vào}} = \frac{\text{Doanh thu chịu thuế GTGT}}{\text{Tổng doanh thu tiêu thụ trong kỳ.}}$$

- Số thuế GTGT = Tổng số thuế GTGT x Tỷ lệ khấu trừ thuế GTGT đầu vào

1.4.1.3. Điều kiện khấu trừ thuế

- a. Có hoá đơn GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế GTGT hàng hoá ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế GTGT đối với trường hợp mua dịch vụ.
- b. Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng.

1.4.2. Phương pháp trực tiếp

• Đối tượng áp dụng

a) Cá nhân, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác (bao gồm cả các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, trừ các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí.

Đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hoá, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển và khai thác mỏ dầu, khí đốt, bên Việt

Nam chịu trách nhiệm khấu trừ và nộp thay theo tỷ lệ do Bộ Tài chính quy định. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài đăng ký, khai, nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thì số thuế đã nộp theo tỷ lệ do Bộ Tài chính được trừ vào số thuế phải nộp.

c) Hoạt động kinh doanh mua bán, vàng, bạc, đá quý.

Trường hợp cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế có hoạt động kinh doanh mua bán vàng, bạc, đá quý, ngoại tệ thì cơ sở phải hạch toán riêng hoạt động kinh doanh này để tính thuế trực tiếp trên GTGT.

● **Xác định thuế GTGT phải nộp**

$$\begin{aligned} \text{Số thuế GTGT phải nộp} &= \text{Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ chịu thuế} * \text{Thuế suất thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ đó} \\ \text{GTGT của hàng hoá dịch vụ chịu thuế} &= \text{Doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra} - \text{Giá vốn của hàng hoá dịch vụ bán ra} \end{aligned}$$

Giá trị gia tăng của hàng hoá, dịch vụ được xác định bằng giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra trừ (-) giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào tương ứng.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ bán ra là giá thực tế bán ghi trên hoá đơn bán hàng hoá, dịch vụ, bao gồm cả thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng, không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Giá thanh toán của hàng hoá, dịch vụ mua vào được xác định bằng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT bán ra tương ứng.

● **Phương pháp xác định GTGT làm căn cứ tính thuế GTGT phải nộp đối với từng cơ sở kinh doanh như sau:**

+ Đối với cơ sở kinh doanh đã thực hiện đầy đủ việc mua, bán hàng hoá, dịch vụ có hoá đơn, chứng từ, ghi chép sổ sách kế toán từ GTGT được xác định căn cứ vào giá mua, giá bán ghi trên chứng từ.

+ Đối với cơ sở kinh doanh bán hàng hoá, dịch vụ có đầy đủ hoá đơn của hàng hoá, dịch vụ bán ra theo chế độ quy định hoặc có đủ điều kiện xác định được đúng doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ như hợp đồng và chứng từ thanh toán nhưng không có đủ hoá đơn mua hàng hóa, dịch vụ đầu vào thì GTGT được xác định bằng doanh thu nhân (x) với tỷ lệ (%) GTGT tính trên doanh thu.

Tỷ lệ (%) giá trị gia tăng tính trên doanh thu làm căn cứ xác định giá trị gia tăng được quy định như sau:

- Thương mại (phân phối, cung cấp hàng hoá): 10%.
- Dịch vụ, xây dựng (trừ xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu): 50%.
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 30%.

+ Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế theo tỷ lệ (%) GTGT do Bộ Tài chính quy định.

1.5. Thủ tục kê khai, nộp thuế, quyết toán, và hoàn thuế GTGT

1.5.1. Kê khai thuế

Các cơ sở kinh doanh hàng hoá dịch vụ chịu thuế GTGT thì phải có trách nhiệm lập và gửi cho cơ quan thuế tờ khai tính thuế GTGT từng tháng kèm theo bảng kê hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra theo mẫu qui định .

Đối với các cơ sở kinh doanh nhập khẩu, mỗi lần phát sinh hoạt động nhập khẩu, cơ sở phải có trách nhiệm kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu cùng với việc kê khai thuế nhập khẩu cho cơ quan hải quan thu thuế tại cửa khẩu nhập.

Đối với các cơ sở kinh doanh buôn chuyển phải kê khai và nộp thuế GTGT theo từng chuyển hàng cho cơ quan thuế nơi mua hàng trước khi vận chuyển hàng đi tiêu thụ.

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải kê khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại

hàng hóa, dịch vụ, nếu cơ sở kinh doanh không xác định được theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở có sản xuất, kinh doanh.

1.5.2.Nộp thuế GTGT

- **Thời gian nộp thuế**

Đối với các cơ sở kinh doanh thực hiện nộp thuế hàng tháng theo thông báo của cơ quan thuế thì thời hạn nộp thuế của tháng chậm nhất không quá ngày 20 của tháng tiếp theo.

Đối với cơ sở kinh doanh có số thuế phải nộp hàng tháng lớn thì cơ sở phải tạm nộp thuế theo định kỳ 10-15 ngày một lần và trong thời hạn quy định (Theo thông báo của cơ quan thuế) cơ sở phải nộp đủ số thuế phải nộp trong tháng.

Riêng cơ sở kinh doanh và người nhập khẩu hàng hoá phải nộp thuế GTGT theo từng lần nhập khẩu...

- **Số thuế phải nộp**

Căn cứ vào số thuế trong thông báo nộp thuế của cơ quan thuế. Trong một số trường hợp đặc biệt, nếu kỳ này cơ sở kinh doanh nộp thừa thì số thuế nộp thừa đó được trừ vào số thuế phải nộp của kỳ tiếp theo, nếu kỳ trước nộp thiếu thì phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào kỳ tiếp theo. Riêng đối tượng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ có số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra trong tháng, thì số thuế lớn hơn được trừ tiếp vào tháng tiếp theo

- **Địa điểm nộp thuế**

Cơ sở có thể trực tiếp nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước (tại kho bạc nhà nước), hoặc trích tiền gửi ngân hàng để nộp vào ngân sách nhà nước. Đối với các cá nhân kinh doanh (trừ đối tượng nộp thuế theo kê khai) ở xa kho bạc, luôn di động... thì cơ quan thuế tổ chức thu trực tiếp và nộp vào ngân sách nhà nước (chậm nhất không quá 3 ngày kể từ ngày thu được tiền thiếu, riêng đối với vùng núi, hải đảo là 6 ngày).

Thời điểm nộp thuế được tính từ thời điểm nộp thuế tại kho bạc, hoặc được tính từ ngày ngân hàng trích chuyển tiền gửi của cơ sở kinh doanh vào ngân sách nhà nước.

- **Đơn vị tiền tệ dùng để nộp thuế**

Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ dùng để nộp thuế GTGT vào ngân sách nhà nước. Nếu đối tượng nộp thuế có doanh thu bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá mua, bán thực tế bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh doanh thu bằng ngoại tệ, để xác định số thuế GTGT phải nộp.

Nếu đã tới thời hạn nộp thuế mà cơ sở chưa nhận được thông báo nộp thuế thì căn cứ vào số thuế phải nộp theo kê khai, cơ sở chủ động nộp thuế vào ngân sách nhà nước .

1.5.3. Quyết toán thuế

Sau khi kết thúc năm dương lịch, các đối tượng nộp thuế đều phải quyết toán thuế với cơ quan thuế, thời gian chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày 30-12 của năm quyết toán thuế.

Nội dung quyết toán thuế là phải xác định số thuế GTGT phải nộp ; số thuế GTGT được khấu trừ, không được khấu trừ , còn được khấu trừ; số thuế GTGT được hoàn lại ; số thuế GTGT được giảm số thuế GTGT nộp thiếu số thuế GTGT nộp thừa.

Nơi nộp thuế quyết toán là cơ quan thuế địa phương nơi cơ sở đăng kí nộp thuế.

Dựa vào quyết toán thuế, cơ sở có trách nhiệm nộp số thuế GTGT còn thiếu vào ngân sách nhà nước (thời gian chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày nộp báo cáo quyết toán). Nếu còn thừa thì được trừ vào kỳ tiếp theo hoặc được hoàn thuế nếu cơ sở được hoàn thuế.

Nếu cơ sở kinh doanh có sát nhập , giải thể, chia tách , phá sản... thì cơ sở đó cũng phải quyết toán thuế với cơ quan thuế chậm nhất không quá 45 ngày kể từ ngày có quyết định sát nhập , giải thể, chia tách , phá sản.

Kê khai đầy đủ, đúng các chỉ tiêu và số liệu theo mẫu quyết toán thuế là trách nhiệm trước pháp luật của các đối tượng nộp thuế.

1.5.4. Hoàn thuế GTGT

Cơ sở kinh doanh thuộc đối tượng nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được xét hoàn thuế trong các trường hợp sau đây:

+ Cơ sở kinh doanh trong 3 tháng liên tục trở lên (không phân biệt niên độ kế toán) có lũy kê số thuế đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra được hoàn thuế.

+ Cơ sở kinh doanh trong tháng có hàng hoá xuất khẩu nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế theo tháng, hoặc chuyên hàng (nếu xác định được thuế GTGT đầu vào riêng của chuyên hàng).

Đối với hàng hoá uỷ thác xuất khẩu, gia công xuất khẩu qua một cơ sở khác ký hợp đồng gia công xuất khẩu, gia công chuyên tiếp xuất khẩu, đối tượng hoàn thuế là cơ sở hàng hoá đi uỷ thác xuất khẩu, cơ sở trực tiếp gia công hàng hoá xuất khẩu.

- Đối với cơ sở mới thành lập, đầu tư tài sản mới đã đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế nhưng chưa có phát sinh doanh thu bán hàng để tính thuế GTGT đầu ra, nếu thời gian đầu tư từ 1 năm trở lên thì được xét hoàn thuế đầu vào theo từng năm. Số thuế GTGT đầu vào của tài sản đầu tư được hoàn lại có giá trị từ 200 triệu đồng trở lên thì được xét hoàn thuế từng quý.

- Cơ sở kinh doanh quyết toán thuế khi sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản có thuế GTGT nộp thừa, cơ sở có quyền đề nghị cơ quan thuế hoàn lại số thuế GTGT nộp thừa.

- Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Việc hoàn thuế GTGT đã trả đối với các dự án sử dụng vốn ODA như sau:

+ Chủ dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại mua hàng hoá, dịch vụ từ các nhà cung cấp trong nước có thuế GTGT để sử dụng cho các dự án này.

+ Nhà thầu chính thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế sử dụng ODA không hoàn lại cung cấp các hàng hoá, dịch vụ cho các dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, không phải tính thuế của hàng hoá, dịch vụ mua trong nước GTGT.

+ Các chủ dự án sử dụng vốn ODA vay hoặc vốn ODA hỗn hợp thuộc đối tượng được ngân sách nhà nước đầu tư không hoàn trả toàn bộ hoặc một phần được khấu trừ thuế GTGT đầu vào hoặc hoàn thuế GTGT đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào từ nhà cung cấp có thuế GTGT hoặc hàng hoá nhập khẩu đã nộp thuế GTGT.

- Trường hợp chủ dự án giao thầu cho các nhà thầu chính thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế cung cấp các hàng hoá, dịch vụ theo giá không có thuế GTGT cho dự án này thì nhà thầu chính không tính thuế GTGT đầu ra nhưng được khấu trừ hoặc hoàn thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho dự án này.

- Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hoá tại Việt Nam thì được hoàn lại tiền thuế GTGT đã trả ghi trên hoá đơn GTGT khi mua hàng.

❖ KẾ TOÁN THUẾ GTGT

1.6. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán thuế

1.6.1. Yêu cầu quản lý thuế GTGT

Thuế GTGT là một phần quan trọng và không ngừng vận động cùng với quá trình vận động của dòng vốn kinh doanh, do vậy việc quản lý thuế GTGT yêu cầu phải toàn diện trên các mặt sau:

- Quản lý thuế GTGT đầu vào: đây là số tiền mà doanh nghiệp trả thay cho người tiêu dùng, sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra khi bán hàng hóa, dịch vụ. Nếu đủ tiêu chuẩn hoàn thuế theo quy định thì khoản thuế GTGT đầu vào này sẽ được Nhà nước hoàn lại, do vậy phải quản lý chặt chẽ khoản thuế này để tránh thất thoát, thiệt hại cho doanh nghiệp.

- Quản lý thuế GTGT đầu ra: đây là số tiền mà doanh nghiệp thu từ người tiêu dùng khi bán các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, số thuế này sẽ được khấu trừ với thuế GTGT đầu vào, nếu thuế GTGT đầu ra lớn hơn thuế GTGT đầu vào thì phần lớn hơn đó sẽ phải nộp vào Ngân sách. Do đó, khoản thuế này cũng phải được quản lý chặt chẽ để tránh trường hợp kê thiếu, kê sai nhằm trốn thuế gây thất thoát cho ngân sách.

- Quản lý số thuế GTGT được hoàn lại: đây là số tiền mà Nhà nước hoàn lại cho doanh nghiệp trong một số trường hợp như đã nêu ở phần I, trên thực tế thì đây là 1 vấn đề rất đáng nói, việc hoàn thuế theo quy định hiện nay đôi khi là một kẽ hở để một số doanh nghiệp lợi dụng bòn rút ngân sách.

Vì vậy yêu cầu quản lý khoản thuế này là vô cùng cần thiết và đòi hỏi phải được theo dõi thường xuyên, chặt chẽ và phải thực sự khách quan.

- Quản lý số thuế GTGT phải nộp Ngân sách: đây là nguồn thu thường xuyên của Ngân sách cho nên việc quản lý nguồn thu này là đương nhiên và hết sức cần thiết.

1.6.2. Nhiệm vụ kế toán thuế GTGT

1.6.2.1. Mô tả công việc của kế toán thuế nói chung

- **Trách nhiệm:**

- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có phát sinh.
- Kiểm tra đối chiếu hoá đơn GTGT với bảng kê thuế đầu vào, đầu ra của từng cơ sở.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu ra của toàn Công ty, phân loại theo thuế suất.
- Hàng tháng lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT đầu vào của toàn Công ty theo tỉ lệ phân bổ đầu ra được khấu trừ.
- Theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách, tồn đọng ngân sách, hoàn thuế của Công ty.
- Cùng phối hợp với kế toán tổng hợp đối chiếu số liệu báo cáo thuế của các cơ sở giữa báo cáo với quyết toán.

- Lập hồ sơ ưu đãi đối với dự án đầu tư mới, đăng ký phát sinh mới hoặc điều chỉnh giảm khi có phát sinh.
- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh.
- Lập báo cáo tổng hợp thuế theo định kỳ hoặc đột xuất (nhóm thuế suất, đơn vị cơ sở).
- Kiểm tra hoá đơn đầu vào (sử dụng đèn cực tím) đánh số thứ tự để dễ truy tìm, phát hiện loại hoá đơn không hợp pháp thông báo đến cơ sở có liên quan.
- Hàng tháng đóng chứng từ báo cáo thuế của cơ sở, toàn Công ty.
- Kiểm tra báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn để báo cáo Cục thuế.
- Lập bảng kê danh sách lưu trữ, bảo quản hoá đơn thuế GTGT theo thời gian, thứ tự số quyền không để hư hỏng thất thoát.
- Kiểm tra đối chiếu biên bản trả, nhận hàng để điều chỉnh doanh thu báo cáo thuế kịp thời khi có phát sinh.
- Cập nhật kịp thời các thông tin về Luật thuế, soạn thông báo các nghiệp vụ quy định của Luật thuế có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để cơ sở biết thực hiện.
- Lập kế hoạch thuế GTGT, thu nhập doanh nghiệp, nộp ngân sách.
- Yêu cầu chấp hành nguyên tắc bảo mật.
- Cập nhật theo dõi việc giao nhận hoá đơn (mở sổ giao và ký nhận).
- Theo dõi tình hình giao nhận hoá đơn các đơn vị cơ sở.
- Hàng tháng, quý, năm báo cáo tình hình sử dụng hoá đơn trong kỳ.
- Cập nhật và lập giấy báo công nợ các đơn vị cơ sở.
- **Quyền hạn:**
 - Đề xuất hướng xử lý các trường hợp hoá đơn cần điều chỉnh, hoặc thanh huỷ theo quy định của Luật thuế hiện hành.
 - Nhận xét đánh giá khi có chênh lệch số liệu giữa báo cáo thuế và quyết toán.
 - Hướng dẫn kế toán cơ sở thực hiện việc kê khai báo cáo thuế theo đúng quy định.
 - Các công việc khác có liên quan đến thuế.

- **Mối liên hệ công tác**

- Trực thuộc Phòng kế toán Công ty : nhận sự chỉ đạo, phân công, điều hành trực tiếp của phụ trách phòng.
- Khi cung cấp số liệu liên quan đến nghiệp vụ do mình phụ trách đều phải có sự đồng ý của Ban giám đốc hoặc Kế toán trưởng.
- Quan hệ với các Đơn vị nội bộ thuộc Công ty trong phạm vi trách nhiệm của mình đảm nhiệm để hoàn thành tốt công tác.
- Nhận hoặc trao đổi thông tin với kế toán cơ sở nội bộ.

1.6.2.2. Nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT nói riêng

- **Thứ nhất:** Theo dõi thuế GTGT đầu vào và đầu ra phát sinh trong tháng. Việc theo dõi 2 khoản thuế này đều phải căn cứ vào hoá đơn GTGT.

- **Thứ hai:** Lập bảng kê thuế hàng tháng, bao gồm:

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào

+ Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Căn cứ để lập các bảng kê trên là hoá đơn GTGT

- **Thứ ba:** Kê khai thuế phải nộp hàng tháng.

Hàng tháng, kế toán tổng hợp số thuế GTGT đầu vào, thuế GTGT đầu ra, xác định số thuế GTGT phải nộp hoặc chưa được khấu trừ, trên cơ sở đó lập tờ khai thuế GTGT, kèm với bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra để nộp cho cơ quan thuế.

- **Thứ tư:** Vào sổ kế toán và lập báo cáo thuế.

Hàng ngày, khi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán căn cứ vào hoá đơn GTGT hoặc bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ gốc khác như phiếu thu, phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có....để vào các sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331, đến cuối tháng kế toán tổng hợp số liệu trên các sổ chi tiết để lên sổ cái tài khoản 133 và sổ cái tài khoản 3331 hoặc tổng hợp số liệu trên sổ tổng hợp rồi lên sổ cái. Số liệu trên sổ cái được sử dụng để lên báo cáo thuế hàng năm.

Trên đây là toàn bộ nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT, tuy nhiên trên thực tế, kế toán thuế GTGT còn phải làm nhiều nhiệm vụ khác như: lập giấy xin chi tiền ngân hàng để nộp thuế, lập các báo cáo nội bộ gửi Ban Giám Đốc... Cho dù phải thực hiện toàn bộ công việc kế toán thuế GTGT hoặc chỉ làm một phần trong đó thì yêu cầu mỗi cán bộ kế toán phải có một trình độ chuyên môn vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, khách quan, trung thực... bởi vì kế toán thuế GTGT rất khó nhưng cũng rất dễ, đòi hỏi cán bộ kế toán thuế phải biết dung hoà giữa chế độ và quy định của Nhà Nước với yêu cầu của chủ doanh nghiệp.

1.7. Phương pháp kế toán thuế GTGT

1.7.1. Chứng từ kế toán

Các chứng từ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Hoá đơn GTGT.
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.
- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra.
- Tờ khai thuế GTGT.
- Quyết toán thuế GTGT.
- ...

Các hoá đơn chứng từ trên đều có mẫu thống nhất của Bộ Tài Chính, tuy nhiên các doanh nghiệp vẫn có thể đăng ký với cơ quan thuế để tự in hoá đơn theo mẫu của riêng mình cho phù hợp với hoạt động của đơn vị, các hoá đơn mà doanh nghiệp tự in gọi là hoá đơn đặc thù, không một doanh nghiệp nào giống doanh nghiệp nào.

1.7.2. Tài khoản sử dụng

Kế toán thuế GTGT sử dụng TK133: “Thuế GTGT được khấu trừ” và TK 3331 “Thuế GTGT phải nộp”

1.7.2.1. Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

Nội dung: Tài khoản này dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ.

Tài khoản 133 – Thuế GTGT được khấu trừ, có 2 TK cấp 2:

- **TK 1331** - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của vật tư, hàng hoá, dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- **TK 1332** - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của TSCĐ: Phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ khi mua sắm TSCĐ dùng vào hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Kết cấu:

TK 133

SDDK: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ của kỳ trước	
- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ phát sinh tăng trong kỳ	- Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ - K/c số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ - Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại hoặc được giảm giá Số thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại
SDCK: Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ, được hoàn lại nhưng NSNN chưa hoàn trả	

Nguyên tắc hạch toán

- TK 133 chỉ được sử dụng cho đơn vị nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Vật tư, hàng hoá, tài sản mua vào sử dụng đồng thời cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ phản ánh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ vào TK133 đối với vật tư, hàng hoá mua vào để sử dụng cho hoạt động chịu thuế GTGT.

Trường hợp không bóc tách được giá trị vật tư hàng hoá sử dụng cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế thì toàn bộ thuế GTGT đầu vào vẫn được phản ánh vào TK133, cuối kỳ kế toán xác định số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ doanh thu chịu thuế GTGT trên tổng doanh thu bán hàng. Phần thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn bán hàng (nếu sản phẩm đã được tiêu thụ hết) hoặc phản ánh vào TK1421 “chi phí trả trước”.

- Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong tháng nào thì được kê khai, khấu trừ với thuế GTGT đầu ra của tháng đó, nếu thuế GTGT đầu vào lớn hơn thuế GTGT đầu ra phải nộp thì khấu trừ theo số nhỏ hơn, số còn lại được khấu trừ tiếp ở kỳ sau. Nếu sau 3 kỳ liên tiếp không khấu trừ hết thì Ngân sách sẽ hoàn thuế.

- Nếu mua hàng hoá, dịch vụ không có hoá đơn GTGT theo qui định hoặc có hoá đơn nhưng không ghi rõ thuế GTGT hoặc hoá đơn không hợp lệ thì không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào.

1.7.2.2 . Tài khoản 3331- Thuế GTGT phải nộp

Nội dung: Dùng để phản ánh số thuế GTGT đầu ra, thuế GTGT của hàng nhập khấu phải nộp, số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp.

TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp, có 2 TK cấp 3:

- *TK 33311- Thuế giá trị gia tăng đầu ra của hàng hóa, dịch vụ:* Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đã được khấu trừ, đã nộp và còn phải nộp của hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ.

- *TK 33312 - Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng nhập khẩu:* Dùng để phản ánh số thuế giá trị gia tăng của hàng nhập khẩu phải nộp, đã nộp và còn phải nộp vào Ngân sách.

Kết cấu

TK 3331

SDDK: Số thuế GTGT đã nộp thừa còn tồn đầu kỳ	SDDK: Số thuế GTGT còn phải nộp đầu kỳ
- Khấu trừ thuế GTGT - Thuế GTGT được miễn giảm - Số thuế GTGT đã nộp vào NSNN	- Số thuế GTGT phải nộp trong kỳ
SDCK: Số thuế GTGT đã nộp thừa vào NSNN	SDCK: Số thuế GTGT còn phải nộp vào NSNN

Nguyên tắc hạch toán

- Doanh nghiệp chủ động tính và xác định số thuế GTGT phải nộp cho Nhà nước theo luật định và kịp thời phản ánh vào sổ kế toán số thuế phải nộp trên cơ sở các thông báo của cơ quan thuế. Việc kê khai đầy đủ, chính xác số thuế phải nộp là nghĩa vụ của doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh việc nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế cho Nhà nước. Trường hợp có thông báo số thuế phải nộp, nếu có thắc mắc và khiếu nại về mức thuế, về số thuế phải nộp theo thông báo thì cần được giải quyết kịp thời theo quy định. Không được vì bất cứ một lý do gì để trì hoãn việc nộp thuế.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng loại thuế GTGT theo số phải nộp, số đã nộp và số còn phải nộp.

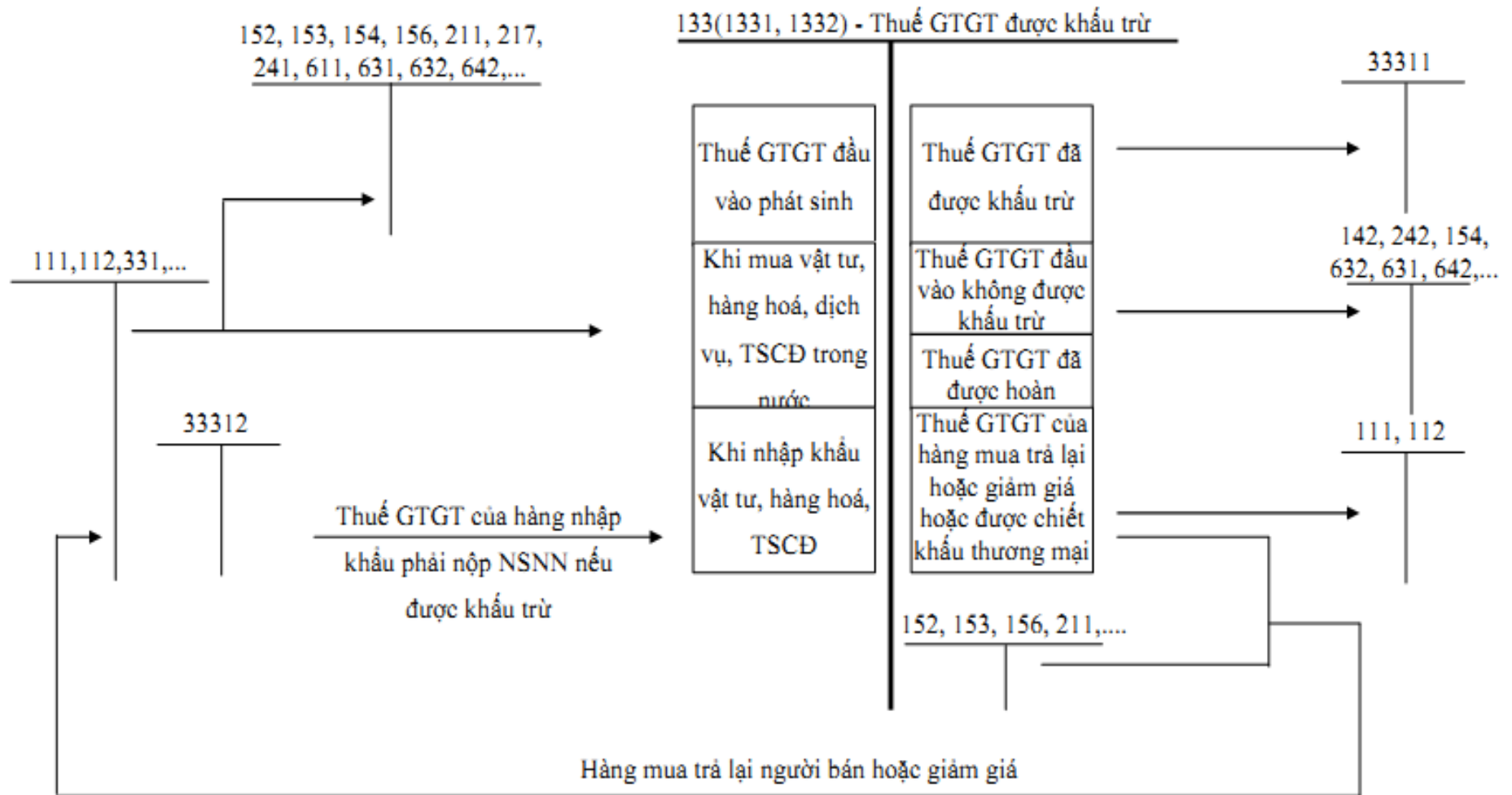
- Doanh nghiệp nộp thuế bằng ngoại tệ phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá quy định để ghi sổ kế toán.

1.7.3. Phương pháp hạch toán

1.7.3.1. Đối với doanh nghiệp hạch toán theo phương pháp khấu trừ

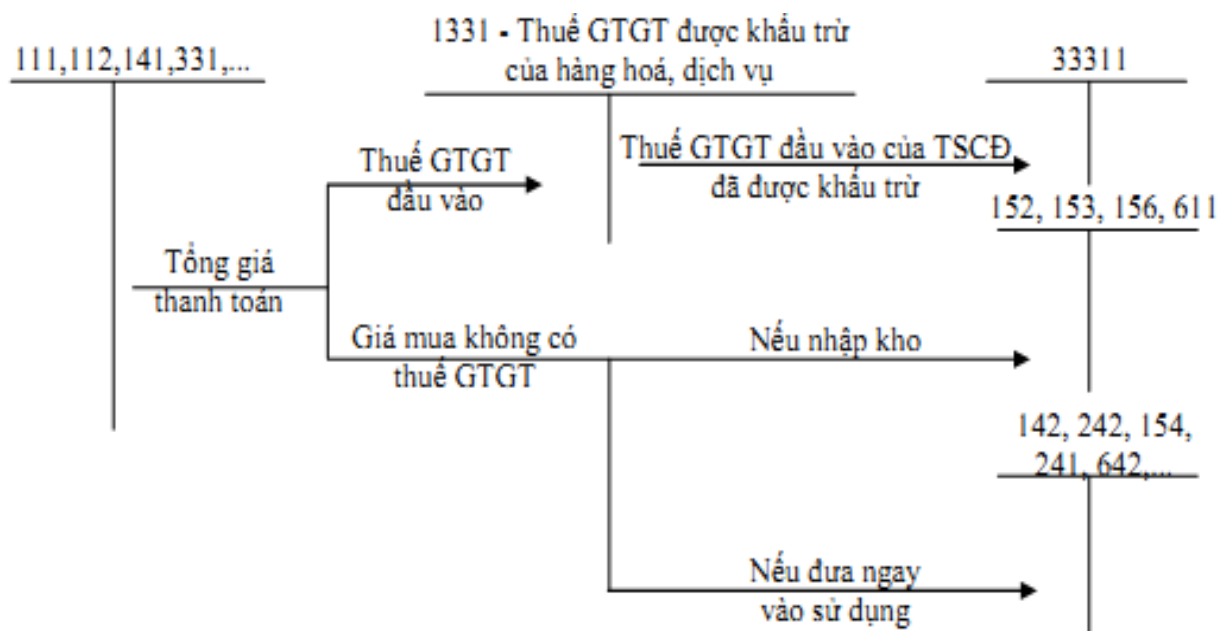
- **Hạch toán thuế GTGT đầu vào**

Sơ đồ 1.1: KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU VÀO

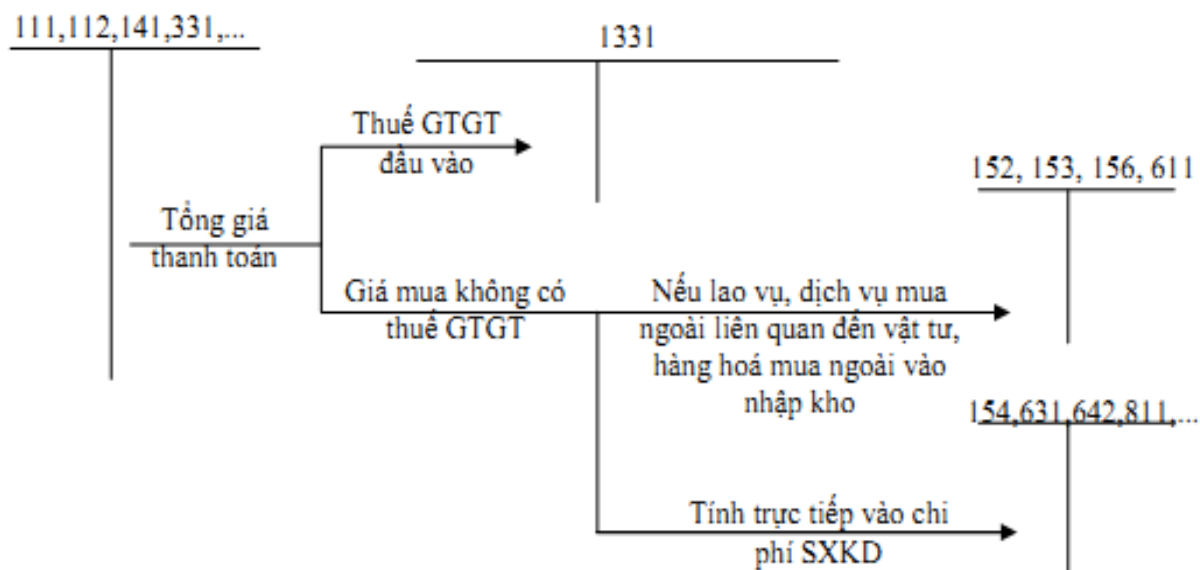


KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU VÀO

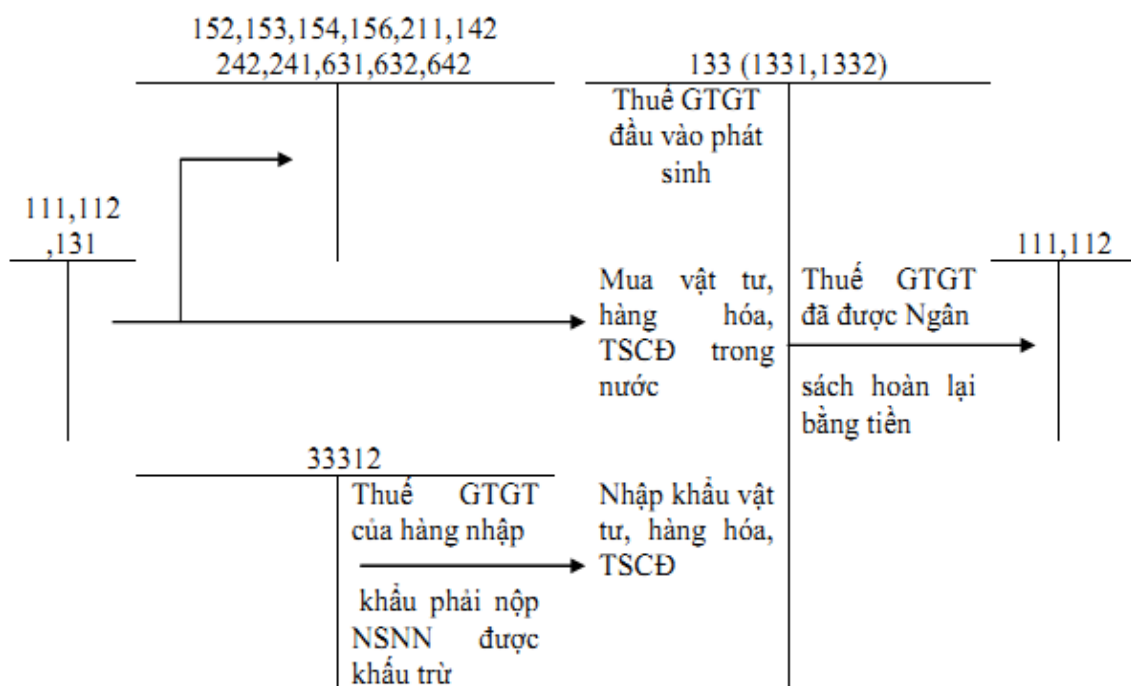
Sơ đồ 1.2:
KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO CỦA VẬT TƯ, HÀNG HÓA NỘI ĐỊA



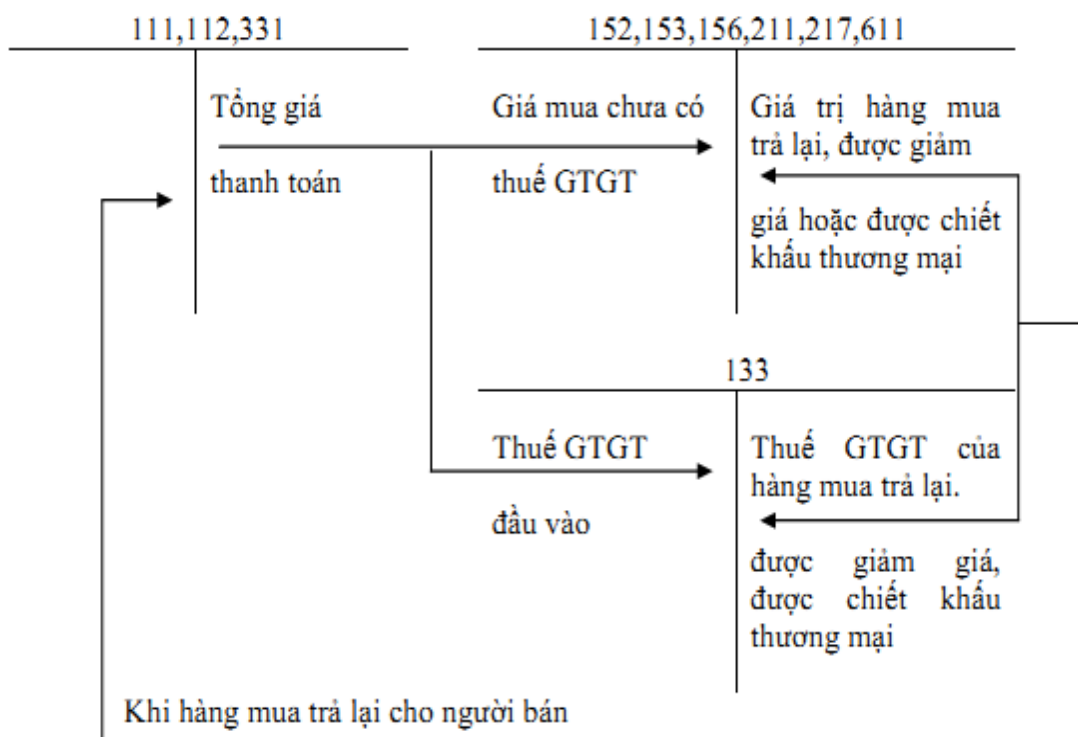
Sơ đồ 1.3:
KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU VÀO CỦA LAO VỤ, DỊCH VỤ MUA NGOÀI



Sơ đồ 1.4: KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐƯỢC HOÀN



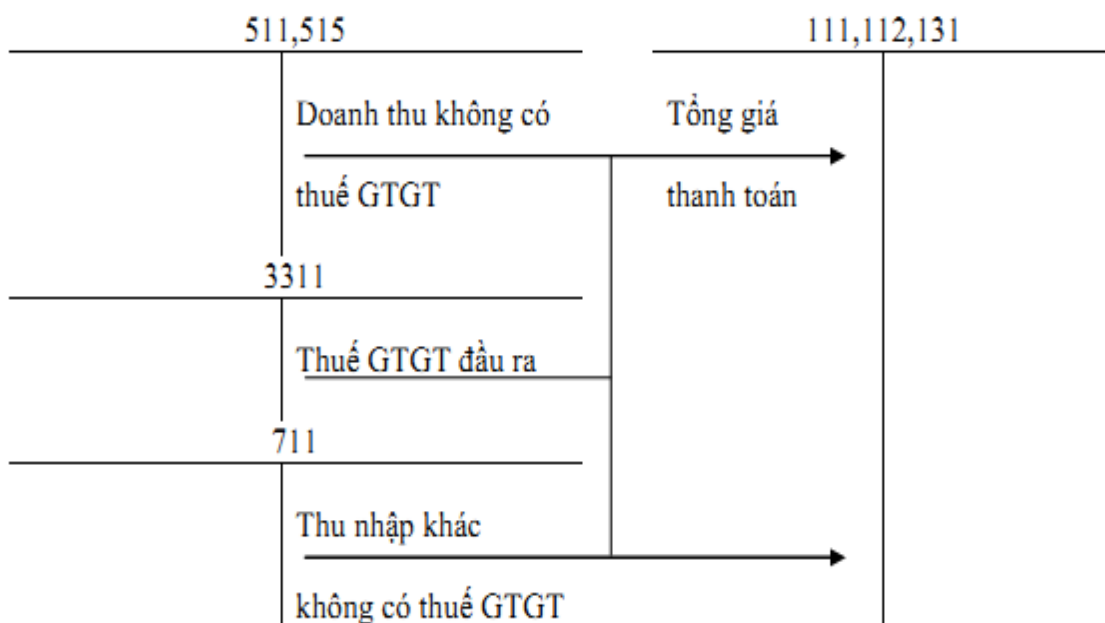
Sơ đồ 1.5: KẾ TOÁN THUẾ GTGT CỦA HÀNG MUA BỊ TRẢ LẠI, ĐƯỢC GIẢM GIÁ HOẶC ĐƯỢC CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI



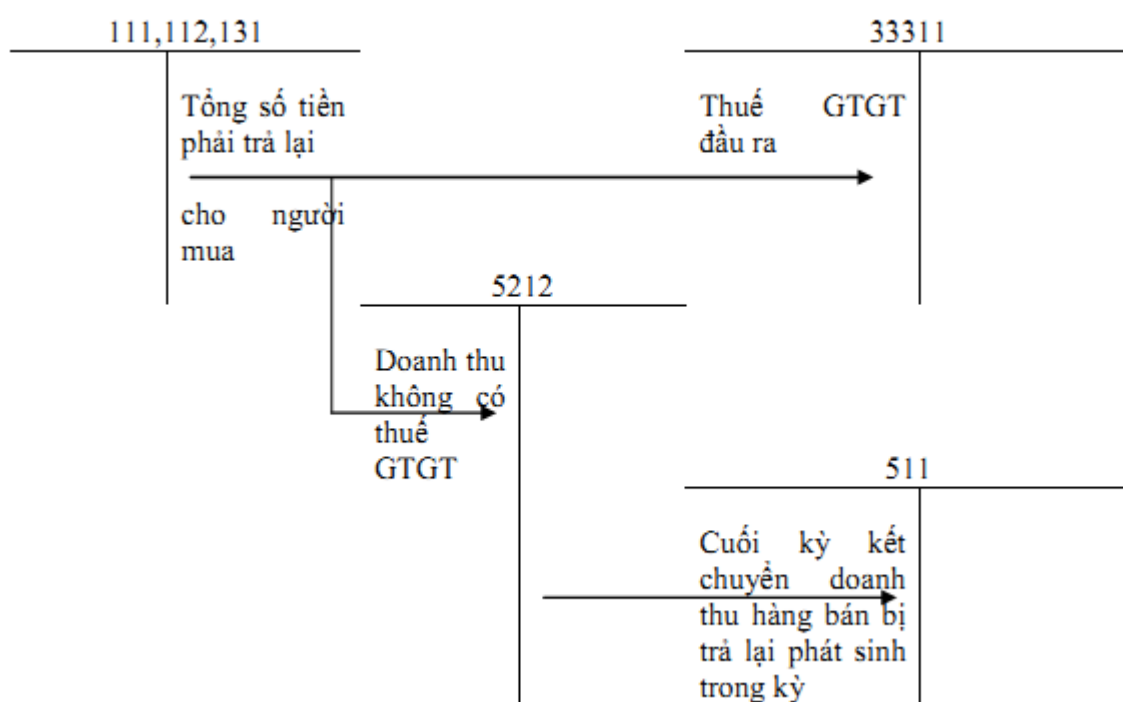
Được giảm giá hàng mua, được chiết khấu thương mại

- **Hạch toán thuế GTGT đầu ra**

Sơ đồ 1.6: KẾ TOÁN THUẾ GTGT ĐẦU RA
(Doanh nghiệp áp dụng phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 1.7:
KẾ TOÁN THUẾ GTGT HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI



Chú ý:

Khi mua hàng hóa, người bán đã xuất hóa đơn, người mua đã nhận hàng nhưng sau đó người mua phát hiện hàng hóa không đúng quy cách, chất lượng phải trả lại toàn bộ hay một phần hàng hóa, khi xuất hàng trả lại cho người bán, người mua phải lập hóa đơn, trên hóa đơn hàng hóa trả lại người bán do không đúng quy cách chất lượng, tiền thuế GTGT. Hóa đơn này là căn cứ để bên bán, bên mua điều chỉnh doanh số mua, bán, số thuế GTGT đã kê khai.

Nếu người mua là đối tượng không có hóa đơn, khi trả lại hàng hóa, bên mua và bên bán phải lập biên bản hoặc thỏa thuận bằng văn bản nêu rõ loại hàng hóa, số lượng, giá trị hàng trả lại theo giá không có thuế GTGT, tiền thuế GTGT theo hóa đơn bán hàng, lý do trả hàng kèm theo hóa đơn trả cho bên bán. Biên bản này được lưu giữ cùng với hóa đơn bán hàng để làm căn cứ điều chỉnh kê khai doanh số bán, thuế GTGT của bên bán.

Nếu người mua đã xuất hàng và lập hóa đơn, người mua chưa nhận hàng nhưng phát hiện hàng hóa không đúng quy cách chất lượng yêu cầu trả lại toàn bộ hoặc một phần hàng hóa, khi trả lại hàng bên mua, bên bán phải lập biên bản ghi rõ hàng hóa, số lượng, giá trị chưa có thuế GTGT, tiền thuế GTGT, lý do trả hàng theo hóa đơn bán hàng đồng thời kèm theo hóa đơn để gửi trả bên bán để bên bán lập lại hóa đơn GTGT cho số lượng hàng hóa đã nhận và làm căn cứ bên bán điều chỉnh doanh số và thuế GTGT đầu ra.

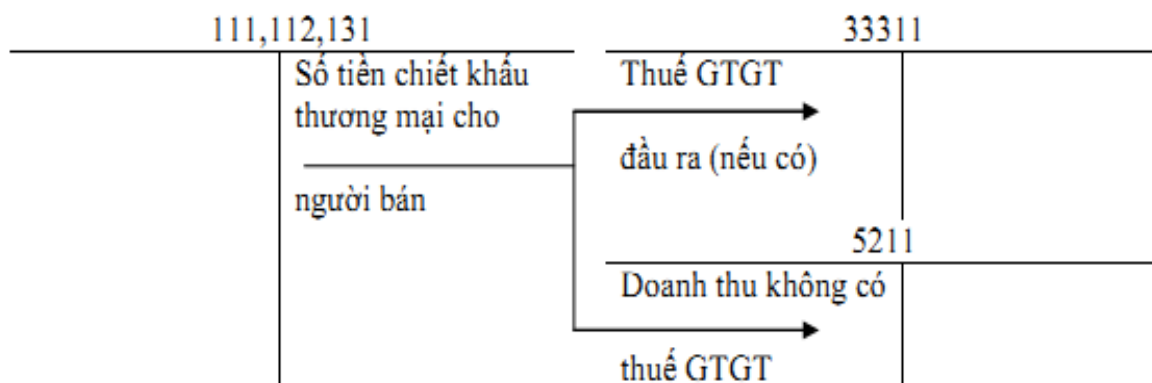
Doanh nghiệp áp dụng phương pháp trực tiếp, khi phát sinh hàng bán bị trả lại

ghi: Nợ TK 5212/ có TK 111,112,131 (theo doanh thu bán hàng bị trả lại có cả thuế GTGT)..

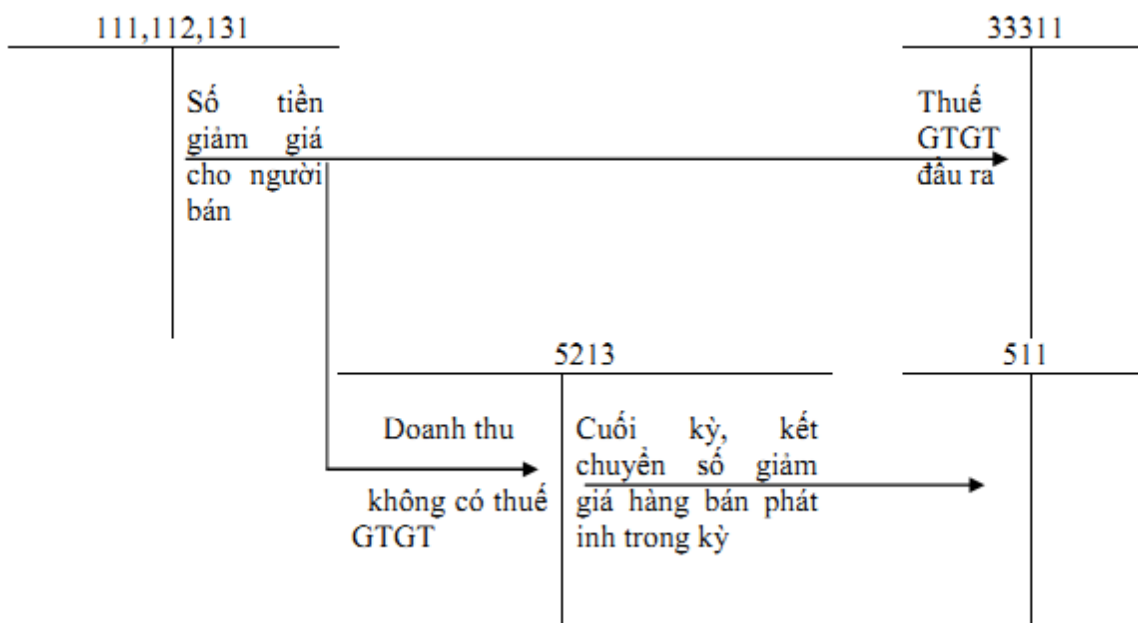
Sơ đồ 1.8:

KẾ TOÁN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI VÀ GIẢM GIÁ HÀNG BÁN

- **Chiết khấu thương mại**



- **Giảm giá hàng bán**



Chú ý:

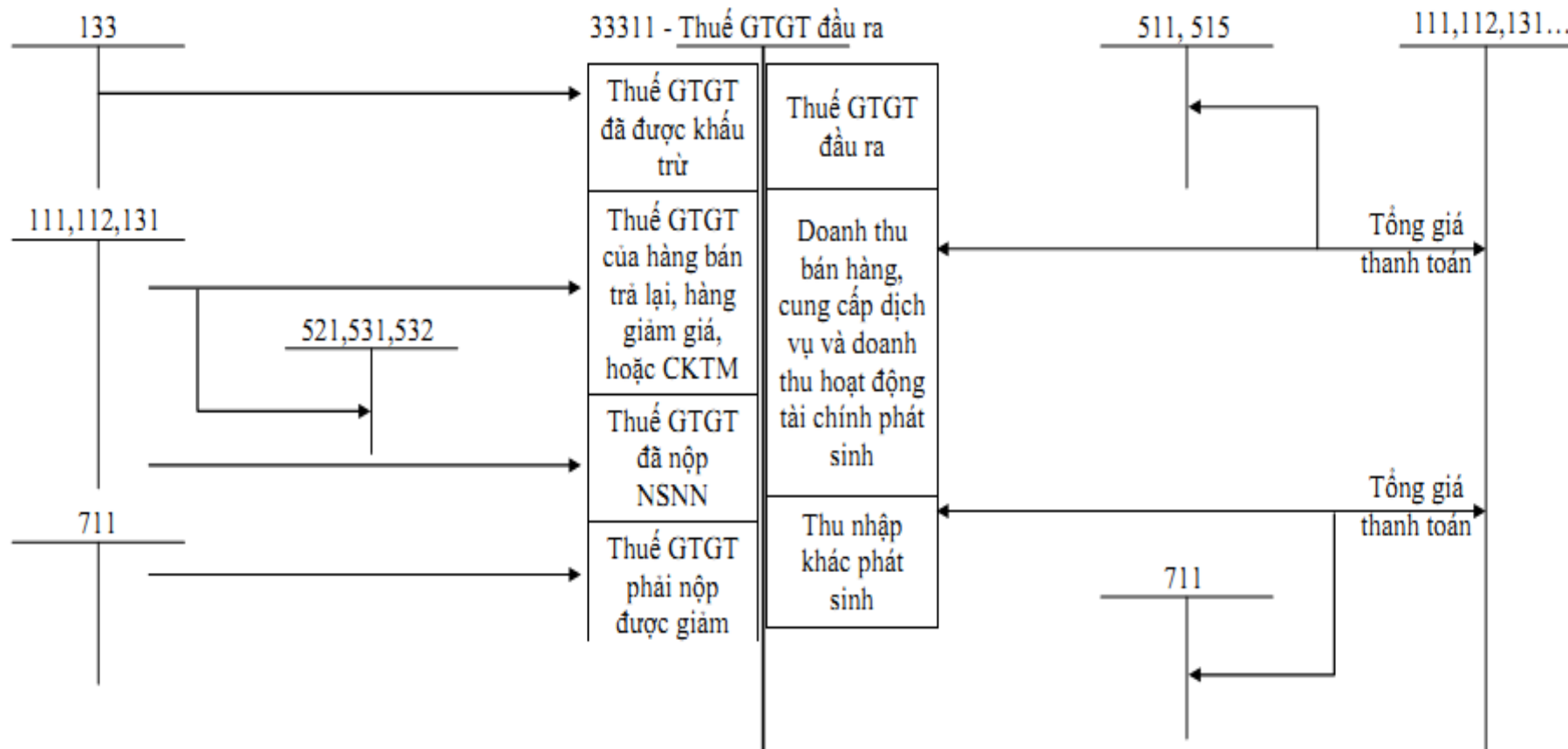
Hàng hóa, dịch vụ có giảm giá ghi trên hóa đơn thì trên hóa đơn phải ghi rõ: tỷ lệ % hoặc mức giảm giá, giá bán chưa có thuế GTGT (giá bán đã giảm giá), thuế GTGT, tổng giá thanh toán đã có thuế GTGT. Nếu việc giảm giá áp dụng căn cứ vào số lượng, doanh số hàng bán, dịch vụ thực tế đạt mức nhất định thì số tiền

giảm giá của hàng hóa đã bán được tính điều chỉnh trên hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ của lần mua cuối kỳ hoặc kỳ tiếp sau. Trên hóa đơn phải ghi rõ số hóa đơn và số tiền được giảm giá. Nếu khách hàng không tiếp tục mua hàng hóa thì cơ sở kinh doanh lập phiếu chi tiền chi khách hàng đúng quy định.

Đối với doanh nghiệp đã xuất bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và lập hóa đơn do hàng hóa và dịch vụ không đảm bảo chất lượng quy cách... phải điều chỉnh (tăng, giảm) giá bán thì bên bán và bên mua phải lập biên bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản ghi rõ số lượng, quy cách hàng hóa, mức giá tăng giảm theo hóa đơn bán hàng, lý do tăng giảm, đồng thời bên lập hóa đơn điều chỉnh mức giá được điều chỉnh.

Sơ đồ 1.9:

KẾ TOÁN TỔNG HỢP THUẾ GTGT HÀNG BÁN NỘI ĐỊA PHẢI NỘP NSNN



3.2. Đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp

Quá trình hạch toán vẫn thực hiện như đối với phương pháp khấu trừ thuế nhưng trong quá trình hạch toán không xuất hiện TK 133 và TK 33311 do đó giá trị hàng hóa phản ánh trên các tài khoản 156, 151, 157, 511, 512, 515, 711... là giá đã có thuế GTGT.

- Cuối kỳ sau khi xác định được số thuế phải nộp, kế toán ghi:

Nợ 511 : Số thuế GTGT phải nộp

Có 33311 : Số thuế giá trị gia tăng phải nộp

- Khi nhập khẩu vật tư, hàng hóa, TSCĐ... kế toán ghi:

Nợ 152, 153, 156, 211...Giá thực tế của vật tư, hàng hóa, TSCĐ.

Có 3333 : Thuế nhập khẩu phải nộp.

Có 33312 : Thuế GTGT phải nộp.

- Nếu được giảm thuế GTGT phải nộp, kế toán ghi:

Nợ 3331 : Số thuế được giảm trừ vào thuế phải nộp trong năm.

Nợ 111, 112 : Số tiền thuế được trả lại.

Có 711 : Tổng số thuế được giảm.

- Khi nộp thuế GTGT:

Nợ 333 : Số thuế giá trị gia tăng phải nộp

Có 111, 112 : Số thuế giá trị gia tăng phải nộp

CHƯƠNG 2:
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI
CÔNG TY TNHH MAY YES VINA

2.1. Giới thiệu về công ty TNHH May Yes Vina

2.1.1 Khái quát về công ty

Công ty TNHH May Yes Vina đã được Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đầu tư vào ngày 21/5/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất(21/8/2008), chứng nhận thay đổi lần thứ hai (14/5/2009), chứng nhận thay đổi lần thứ ba (14/9/2009), chứng nhận thay đổi lần thứ tư (22/2/2010) và chứng nhận thay đổi lần thứ năm (18/5/2011) với các thông tin như sau:

1. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY YES VINA
Tên giao dịch bằng tiếng Anh: YES VINA GARMENT COMPANY LIMETED

Tên viết tắt: YES VINA CO.,LTD

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
3. Địa điểm trụ sở chính: xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng, Việt Nam.
4. Số điện thoại: (031).3645.486
5. Mã số thuế: 0200741051
6. Ngành nghề kinh doanh

STT	Mã ngành	Tên ngành
1	13220	Sản xuất hàng may sẵn
2	14100	May trang phục (trừ trang phụ từ da lông thú)

7. Vốn điều lệ của doanh nghiệp: 16.000.000.000 (Mười sáu tỉ đồng Việt Nam) tương đương với 1.000.000 USD (Một triệu đô la Mỹ).

Số vốn điều lệ đã nộp đủ

8. Diện tích đất sử dụng: 13.500m²

9. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp : Ông Lee Ki Ill, chức vụ chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc, sinh ngày 27/4/1966, quốc tịch: Hàn Quốc, hộ chiếu số 7187471 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 15/6/2007, nơi đăng kí tạm trú : xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, Tp. Hải Phòng, Việt Nam.

Công ty TNHH May Yes Vina là doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài là một dự án đã được cấp phép thực hiện là 30 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận lần đầu tiên. Cho đến nay, công ty đã đi vào hoạt động hơn 5 năm và trong suốt thời gian đó toàn thể doanh nghiệp đã đồng lòng xây dựng một thương hiệu mang tên Yes Vina, đưa Công ty TNHH May Yes Vina trở thành một doanh nghiệp có uy tín trong ngành may mặc, gia công hàng xuất khẩu.

2.1.2. Đặc điểm, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty TNHH May Yes Vina là doanh nghiệp chuyên gia công các mặt hàng may mặc phục vụ xuất khẩu theo các đơn đặt hàng.

Đặc điểm của các sản phẩm: là những sản phẩm đòi hỏi chính xác về quy cách, mẫu mã, đảm bảo về chất lượng với chi phí gia công thấp hơn so với sản xuất ở nước ngoài

Phương thức sản xuất kinh doanh của công ty: Hiện nay, công ty chủ yếu xuất khẩu sản phẩm theo hình thức xuất khẩu trực tiếp, dạng xuất khẩu sau khi gia công xong: Công ty kí hợp đồng gia công với khách hàng nước ngoài sau đó nhận nguyên phụ liệu, tổ chức gia công và xuất hàng theo hợp đồng gia công.

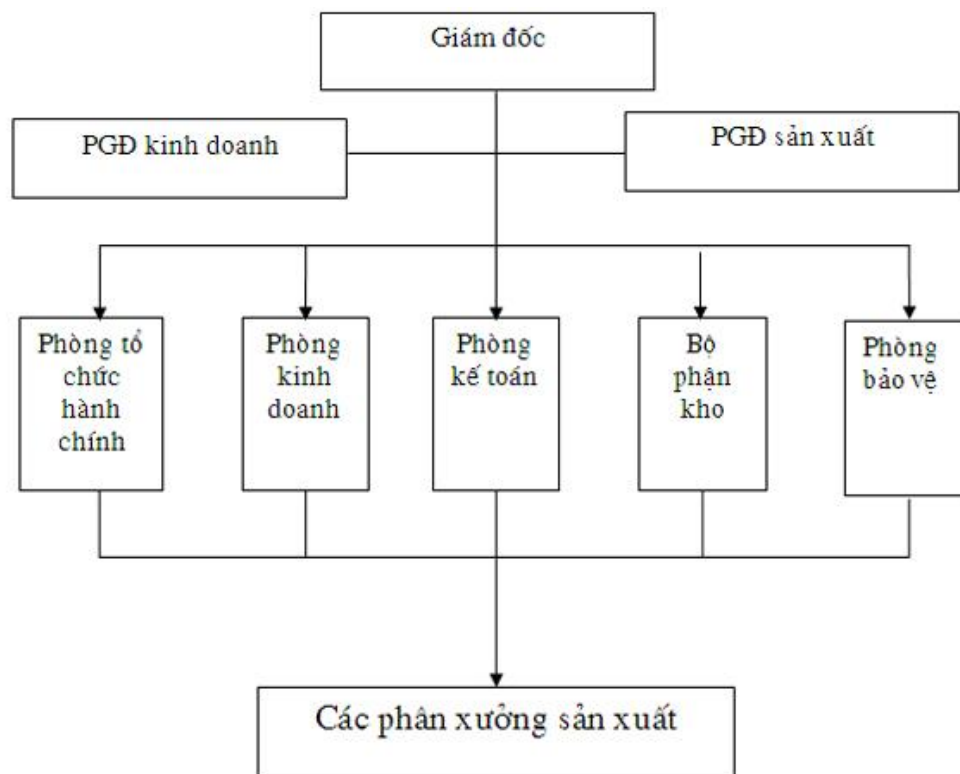
Trong quá trình hoạt động kinh doanh công ty có các nhiệm vụ cụ thể sau:

- + Xây dựng kế hoạch phát triển bền vững phù hợp nhu cầu thị trường, đẩy mạnh việc xúc tiến ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng với các bên đối tác
- + Đổi mới hiện đại hóa công nghệ và phương thức quản lý
- + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với người lao động
- + Thực hiện các quy định của Nhà nước, pháp luật Việt Nam

2.1.3. Đặc điểm bộ máy tổ chức của công ty

Sơ đồ bộ máy quản lý của công ty mang đặc trưng của loại hình doanh nghiệp TNHH 1 thành viên, thực hiện công tác sản xuất.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của công ty TNHH May Yes Vina



- **Chức năng , nhiệm vụ của từng bộ phận:**

Giám đốc : Là người đại diện theo pháp luật của công ty theo quy định tại điều lệ của công ty , người đứng đầu bộ máy của công ty , chịu trách nhiệm chỉ huy toàn bộ bộ máy quản lý của công ty. Giao nhiệm vụ cho các trưởng phòng triển khai, thực hiện các kế hoạch đã đề ra.

Phó giám đốc: Chịu trách nhiệm điều hành và giải quyết những vấn đề thuộc nội bộ công ty. Trong đó, *Phó Giám đốc kinh doanh* chịu trách nhiệm nghiên cứu, thu thập các thông tin thị trường và hoạt động của công ty ngoài thị trường. *Phó Giám đốc sản xuất* giúp giám đốc chỉ huy mọi hoạt động sản xuất của công ty.

Phòng tổ chức hành chính: Quản lý nhân sự, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và chế độ BHXH cho cán bộ công nhân viên, bảo vệ toàn bộ vật tư, tài sản, hàng hóa của doanh nghiệp.

Phòng kinh doanh: Phòng kinh doanh có nhiệm vụ giúp Giám đốc trong việc kinh doanh khai thác hàng hoá và các dịch vụ khác, có nhiệm vụ lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch, phải thường xuyên nghiên cứu sưu tầm các thông tin liên quan đến giá cả thị trường, nguồn hàng và khai thác các khách hàng, trưởng phòng kinh doanh phải chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty về mọi hoạt động của phòng mình trong hoạt động kinh doanh...

Phòng kế toán: là phòng nghiệp vụ giúp việc cho giám đốc công ty quản lý và quyết toán tài chính, quyết toán đầu tư các dự án hoàn thành của công ty, huy động các nguồn vốn phục vụ sản xuất theo đúng chính sách chế độ nhà nước. Phòng kế toán thực hiện chức năng tham mưu cho Giám đốc các lĩnh vực sau:

- Công tác tài chính
- Công tác kế toán tài vụ
- Công tác quản lý tài sản
- Công tác thanh quyết toán hợp đồng kinh tế
- Kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty
- Quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong toàn Công ty
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc giao.

Bộ phận kho: Tham mưu cho Tổng giám đốc và tổ chức thực hiện các lĩnh vực: tiếp nhận các loại nguyên, nhiên, vật liệu và sản phẩm; giữ gìn, bảo quản tốt về số lượng, chất lượng của vật tư kỹ thuật, sản phẩm trong thời gian lưu kho; cấp phát, vật tư kỹ thuật, sản phẩm cho sản xuất, sửa chữa máy móc, thiết bị và tiêu thụ sản phẩm của Tổng công ty.

Phòng bảo vệ: thực hiện công tác xây dựng và giữ gìn trật tự, trị an của công ty

Phân xưởng sản xuất: Triển khai thực hiện sản xuất theo quy trình công nghệ, đảm bảo đúng chất lượng, tiến độ yêu cầu. Xây dựng môi trường làm việc vệ sinh, an toàn.

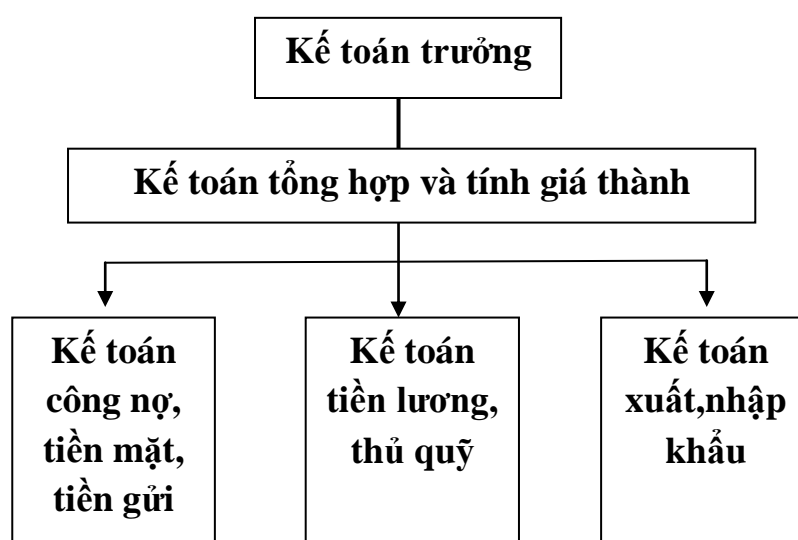
- **Đặc điểm nguồn lực của công ty:**

Tổ chức lao động tại công ty được phân loại theo quan hệ với quá trình sản xuất, tương ứng với lao động trực tiếp, gián tiếp là các tổ, đội, phòng, ban. Trong đó, khối văn phòng 18 người, làm công tác điều hành quản lý hoạt động của toàn công ty. Lao động tại phân xưởng chiếm chủ yếu, khoảng 1200 công nhân. Tại phân xưởng, lao động sẽ được phân công vào các tổ chuyên môn: dây chuyền, tổ cắt, tổ may, tổ hoàn chỉnh, tổ nhật chi,..... Ngoài lực lượng lao động chính thức, thường xuyên thì công ty còn tuyển công nhân thời vụ tại một số thời điểm trong năm.

2.1.4 .Tổ chức công tác kế toán tại công ty

2.1.4.1. Đặc điểm bộ máy kế toán

Sơ đồ 2.2: Bộ máy kế toán công ty TNHH May Yes Vina



Do đặc điểm là doanh nghiệp chuyên sản xuất, gia công hàng xuất khẩu với quy mô vừa. Để tổ chức quản lý kế toán phù hợp với yêu cầu trình độ của cán bộ và nhân viên nên tổ chức kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung.

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và các Quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức ghi sổ của công ty áp dụng là hình thức “Nhật Ký Chung”

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 1/1 đến ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ: VNĐ

Phương pháp kế toán hàng tồn kho, thực hiện theo phương pháp “kê khai thường xuyên”, hàng tồn kho được ghi sổ theo giá gốc. Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

Tính GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính giá thành sản phẩm theo phương pháp trực tiếp.

Lập báo cáo tổng hợp và quyết toán thuế vào cuối năm tài chính

- **Nhiệm vụ của từng bộ phận**

Kế toán trưởng: chỉ đạo chung công việc, chịu trách nhiệm trực tiếp với Giám đốc về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng tài chính của kế toán, phân công công việc cho từng bộ phận...

Kế toán tổng hợp và tính giá thành: chịu trách nhiệm tổng hợp toàn bộ chứng từ sổ sách, ghi chép các nghiệp vụ diễn ra hàng ngày, tính ra chi phí, giá thành các loại hàng hoá có trong đơn vị...

Kế toán công nợ: có nhiệm vụ ghi chép các khoản phải thu, phải trả, vay nợ của công ty với bạn hàng và ngược lại...

Kế toán tiền lương, thủ quỹ: chịu trách nhiệm tính ra lương phải trả, thanh toán lương hàng tháng cho cán bộ, công nhân viên toàn đơn vị...

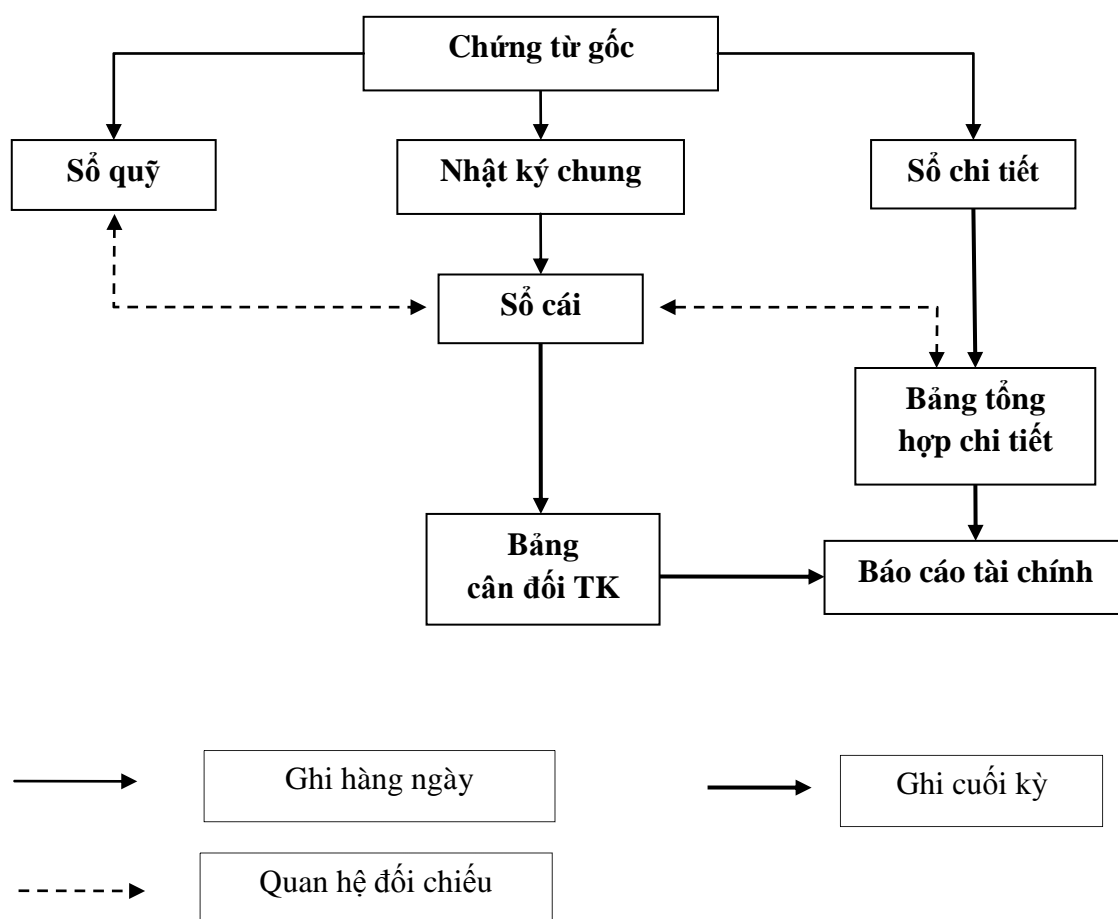
Kế toán hàng xuất nhập khẩu: chịu trách nhiệm ghi chép các loại chứng từ liên quan đến hàng hoá nhập khẩu, thực hiện giao nhận thủ tục với bên hải quan và đối tác nước ngoài...

2.1.4.2. Nội dung công tác kế toán

Trình tự hạch toán theo hình thức “*nhật ký chung*” tại Công ty TNHH May YesVina được thể hiện như sau:

Theo hình thức nhật ký chung, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ gốc đã được kiểm tra (các phiếu nhập, xuất kho, phiếu thu, chi tiền, giấy báo nợ, có...) kế toán vào nhật ký chung, sổ chi tiết. Từ nhật ký chung, kế toán vào Sổ cái TK, đến cuối tháng kế toán tập hợp từ sổ cái để vào bảng cân đối TK, đồng thời từ bảng cân đối TK và sổ tổng hợp chi tiết để vào báo cáo tài chính

Sơ đồ 2.3: Hệ thống kế toán theo hình thức nhật ký chung



• **Sổ sách kế toán sử dụng:**

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ chi tiết TK
- Sổ cái

2.2. Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH May Yes Vina

2.2.1. Mức thuế suất được áp dụng

Mức thuế suất 0%:

Áp dụng cho các đơn hàng gia công xuất khẩu

Mức thuế suất 5 %:

Áp dụng với một số đối tượng:

+ Phí lưu cont

+ Thực phẩm

Mức thuế suất 10 %: (áp dụng chủ yếu)

Đối với dịch vụ mua vào:

+ Máy móc, phụ kiện máy móc

+ Phí lưu kho, Phí chứng từ, Phí kiểm hóa, Phí vận chuyển,....

+ Phí dịch vụ: điện, nước, bưu chính viễn thông, internet,....

+.....

2.2.2. Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán thuế GTGT công ty sử dụng TK 133 và TK 3331.

- **TK 133 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ**

TK 1331 : Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ hàng hoá, dịch vụ

- **TK 3331 : Thuế giá trị gia tăng phải nộp**

TK 33311 : Thuế giá trị gia tăng đầu ra

TK 33312 : Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu

Hiện nay Công ty đang áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung. Các loại sổ được sử dụng trong kế toán thuế GTGT gồm có:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái, sổ chi tiết tài khoản TK 133, TK 3331
- Bảng tổng hợp phát sinh tài khoản TK 133, TK 3331

2.2.3. Hạch toán ban đầu

Công ty áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ do vậy Công ty thực hiện đầy đủ chế độ hóa đơn, chứng từ theo quy định của Nhà nước.

- Hóa đơn GTGT (**mẫu số 01GTKT3/001**)
- Tờ khai thuế GTGT (**mẫu số 01/GTGT** - ban hành kèm theo thông tư số 28/2011/TT-BTC)
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra (**mẫu số 01-1/GTGT** – ban hành kèm theo thông tư số 60/2007/TT-BTC)
- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào (**mẫu số 01-2/GTGT** - ban hành kèm theo thông tư số 60/2007/TT-BTC)
- Các chứng từ, hóa đơn đặc thù khác.

Dưới đây là một số chứng từ phản ánh một số nghiệp vụ chủ yếu của Công ty liên quan đến thuế GTGT.

2.2.3.1 Chứng từ đầu vào

- Ngày 02/02/2012 theo Hóa đơn GTGT AB/11P số 0002721 do CTY TNHH YUSEN LOGISTICS SOLUTIONS Việt Nam cung cấp với nội dung thanh toán phí xuất khẩu lô hàng TK số 1258 ngày 05/11/2011 . Số tiền phải thanh toán 5.523.423 đồng (VAT 10%).
- Ngày 05/02/2012, theo Hóa đơn GTGT AA/11P số 0000667 do CTY TNHH Thương Mại Cường Phương cung cấp, nội dung hóa đơn là bán Máy hút Kaigu cho cty TNHH May Yes Vina với giá chưa thuế 29.400.000 đồng, (VAT 10%).
- Ngày 08/2/2012, theo Hóa đơn GTGT AA/11P số 0251980 do Trung Tâm dịch vụ khách hàng- VTHP cung cấp với nội dung thanh toán cước điện thoại tháng 1/2012. Tổng số thanh toán 4.264.816 đồng, trong đó thuế GTGT 387.711 đồng.
- Ngày 11/02/2012, theo hóa đơn GTGT AA/11P số 0766666 do Công ty TNHH SITC Việt Nam cung cấp với nội dung thanh toán phí lưu cont, số tiền 315.540 đồng, (VAT 5%)
- Ngày 21/02/2012, theo tờ khai hải quan điện tử số 2257 do chi cục hải quan ĐT – GC Hải Phòng cung cấp về việc nhập khẩu 2 mã hàng: **1- mã 84513090**, Máy ép mếch, nhập đồng bộ, hàng mới 100%, model (HIP-1600-A), hiệu VIRON; **2- mã 84021219**, Nồi hơi chạy bằng điện, hàng mới 100%, model (SB 3001), hiệu VIRON, công suất dưới 15 tấn/ giờ. Trị giá tính thuế của 2 mã hàng lần lượt 487.375.200 đồng và 10.414.000 đồng, tổng số tiền thuế và thu khác 50.122.582 đồng (trong đó thuế GTGT 49.810.162 đồng).



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Mẫu số: 01GTKT3/001
 Liên 2: Giao người mua Ký hiệu: AB/11P
 Ngày 02 tháng 02 năm 2012 Số: **0002721**

Đơn vị bán hàng: CTY TNHH YUSEN LOGISTICS SOLUTIONS VIET NAM

Mã số thuế: 0101936701

Địa chỉ: 239 Xuân Thủy-Cầu Giấy-Hà Nội

Điện thoại: 04.916.131 Fax: 04.740.908

Số tài khoản : 2411102148565 tại Ngân hàng TMCP Quân đội _ CN Hà Nội

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MAY YES VINA

Mã số thuế:

0	2	0	0	7	4	1	0	5	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Xã Kiền Bái – huyện Thủy Nguyên – Tp. Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK **Số tài khoản:** 251.110.127.6009

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Phí xuất khẩu				5.523.423
Cộng tiền hàng					5.523.423
Thuế suất GTGT: 10 %		Tiền thuế GTGT			552.342
Tổng cộng tiền thanh toán					6.075.765

Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu không trăm bảy lăm nghìn bảy trăm sáu lăm đồng

Người mua hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

**CÔNG TY TNHH TM
CƯỜNG PHƯƠNG**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao người mua
Ngày 05 tháng 02 năm 2012

Ký hiệu: AA/11P
Số: **0000667**

Đơn vị bán hàng:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Số tài khoản :

CÔNG TY TNHH TM CƯỜNG PHƯƠNG
Số 01-Lạch Tray-Ngô Quyền-HP
MST: 0200449829

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MAY YES VINA

Mã số thuế:

0	2	0	0	7	4	1	0	5	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Xã Kiền Bái – huyện Thủy Nguyên – Tp. Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản: 251.110.127.6009

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	$3 = 1 \times 2$
1	Máy hút Kaigu	Chiếc	1	29.400.000	29.400.000
Cộng tiền hàng					29.400.000
Thuế suất GTGT: 10 %	Tiền thuế GTGT			2.940.000	
Tổng cộng tiền thanh toán					32.340.000

Số tiền viết bằng chữ: *Bai mươi hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn*

Người mua hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)
 TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE (VAT)
 Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mẫu số:01GTKT2/001
 Ký hiệu (Serial No): **AA/12P**
 số (No): **0251980**



1024486032013

Mã số thuế:

Viễn thông Hải Phòng

Địa chỉ: Số 5 Nguyễn Tri Phương – Hồng Bàng - Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name): Công ty TNHH May Yes Vina

Địa chỉ (Address): Xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

Số điện thoại (Tel): (031).3645.486

Mã số (Code): HPG-10-244886 (H-TGG09)

Hình thức thanh toán (Kind of Payment): TM/CK

MST:

STT (NO.)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTITY)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VNĐ
1	2	3	4	5	6=4x5
	Kỳ cước tháng :01/2012				3.877.105
	a.Cước dịch vụ viễn thông				0
	b.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	c.Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	d.Khuyến mại				0
	e.Trừ đặt cọc+trích thưởng=nợ cũ				
(a+b+c+d) Cộng tiền dịch vụ (Total) (1):					3.877.105
Thuế suất GTGT (VAT rate):10%\times(1) = Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					387.711
(1+2+e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					4.264.816

Số tiền viết bằng chữ: (in words): *Bốn triệu hai trăm sáu mươi tư nghìn tám trăm mười sáu đồng*

Ngày 08 tháng 02 năm 2012

Người nộp tiền ký
 (Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký
 (Signiture of dealing staff)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: **01GTKT3/001**

Liên 2: **Giao người mua**
Ngày 11 tháng 02 năm 2012

Ký hiệu: **AA/11P**
Số: **0766666**

Đơn vị bán hàng: CTY TNHH SITC VIET NAM

Mã số thuế: 0200919545

Địa chỉ: Lô 20A - Lê Hồng Phong - Hải Phòng

Điện thoại: 0313. 574211 Fax: 3574.211

Số tài khoản : 2031102154281 tại Ngân hàng TMCP Công Thương _ CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MAY YES VINA

Mã số thuế: 0 2 0 0 7 4 1 0 5 1

Địa chỉ: Xã Kiển Bái – huyện Thủy Nguyên – Tp. Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản: 251.110.127.6009

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Phí lưu cont				315.540
Cộng tiền hàng					315.540
Thuế suất GTGT: 5 %		Tiền thuế GTGT			15.777
Tổng cộng tiền thanh toán					331.317

Số tiền viết bằng chữ: *Ba trăm ba mươi một nghìn ba trăm mười bảy đồng*

Người mua hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

TỜ KHAI HẢI QUAN ĐIỆN TỬ
Nhập khẩu



HQ/2009-TKĐT/NK

Cục hải quan: Chi cục HQ quản lý hàng ĐT-GC HP		Số tham chiếu: 256626		Số tờ khai: 2257				
Chi cục hải quan cửa khẩu:		Ngày, giờ gửi: 21/2/2012		Ngày, giờ đăng ký: 21/2/2012				
1. Người xuất khẩu HANIL GARMENT MACHINERY CO.,LTD		5. Loại hình: NDT 08 Nhập Đầu Tư nộp thuế						
2. Người nhập khẩu: 0200741051 Công ty TNHH May Yes Vina Xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng		6. Hóa đơn thương mại HIM 0120206-2 Ngày: 06/2/2012		7. Giấy phép Ngày: Ngày hết hạn:		8. Hợp đồng HIM 0120206 Ngày: 12/01/2012 Ngày hết hạn: 12/01/2013		
3. Người ủy thác		9. Vận tải đơn DSLGLS0108S002NA Ngày 12/2/2012		10. Cảng xếp hàng INCHEON, KOREA		11. Cảng dỡ hàng: C007 Cảng Hải Phòng		
4. Đại lý làm thủ tục hải quan Nội dung ủy quyền <input type="checkbox"/> Nộp thuế		12. Phương tiện vận tải: Đường biển LIBERTY STAR 0108S				13. Nước xuất khẩu: Korea (Republic)		
		14. Điều kiện giao hàng: CIF		15. Phương thức thanh toán: TT				
		16. Đồng tiền thanh toán: USD		17. Tỷ giá tính thuế: 20.828				
18. Kết quả phân luồng và hướng dẫn làm thủ tục Hải quan: Tờ khai phải xuất trình chứng từ Luồng và NG/ Đề nghị xuất trình hồ sơ giấy CBXL: Hà (01626109671) đề nghị doanh nghiệp nộp hợp đồng, giấy đăng ký KTCL, B/L lệnh để kiểm tra						19. Chứng từ HQ trước đó		
STT	20. Tên hàng, quy cách phẩm chất	21. Mã số HH	22. Xuất xứ	23. S.lg	24. Đơn vị tính	25. Đơn giá ng. tệ	26. Trị giá ng. tệ	
1.	Máy ép méch, nhập đồng bộ, mới 100%, model (HIP-1600-A) hiệu VIRON	84513090	Korea	1	BO	23.400	23.400	
2.	Nồi hơi chạy bằng điện, mới 100%, model (SB-3001), hiệu VIRON, công suất dưới 15 tấn/giờ	84021219	Korea	1	BO	500	500	
Cộng							23.900	
STT	27. Thuế nhập khẩu			28. Thuế GTGT			29. Thu khác	
	Trị giá tính thuế	Thuế suất %	Tiền thuế	Trị giá tính thuế	Thuế suất %	Tiền thuế	Tỷ lệ %	Số tiền
1.	487.375.200			487.375.200	10	48.737.520		
2.	10.414.000	3	312.420	10.726.420	10	1.072.642		
Cộng			312.420			49.810.162		
30. Tổng số tiền thuế và thu khác (27+28+29): Bằng số: 50.122.582 VNĐ Bằng chữ: Năm mươi triệu một trăm hai mươi hai nghìn năm trăm tám mươi hai đồng								
31. Tổng trọng lượng: 1.475Kg/1.475Kg			Tổng số container:		Tổng số kiện : 2			
32. Ghi chép khác:								
33. Tôi xin cam đoan, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung khai báo trên tờ khai này Ngày 21/2/2012			34. Xác nhận hàng đã qua khu vực giám sát		35. Đưa hàng về bảo quản		36. Xác nhận thông quan	

2.2.3.2. Chứng từ đầu ra

- Ngày 02/02/2012, theo hóa đơn GTGT ký hiệu AA/11P số 0000009 do công ty TNHH May Yes Vina cung cấp cho CÔNG TY CỔ PHẦN MAY II HẢI DƯƠNG với nội dung thanh toán phí nhập khẩu, giá thanh toán 3.787.000 đồng, VAT 10% là 378.700 đồng
- Ngày 12/02/2012, theo hóa đơn xuất khẩu ký hiệu AA/11P số 0000259 do công ty TNHH May Yes Vina cung cấp cho công ty FEV CORPORATION với nội dung xuất khẩu đơn hàng gia công áo váy dài nữ 2 lớp không tay mã **2703/044**, số HĐ 04 HĐGC/FEV-YES ngày 02/12/2011, tổng giá thanh toán 308.670.960 đồng
- Ngày 23/02/2012, theo hóa đơn xuất khẩu ký hiệu AA/11P số 0000263 do công ty TNHH May Yes Vina cung cấp cho công ty YESTRADING với nội dung xuất khẩu đơn hàng gia công 2 mã hàng: **1. quần lửng nữ 1 lớp mã 33491, 2. Váy ngắn nữ 1 lớp mã 32829**, số HĐ 01 HĐGC/YESTR-YESVINA ngày 02/11/2011, tổng giá thanh toán 25.912.115 đồng



HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU
 COMMERCIAL INVOICE
 Liên 1: Lưu (1st copy: File)
 Ngày (date) 12 tháng (month) 02 năm (Year)2012

Mẫu số: 06HDDXK/001
 Ký hiệu: AA/11P
 Số: **0000259**

Tên đơn vị xuất khẩu (Exporter's Name): CÔNG TY TNHH MAY YES VINA
Địa chỉ (Address): Xã Kiền Bái- huyện Thủy Nguyên-T.p Hải Phòng
Số tài khoản (Bank Account No): 2511101277005 tại Ngân hàng TMCP Quân đội _ CN Hải Phòng
Điện thoại(Tel No):0313.645.486/Fax:0313.645.490 **MS (Tax code):** 0200741051

Tên đơn vị nhập khẩu (Importer's Name) : CÔNG TY FEV CORPORATION.CO,LTD
Địa chỉ (Address) : Hàn Quốc
Số tài khoản (Bank Account No):
Điện thoại (Tel No):
Số hợp đồng (Contract No): 04 HĐGC/FEV-YES **Ngày hợp đồng (Contract date):** 02/12/2011
Hình thức thanh toán (Method of payment): CK **MS(Tax code):** 0200453688-003
Địa điểm giao hàng (Location):
Địa điểm nhận hàng (Delivery location):
Số vận đơn(B/L No): Số TKHQ/XGC7964 ngày 12/02/2012
Số Container (Container No):
Tên đơn vị vận chuyển (Transporter's Name):

STT NO	Tên hàng hóa, dịch vụ Description of goods/ service	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount
1.	Áo váy dài nữ 2 lớp không tay mã 2703/044	Chiếc	7.800	1,9	14.820,00
	Tỷ giá: 20.808đ/USD				

Cộng tiền bán hàng, dịch vụ (Total amount): **308.670.960đ** **14.820 USD**
Số tiền viết bằng chữ (total in words): Mười bốn nghìn tám trăm hai mươi đô la Mỹ
 Ba trăm linh tám triệu sáu trăm bảy mươi nghìn chín trăm sáu mươi đồng

Người bán hàng (Seller)
 Ký, ghi rõ họ tên
 (Signature & full name)

Giám đốc
 Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên
 (Signature & full name, stamp)

LEE KI ILL



HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU
 COMMERCIAL INVOICE
 Liên 1: Lưu (1st copy: File)
 Ngày (date) 23 tháng (month) 02 năm (Year)2012

Mẫu số: 06HDDXK/001
 Ký hiệu: AA/11P
 Số: **0000263**

Tên đơn vị xuất khẩu (Exporter's Name): CÔNG TY TNHH MAY YES VINA
Địa chỉ (Address): Xã Kiền Bái- huyện Thủy Nguyên-T.p Hải Phòng
Số tài khoản (Bank Account No): 2511101277005 tại Ngân hàng TMCP Quân đội _ CN Hải Phòng
Điện thoại(Tel No):0313.645.486/Fax:0313.645.490 **MS (Tax code):** 0200741051

Tên đơn vị nhập khẩu (Importer's Name) : CÔNG TY YESTRADING.CO,LTD
Địa chỉ (Address) : Hàn Quốc
Số tài khoản (Bank Account No):
Điện thoại (Tel No):
Số hợp đồng (Contract No): Số 01 HĐGC/YESTR-YESVINA
Ngày hợp đồng (Contract date): 02/11/2011
Hình thức thanh toán (Method of payment): CK **MS(Tax code):** 0300437898-004
Địa điểm giao hàng (Location):
Địa điểm nhận hàng (Delivery location):
Số vận đơn(B/L No): Số TKHQ/XGC8808 ngày 23/02/2012
Số Container (Container No):
Tên đơn vị vận chuyển (Transporter's Name):

STT NO	Tên hàng hóa, dịch vụ Description of goods/ service	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount
1.	Quần lửng nữ 1 lớp mã 3349	Chiếc	557	1,30	724,10
2.	Váy ngắn nữ 1 lớp mã 32829	Chiếc	400	1,30	520,00
	Tỷ giá: 20.808đ/USD				

Cộng tiền bán hàng, dịch vụ (Total amount): **25.912.115 đ** **1.244,10 USD**
Số tiền viết bằng chữ (total in words): Một nghìn hai trăm bốn bốn đô la Mỹ và mười cents
 Hai lăm triệu chín trăm mười hai nghìn một trăm mười lăm đồng

Người bán hàng (Seller)
 Ký, ghi rõ họ tên
 (Signature & full name)

Giám đốc
 Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên
 (Signature & full name, stamp)

LEE KI ILL

CTY TNHH May Yes Vina
Địa chỉ: Xã Kiền Bái_ Mã số thuế 0200741051

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
(Trích tháng 02/2012)

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
02/02/2012	PHT02/18	02/02/2012	Chi phí xuất khẩu			
			Chi phí xuất khẩu	627103	5.523.423	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	552.342	
			Phải trả người bán	3311		6.075.765
02/02/2012	PT02/01	02/02/2012	Thu phí nhập khẩu hộ NPL			
			Tiền Việt Nam	1111	4.165.700	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5111		3.787.000
			Thuế GTGT phải nộp	3331		378.700
					
05/02/2012	TSCD02/01	05/02/2012	Bàn hút Kaigu			
			Máy móc thiết bị	2112	29.400.000	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	2.940.000	
			Phải trả người bán	3311		32.340.000
					
08/02/2012	PHT02/22	08/02/2012	Chi phí điện thoại			
			Điện thoại	642704	3.877.105	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	387.711	
			Phải trả người bán	3311		4.264.816
					

11/02/2012	PHT02/37	11/02/2012	Chi phí lưu cont			
			Chi phí lưu cont	627706	315.540	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	15.777	
			Phải trả người bán	3311		331.317
12/02/2012	DT02/03	12/02/2012	Doanh thu gia công (FEV)			
			Phải thu người mua nước ngoài	131101	308.670.960	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		308.670.960
					
21/02/2012	TSCĐ02/02	21/02/2012	TSCĐ nhập khẩu			
			Máy móc, thiết bị	2112	498.101.620	
			Thuế nhập khẩu	3333		312.420
			Phải trả người bán nước ngoài	3312		497.789.200
			Thuế GTGT hàng nhập khẩu			
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331	49.810.162	
			Thuế GTGT phải nộp hàng NK	33312		49.810.162
					
23/02/2012	DT02/05	23/02/2012	Doanh thu gia công (YESTR)			
			Phải thu người mua nước ngoài	131101	25.912.115	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ	5113		25.912.115
					
29/02/2012	PHT02/58	29/02/2012	Kết chuyển thuế GTGT đầu ra, đầu vào T2			
			Thuế GTGT phải nộp	3331	378.700	
			Thuế GTGT được khấu trừ	1331		378.700
			Tổng phát sinh		52.177.976.485	52.177.976.485

Ngày 29 tháng 02 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CTY TNHH May Yes Vina
Địa chỉ: Xã Kiền Bái_ Mã số thuế 0200741051

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tháng 02/ 2012
TK 1331– Thuế GTGT được khấu trừ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			- Số dư đầu kỳ				1.480.930.477	
							
02/02/2012	PHT02/18	02/02/2012	Chi phí xuất khẩu	3311	552.342		1.484.567.061	
							
05/02/2012	TSCĐ02/01	05/02/2012	Bàn hút Kaigu	3311	2.940.000		1.492.430.009	
							
08/02/2012	PHT02/22	08/02/2012	Chi phí điện thoại	3311	387.811		1.502.709.329	
							
11/02/2012	PHT02/37	11/02/2012	Phí lưu cont	3311	15.777		1.502.908.553	
							
21/02/2012	TSCĐ02/02	21/02/2012	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	33312	49.810.162		1.600.390.929	
							
29/02/2012	PHT02/58	29/02/2012	K/c thuế GTGT đầu ra đầu vào tháng 2	3331		378.700	1.610.507.774	
			-Cộng số phát sinh		129.955.997	378.700		
			-Số dư cuối kỳ				1.610.507.774	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 29 tháng 02 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên)

CTY TNHH May Yes Vina
Địa chỉ: Xã Kiền Bái_ Mã số thuế 0200741051

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Năm 2012
TK 3331 – Thuế GTGT đầu ra phải nộp

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
			-Số dư đầu kỳ					-
02/02/2012	PT02/01	02/02/2012	Thu phí nhập khẩu hộ NPL cho Cty HD	1111		378.700		378.700
29/02/2012	PHT02/58	29/02/2012	K/c thuế GTGT đầu vào, đầu ra tháng 2	1331	378.700			
14/09/2012	DTGC09/018	14/09/2012	DT thu phí nhập khẩu (May II HD)	1311		136.364		136.364
15/09/2012	DTGC09/019	15/09/2012	DT thu phí nhập khẩu (May Hưng Yên)	1311		380.000		516.364
30/09/2012	PHT09/99	30/09/2012	K/c thuế GTGT đầu vào, đầu ra tháng 9	1331	516.364			
31/10/2012	DT10/26	31/10/2012	DT gia công hàng (Cty Hưng Yên)	1311		17.592.960		17.592.960
31/10/2012	DT10/27	31/10/2012	Thu phí nhập khẩu	1311		259.986		17.852.946
31/10/2012	PHT10/109	31/10/2012	K/c thuế GTGT đầu vào, đầu ra tháng 10	1331	17.852.946			
			-Cộng số phát sinh		18.748.010	18.748.010		
			-Số dư cuối kỳ					-

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên)

CTY TNHH May Yes Vina
Địa chỉ: Xã Kiền Bái_ Mã số thuế 0200741051

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Năm 2012 (trích tháng 2)
TK 133- Thuế GTGT được khấu trừ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	
Số dư đầu kỳ						1.480.930.477	
02/02/2012	PHT02/18	02/02/2012	Chi phí xuất khẩu	3311	552.342		
05/02/2012	TSCĐ02/01	05/02/2012	Bàn hút Kaigu	3311	2.940.000		
08/02/2012	PHT02/22	08/02/2012	Chi phí điện thoại	3311	387.811		
11/02/2012	PHT02/37	11/02/2012	Phí lưu cont	3311	15.777		
21/02/2012	TSCĐ02/02	21/02/2012	Thuế GTGT hàng nhập khẩu	33312	49.810.162		
29/02/2012	PHT02/58	29/02/2012	K/c thuế GTGT đầu ra đầu vào tháng 2	3331		378.700	
Phát sinh trong kỳ						129.955.997	378.700
Số dư cuối kỳ						1.610.507.774	

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày....tháng năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CTY TNHH May Yes Vina
Địa chỉ: Xã Kiền Bái_ Mã số thuế 0200741051

Mẫu số: S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2012 (trích tháng 2)

TK 333– Thuế GTGT được khấu trừ

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
Số dư đầu kỳ						702.908.859
02/02/2012	PT02/01	02/02/2012	Thu phí nhập khẩu hộ NPL cho Cty HD	1111		378.700
06/02/2012	BNVNDQĐ 02/02	06/02/2012	Nộp thuế môn bài năm 2012	1121	3.000.000	
06/02/2012	BNVNDQĐ 02/04	06/02/2012	Nộp thuế bảo vệ môi trường	1121	91.146.800	
07/02/2012	BCVNDQĐ 02/01	07/02/2012	Ngân hàng trả lại món tiền thuế môi trường	1121		91.146.800
29/02/2012	PHT02/56	29/02/2012	Trích thuế TNCN phải nộp của người nước ngoài T2	3341		21.035.400
29/02/2012	BNVNDQĐ 02/05	29/02/2012	Nộp thuế TNCN năm 2009+2010	1121	379.126.426	
29/02/2012	PHT02/58	29/02/2012	K/c thuế GTGT đầu ra đầu vào tháng 2	1331	378.700	
Phát sinh trong kỳ					473.651.926	112.560.900
Số dư cuối kỳ						341.817.833

Người lập sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày tháng năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế khai, khấu trừ, nộp và hoàn thuế GTGT

2.2.4.1. Kế khai thuế

Việc kê khai và nộp thuế được thực hiện hàng tháng

- Căn cứ hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào kế toán lập bảng kê chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào.
- Căn cứ hoá đơn chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra kế toán lập bảng kê chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra.
- Cuối tháng căn cứ bảng kê hoá đơn chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào, bán ra và các chứng từ tài liệu liên quan khác lập tờ khai thuế GTGT.
- Căn cứ tờ khai thuế GTGT và các tài liệu liên quan khác lập báo cáo quyết toán thuế GTGT.

Sau khi lập tờ khai thuế GTGT, phòng kế toán Công ty gửi cho cơ quan thuế kèm theo bảng tổng hợp, bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào và bảng tổng hợp, bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ bán ra. Theo quy định thời gian gửi tờ khai thuế GTGT hàng tháng cho cơ quan thuế chậm nhất là trong hai mươi ngày đầu tháng tiếp theo.

Hiện nay Công ty đang sử dụng phần mềm “Hỗ trợ kê khai thuế” do Tổng cục thuế xây dựng và cung cấp miễn phí cho các tổ chức và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế.

Phần mềm “Hỗ trợ kê khai thuế” cung cấp cho Công ty các chức năng sau:

- Lập tờ khai thuế và điền thông tin trên các tờ khai thuế và các phụ lục kê khai theo đúng quy định tại các văn bản pháp luật thuế.
- Các nội dung hướng dẫn việc tính thuế, khai thuế đối với từng sắc thuế nhằm tạo điều thuận lợi cho doanh nghiệp kê khai thuế một cách chính xác và nhanh chóng.

Phần mềm này được xây dựng trên cơ sở công nghệ mã vạch 2 chiều (mã hoá thông tin thành các mã vạch) sẽ kết xuất và in các tờ khai thuế có mã vạch để doanh nghiệp gửi tờ khai đó cho cơ quan thuế. Thông qua các mã vạch đã mã hoá thông tin trên tờ khai, cơ quan Thuế đảm bảo sẽ chính xác và nhanh chóng.

Sau khi kê khai cơ sở kinh doanh cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành (in thành ba bộ, cơ quan thuế sẽ lưu giữ lại 2 bộ, bộ còn lại sẽ 1 ưu giữ tại Công ty để phục vụ công tác thanh kiểm tra sau này).

Hiện tại do yêu cầu của cơ quan thuế, Công ty đã nâng cấp phần mềm lên thành phiên bản 3.1.6

Dưới đây là những giới thiệu sơ bộ khi sử dụng phần mềm

Hỗ trợ kê khai thuế:



Sau khi bật phần mềm lên, kế toán viên sẽ thấy giao diện như hình trên. Kế toán sẽ điền mã số thuế của Công ty vào phần “Mã số thuế”, sau đó kích chuột vào chữ “Đồng ý”.

Mã số thuế của Công ty TNHH May Yes Vina là: 0200741051

Nếu như là lần đầu tiên sử dụng phần mềm thì sẽ hiện lên giao diện như sau:

Thông tin chung về người nộp thuế

Mã số thuế: 0 2 0 0 7 4 1 0 5 1 - [] [] []

Người nộp thuế: * Công ty TNHH May Yes Vina

Địa chỉ trụ sở: * Xã Kiền Bái

Quận/ huyện: * Thủy Nguyên

Tỉnh/ Thành phố: * Hải Phòng

Điện thoại: 3645486/3645464

Fax: 3645490

Email: yesvinahai@vnn.vn

Ngành nghề kinh doanh:

Số TK ngân hàng:

Ngày bắt đầu năm tài chính (dd/mm): * 01/01

Người ký tờ khai:

Cơ quan thuế cấp Cục: * HPH - Cục Thuế TP Hải Phòng 10300

Cơ quan thuế quản lý: * Chi cục Thuế Huyện Thủy Nguyên 10311

Tên đơn vị chủ quản: * [] Thông tin đơn vị chủ quản

Mã số thuế đơn vị chủ quản: *

Thông tin đại lý:

Mã số thuế đại lý: *

Tên đại lý thuế: *

Địa chỉ trụ sở: *

Quận/ huyện: *

Tỉnh/ Thành phố: *

Điện thoại: [] [] [] [] [] [] [] [] [] []

Ký hiệu * là bắt buộc nhập.

Ghi Đóng

Trên giao diện này bắt buộc người sử dụng phải điền đầy đủ thông tin về doanh nghiệp của mình. Một số thông tin bắt buộc như :

- Người nộp thuế : “ Công ty TNHH May Yes Vina”
- Địa chỉ trụ sở : “ Xã Kiền Bái”
- Quận/ huyện : “ Thủy Nguyên ”
- Tỉnh/ thành phố : “ Hải Phòng”
- Điện thoại: “3645486/3645464”
- Fax, email, ngành nghề kinh doanh, số TK ngân hàng, người ký tờ khai có thể bỏ qua.
- Ngày bắt đầu năm tài chính : “ 01/01”
- Cơ quan thuế cấp Cục : sẽ có cho mình lựa chọn, tùy theo doanh nghiệp của mình ở tỉnh hay thành phố nào trên toàn quốc, ở đây ta chọn “ HPH- Cục thuế TP Hải Phòng”
- Cơ quan thuế quản lý : là chi cục thuế các quận, huyện và thành phố. Ở đây ta chọn “ Chi cục thuế huyện Thủy Nguyên”

Tiếp đó kẻ toán kích chuột vào chữ “ Ghi” sau khi có dòng chữ “ Đã ghi dữ liệu thành công”, kẻ toán đóng giao diện đó lại bằng cách kích vào chữ “Đóng”.



Ngay sau đó một giao diện mới sẽ hiện ra.



Lựa chọn dòng “ *Tờ khai GTGT khấu trừ (01/GTGT)*” tại mục Kê khai phần thuế giá trị gia tăng.

Giao diện tiếp theo sẽ là:



Sau khi chọn kỳ tính thuế, danh mục ngành nghề kế toán viên sẽ tiếp tục lựa chọn phụ lục kê khai.

Ở phần chọn phụ lục kê khai kế toán sẽ chọn “*PL 01-1/GTGT*” và “*PL 01-2/GTGT*” sau đó kích chuột vào “đồng ý”.

Kế toán chỉ sử dụng “*PL 01-3/GTGT*” sau khi phát hiện Tờ khai thuế giá trị gia tăng mà mình nộp cho cơ quan thuế có sai sót, cần phải điều chỉnh hay bổ sung.

Ở giao diện mới xuất hiện ta sẽ thấy có dòng chữ nhỏ ở phía dưới cùng bên trái gồm có các mục: “*Tờ khai*”, “*PL 01-1/GTGT*”, “*PL 01-2/GTGT*”.

Kích chuột vào “*PL 01-1/GTGT*” khi muốn kê khai hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra.

Học trình khai - Phiên bản 3.1.6

Đăng nhập

Tài bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế GTGT:								
1							0	
Tổng							0	
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:								
1							0	
Tổng							0	
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:								
1							0	
Tổng							0	
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:								
1							0	
Tổng							0	
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:								
1							0	
Tổng							0	

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra : 0

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra : 0

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT : 0

Tờ khai PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

Tại đây kê toán bắt đầu kê khai các hóa đơn, chứng từ bán ra.

Phần này được chia thành các mục như sau:

1. Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT
2. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%
3. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%
4. Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT.

Lưu ý: Khi kê khai lưu ý cần phải điền cho thật chính xác thông tin.

VD1.

Ngày 12/02/2012, theo hóa đơn xuất khẩu ký hiệu AA/11P số 0000259 do công ty TNHH May Yes Vina cung cấp cho công ty FEV CORPORATION với nội dung xuất khẩu đơn hàng gia công áo váy dài nữ 2 lớp không tay mã 2703/044, số HĐ 04 HDGC/FEV-YES ngày 02/12/2012, tổng giá thanh toán 308.670.960 đồng

Kế toán tiến hành kê khai vào phần mềm " hỗ trợ kê khai thuế " như sau :

Kê khai vào phần 2: **Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 0%.**

Khi kê khai phải điền đầy đủ các thông tin như :

- Ký hiệu hoá đơn : AA/11P
- Số hoá đơn : 0000259
- Ngày, tháng năm phát hành : 12/02/2012
- Tên người mua : CTY FEV CORPORATION
- Mã số thuế người mua : 0306033041-001
- Mặt hàng : Áo váy dài nữ 2 lớp mã 2703/044
- Doanh số bán chưa có thuế : 308.670.960
- Thuế suất : 0%

Đến hoá đơn tiếp theo ta ấn F5 để thêm dòng kê khai.

VD2.

Ngày 02/02/2012, theo hóa đơn GTGT ký hiệu AA/11P số 0000009 do công ty TNHH May Yes Vina cung cấp cho CÔNG TY CỔ PHẦN MAY II HẢI DƯƠNG với nội dung thanh toán phí nhập khẩu, tổng giá thanh toán 3.787.000 đồng, trong đó VAT 10% là 378.700 đồng

Kế toán viên tiến hành kê khai:

Kê khai vào phần 4: **Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất GTGT 10%.**

- Ký hiệu hoá đơn : AA/11P
- Số hoá đơn : 0000009
- Ngày, tháng năm phát hành : 02/02/2012
- Tên người mua : CÔNG TY CỔ PHẦN MAY II HẢI DƯƠNG
- Mã số thuế người mua : 0800283597
- Mặt hàng : Phí xuất khẩu
- Doanh số bán chưa có thuế : 3.787.000
- Thuế suất : 10%
- Thuế giá trị gia tăng : 378.700

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ghi”. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “Đã ghi số liệu thành công”. Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “Đóng”. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ bán ra.

Hệ thống kê khai - Phiên bản 3.1.6

Đăng nhập từ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

STT	Hoá đơn, chứng từ bán			Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh số bán chưa có thuế	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
14	AA/11P	222	21/02/2012	CTY TNHH YES TRADING		áo jacket nữ	937.260	
15	AA/11P	223	27/02/2012	CTY TNHH YES TRADING		Váy ngắn nữ	75.055.781	
16	AA/11P	224	28/02/2012	CTY FEV CORPORATION		áo jacket nữ	691.385.460	
17	AA/11P	225	28/02/2012	CTY TNHH YES TRADING		áo jacket nữ	9.985.440	
18	AA/11P	226	28/02/2012	CTY TNHH YES TRADING		Váy ngắn nữ	1.782.453.992	
Tổng							6.605.811.060	
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5%:								
1							0	
Tổng							0	
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:								
1	AA/11P	009	02/02/2012	CÔNG TY CỔ PHẦN MAY II HẢI PHÒNG	0800283597	Phi nhập khẩu	3.787.000	378
Tổng							3.787.000	378
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:								
1							0	
Tổng							0	

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra : **6.609.598.060**

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra : **378.700**

Tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT : **6.609.598.060**

Tờ khai: PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Đóng

Trên đây là giao diện của bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra tháng 02 / 2012. *Ta thấy :*

-Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra tháng 02/2012 là :

6.609.598.060 đ

-Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ bán ra tháng 02/2012 là :

378.700 đ

-Tổng doanh thu hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT tháng 2/2012:

6.609.598.060 đ

Tiếp theo, kích chuột vào “ PL 01-2/GTGT” nếu như muốn kê khai hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào.

Hệ trợ khai - Phiên bản 3.1.6
 Nhập tờ khai

Tải bảng kê

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoá đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1. Hàng hoá, dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:									
1							0	0	0
Tổng							0		0

Tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào:

Tổng thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào:

Tờ khai / PL 01-1/GTGT / PL 01-2/GTGT

Bấm F5 - Thêm dòng
 Bấm F6 - Xóa dòng

Thêm phụ lục Nhập lại Ghi In Xóa Kết xuất Đóng

Tại đây kế toán bắt đầu kê khai các hoá đơn, chứng từ hàng hóa mua vào của công ty phần này có chia ra thành các phần như sau :

1. Hàng hoá dịch vụ dùng riêng cho SXKD đủ điều kiện khấu trừ thuế.
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ.
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế.
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế.
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT.

VD1.

Ngày 02/02/2012 theo Hóa đơn GTGT AB/11P số 0002721 do CTY TNHH YUSEN LOGISTICS SOLUTIONS Việt Nam cung cấp với nội dung thanh toán phí xuất khẩu lô hàng TK số 1258 ngày 01/01/2012 . Số tiền phải thanh toán 5.523.423 đồng (VAT 10%).

Từ nghiệp vụ phát sinh trên kế toán tiến hành kê khai vào phần mềm "hỗ trợ kê khai thuế" như sau :

Kê khai vào phần 1:

Hàng hoá dịch vụ dùng riêng cho SXKD chịu thuế GTGT:

Khi kê khai phải điền đầy đủ các thông tin như :

- Ký hiệu hoá đơn : AB/11P
- Số hoá đơn : 0002721
- Ngày, tháng năm phát hành : 02/02/2012
- Tên người bán : CTY TNHH YUSEN LOGISTICS SOLUTIONS VIET NAM
- Mã số thuế người bán : 0101936701
- Mặt hàng : Phí xuất khẩu
- Doanh số bán chưa có thuế : 5.523.423
- Thuế suất : 10%
- Thuế giá trị gia tăng : 552.343

VD2.

Ngày 13/01/2012 theo Hóa đơn GTGT HP/11P số 0038193 do Cty cổ phần Hàng Hải Macs tại Hải Phòng cung cấp với nội dung thu hộ phí xếp dỡ cảng . Số tiền phải thanh toán 1.638.704 đồng

Kế toán viên kê khai vào phần 5:

Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:

Chỉ tiêu này doanh nghiệp để kê khai hóa đơn thông thường đối với hàng hóa dịch vụ mua vào hoặc các hóa đơn GTGT thu hộ của hãng tàu nước ngoài không xác định được mức thuế suất, không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT.

Nội dung kê khai như sau:

- Ký hiệu hoá đơn : HP/11P
- Số hoá đơn : 0038193
- Ngày, tháng năm phát hành : 13/01/2012

- Tên người bán : Cty cổ phần Hàng hải Macs
- Mã số thuế người bán : 0302326311-005
- Mặt hàng : Phí thu xếp dỡ cảng
- Doanh số bán chưa có thuế : 1.638.704

Sau khi kê khai xong kế toán kích chuột vào chữ “ ghi ”. Tiếp đó hiện lên dòng chữ “Đã ghi số liệu thành công ”. Tiếp theo kế toán kích chuột vào chữ “ Đóng ”. Hoàn thành việc kê khai hoá đơn, chứng từ mua vào.

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

STT	Hoà đơn, chứng từ, biên lai nộp thuế			Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Giá trị HHDV mua vào chưa có thuế	Thuế suất (%)	Thuế GTGT
	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
104	AA/11P	664	29/02/2012	CTY CP Dịch Vụ Bảo Vệ Toàn Cầu	0200590892	Phí dịch vụ bảo vệ tháng 2	30.540.000	10	3.054.000
105	PT/11P	705	29/02/2012	CTY TNHH Phần Thịnh- TAE GWAI	0500569644	Linh phụ kiện máy móc	63.255.000	10	6.325.500
106	AA/11P	891	29/02/2012	CTY TNHH Vận Tải Dương Tùng	0200658886	Cước vận chuyển	1.730.909	10	173.091
Tổng							1.300.107.946		129.955.997
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
3. Hàng hoá, dịch vụ dùng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
4. Hàng hóa, dịch vụ dùng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế:									
1							0	0	0
Tổng							0		0
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:									
1	03DB/11P	30899	04/01/2012	CHGT Sách TPHCM (HTDN)	0303340252	Biểu thuế XNK	350.000	0	0
2	HP/11P	38192	13/01/2012	CN CTY CP DV Hàng Hải Macs tại H	0302326311-005	Phí chứng từ	420.000	0	0
3	HP/11P	38193	13/01/2012	CN CTY CP DV Hàng Hải Macs tại H	0302326311-005	Thu phí xếp dỡ cảng	1.638.704	0	0
4	HP/11P	38194	13/01/2012	CN CTY CP DV Hàng Hải Macs tại H	0302326311-005	Phí cân bằng container	1.051.800	0	0
5	HP/11P	38804	19/01/2012	CN CTY CP DV Hàng Hải Macs tại H	0302326311-005	Phí lưu cont	251.485	0	0
6	02AC/11P	80412	31/01/2012	Trần Văn Bích	0200392957	Nước sinh hoạt tháng 01	841.500	0	0
7	0210/11P	40077	04/02/2012	Mã Thuế	0200446923		1.090.000	0	0

Trên đây là giao diện của bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào tháng 02 / 2012. *Ta thấy :*

Tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào tháng 2/2012: **1.300.107.946 đ**

Tổng thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào tháng 2/2012: **129.955.997 đ**

Kế toán chỉ cần kê khai ở trong 2 phụ lục này, dữ liệu sẽ tự chuyển sang Tờ khai thuế giá trị gia tăng.

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (Mẫu số 01/GTGT)
(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Kỳ tính thuế: Tháng 02 năm 2012

Lần đầu: **X**

Bổ sung lần thứ:

Mã số thuế: **0200741051**

Tên người nộp thuế: **CONG TY TNHH MAY YES VINA**

STT	CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ HHDV	THUẾ GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X") [21]	0	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22]		1,480,930,477
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào [23]	1,300,107,946	129,955,997
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này [25]		129,955,997
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT [26]	0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]= [29]+[30]+[32]; [28]= [31]+[33]) [27]	6,609,598,060	378,700
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0% [29]	6,605,811,060	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% [30]	0	0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% [32]	3,787,000	378,700
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28]) [34]	6,609,598,060	378,700
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25]) [36]		(129,577,297)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước [37]		0
2	Điều chỉnh giảm thuế GTGT của các kỳ trước [38]		0
V	Tổng số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vắng lai ngoại tỉnh [39]		0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ (nếu [40a] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] > 0) [40a]		0
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế [40b]		0
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b]) [40]		0
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu ([41] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] < 0) [41]		1,610,507,774
4.1	Thuế GTGT đề nghị hoàn [42]		0
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43] = [41] - [42]) [43]		1,610,507,774

Nhân viên đại lý thuế

Họ và tên

Chứng chỉ hành nghề số

Người ký:

Ngày ký: 11/03/2012

2.2.4.2. Một số quy định chung về việc lập tờ khai thuế

- Trong tờ khai thuế GTGT có sử dụng một số ký tự viết tắt như sau:
 - “GTGT” là các ký tự viết tắt của cụm từ “giá trị gia tăng”
 - “CSKD” là các ký tự viết tắt của cụm từ “cơ sở kinh doanh”
 - “HHDV” là các ký tự viết tắt của cụm từ “hàng hóa, dịch vụ”.
- Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của kỳ kê khai thuế (tháng... năm...) và các thông tin đã đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số từ [01] đến [09] như:
 - [01] : Kỳ tính thuế : tháng 02 năm 2012
 - [02] : Người nộp thuế : Công ty TNHH May Yes Vina
 - [03] : Mã số thuế : 0200741051
 - [04] : Địa chỉ trụ sở : Xã Kiền Bái
 - [05] : Quận/huyện : Thủy Nguyên
 - [06] : Tỉnh/thành phố : Hải Phòng
 - [07] : Điện thoại : 3646486/3645464
 - [08] : Fax : 3645490
 - [09] : Email : yesvinahai@vnn.vn

Nếu có sự thay đổi các thông tin từ mã số [02] đến mã số [09], CSKD phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

Đối với Tờ khai thuế GTGT của dự án đầu tư thì cơ sở kinh doanh phải kê khai rõ tên của từng dự án đang trong giai đoạn đầu tư.

- Số tiền ghi trên tờ khai làm tròn đến đơn vị tiền là đồng Việt Nam.
- Không ghi số thập phân trên tờ khai thuế GTGT.
- Đối với các chỉ tiêu không có số liệu phát sinh trong kỳ tính thuế thì bỏ trống không ghi.
- Nếu các chỉ tiêu có kết quả tính toán nhỏ hơn không thì phân số ghi vào Tờ khai được để trong ngoặc (...).
- Các chỉ tiêu điều chỉnh trên tờ khai phải có Bảng giải trình đính kèm.

- Tờ khai thuế GTGT gửi đến cơ quan thuế chỉ được coi là hợp pháp khi tờ khai được kê khai theo đúng mẫu quy định, các chỉ tiêu trong tờ khai được ghi đúng và đầy đủ theo các nguyên tắc nêu trên và được người đại diện theo pháp luật của cơ sở kinh doanh ký tên, đóng dấu vào cuối tờ khai.

❖ Nội dung và phương pháp lập tờ khai thuế GTGT (Mẫu 01-GTGT)

A. Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ:

Nếu trong kỳ kê khai cơ sở kinh doanh không phát sinh các hoạt động mua bán hàng hoá dịch vụ thì cơ sở kinh doanh vẫn phải lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế. Trên tờ khai, cơ sở kinh doanh đánh dấu “X” vào ô mã số [10] - Chỉ tiêu A “Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ”.

Khi đánh dấu vào ô mã số [10], cơ sở kinh doanh không cần phải điền số 0 vào ô mã số của các chỉ tiêu phản ánh hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra trong kỳ.

B. Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang

Số thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang được ghi vào mã số [22] của Tờ khai thuế GTGT kỳ này là số thuế đã ghi trên mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ trước.

[22]: 1.480.930.477

Số thuế còn phải nộp hoặc nộp thừa của kỳ trước không được ghi vào chỉ tiêu này vì theo quy định tại Luật thuế giá trị gia tăng, nếu cơ sở kinh doanh có số thuế nộp thiếu kỳ trước thì phải nộp đủ số thuế còn thiếu vào ngân sách nhà nước; nếu có số thuế đầu vào được khấu trừ lớn hơn số thuế đầu ra thì được tính khấu trừ số thuế lớn hơn đó cho kỳ tiếp theo.

C. Kê khai thuế GTGT phải nộp ngân sách Nhà nước

I- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ

Số liệu để kê khai vào các chỉ tiêu của mục này bao gồm hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh, không bao gồm thuế GTGT đầu vào của các Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh. Số thuế GTGT đầu vào

của Dự án đầu tư được kê khai, theo dõi riêng tại Tờ khai thuế GTGT của Dự án đầu tư (mẫu số 01B/GTGT).

1. Chỉ tiêu “Giá trị và thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào”

Chỉ tiêu “Hàng hoá dịch vụ mua vào trong kỳ” trên tờ khai bao gồm các ô phản ánh giá trị và tiền thuế GTGT của HHDV cơ sở kinh doanh mua vào trong kỳ, gồm cả HHDV mua trong nước và HHDV nhập khẩu.

- **Mã số [23]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số giá trị HHDV mua vào (giá trị chưa có thuế GTGT) theo chứng từ mua hàng hóa, dịch vụ

[23] : 1.300.107.946

- **Mã số [24]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế giá trị gia tăng trên các hoá đơn GTGT và các chứng từ đặc thù (do cơ sở kinh doanh tính lại) của hàng hoá dịch vụ mua vào.

[24] : 129.955.997

2. Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này

- **Mã số [25]**: Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT được khấu trừ.

[25] : 129.955.997

II- Hàng hoá dịch vụ (HHDV) bán ra trong kỳ

1. Chỉ tiêu “Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT”

- **Mã số [26]**: Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ thuộc diện không chịu thuế của cơ sở kinh doanh.

[26]: Không phát sinh trong kỳ

2. Chỉ tiêu “Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT”

- **Mã số [27]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT.

[27] : 6.609.598.060

- **Mã số [28]** : Số liệu ghi vào mã số này là tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với giá trị HHDV bán ra chịu thuế GTGT đã ghi vào mã số [27] .

[28] : 378.700

a. Chỉ tiêu "Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%"

- **Mã số [29]:** Số liệu ghi vào mã số này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế GTGT theo thuế suất 0%.

[29] : 6.605.811.060

b. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% " :

- **Mã số [30]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 5%.

[30] : Không phát sinh trong kỳ

- **Mã số [31]:** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 5% đã ghi vào mã số [30].

[31] : Không phát sinh trong kỳ

c. Chỉ tiêu "Hàng hóa dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%" :

- **Mã số [32]:** Số liệu ghi vào mã số này là giá trị hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ (chưa có thuế GTGT) chịu thuế theo thuế suất 10%.

[32] : 3.787.000

- **Mã số [33] :** Số liệu ghi vào mã số này là số thuế GTGT tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ chịu thuế theo thuế suất 10% đã ghi vào mã số [32].

[33] : 378.700

3. Chỉ tiêu "Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra" :

- **Mã số [34]:** Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là tổng giá trị hàng hóa dịch vụ bán ra trong kỳ và các khoản điều chỉnh tăng giảm của các kỳ kê khai trước.

[34] = [26] + [27]

[34] : 6.609.598.060

- **Mã số [35]:** Số liệu ghi vào mã số này phản ánh tổng số thuế GTGT của HHDV bán ra bao gồm số thuế GTGT của HHDV bán ra trong kỳ và các

khoản điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước. Số liệu ghi vào mã số này được tính theo công thức : $[35] = [28]$

$$[35] : 378.700$$

III. Thuế GTGT phát sinh trong kỳ

- Mã số [36]: Thuế GTGT phát sinh trong kỳ

$$[36] = [35] - [25]$$

$$[36] : (129.577.297)$$

IV. Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT của các kỳ trước

1. Chỉ tiêu “Điều chỉnh tăng thuế GTGT của các kỳ trước”

- Mã số [37]: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh tăng số thuế GTGT của HHDV các kỳ kê khai trước.

[37]: Không phát sinh trong kỳ

- Mã số [38]: Số liệu ghi vào mã số này là số điều chỉnh giảm số thuế GTGT của HHDV các kỳ kê khai trước.

[38] : Không phát sinh trong kỳ

V- Tổng số thuế GTGT của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh

- Mã số [39]: Tổng số thuế GTGT của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh trong kỳ

[39] : Không phát sinh trong kỳ

VI- Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ

1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT phải nộp trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ”:

- Mã số [40a]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức :

$$[40a] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] \geq 0$$

[40a] : -

2. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) được bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ”

-Mã số [40b]: Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư

g [40b] : -

3. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ”

- Mã số [40]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[40] = [40a] - [40b]$$

[40] : -

4. Chỉ tiêu : “Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ”

- Mã số [41]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức

$$[41] = [36] - [22] + [37] - [38] - [39] < 0$$

$$[41] = 1.610.507.774$$

4.1. Chỉ tiêu “Thuế GTGT đề nghị hoàn”

- Mã số [42]: Số liệu ghi vào chỉ tiêu này là số thuế GTGT mà CSKD đề nghị hoàn theo chế độ quy định.

CSKD không được chuyển sang khấu trừ của kỳ sau đối với số thuế đã đề nghị hoàn trong kỳ.

CSKD đã ghi số liệu vào ô mã số [42] thì phải gửi công văn đề nghị hoàn thuế và hồ sơ hoàn thuế theo qui định cho cơ quan thuế để được xét hoàn thuế. Trường hợp CSKD không ghi số thuế đề nghị hoàn vào ô mã số [42] của tờ khai thì số thuế còn được khấu trừ này đã chuyển sang kỳ sau để khấu trừ tiếp. Nếu sau đó CSKD gửi công văn và hồ sơ đề nghị hoàn thuế cho số thuế này thì cơ quan thuế sẽ không xét hoàn thuế.

4.2 Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau :

- Mã số [43]: Số liệu để ghi vào chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$[43] = [41] - [42]$$

$$[43] = 1.610.507.774$$

Kết quả của mã số [43] của tờ khai thuế GTGT kỳ này được dùng để ghi vào mã số [22] của tờ khai thuế GTGT của kỳ tiếp theo.

2.2.4.2. Khấu trừ thuế GTGT

Hàng tháng căn cứ vào tờ khai thuế GTGT, trên cơ sở tổng số thuế GTGT của hàng hóa dịch vụ bán ra, kế toán tiến hành khấu trừ thuế GTGT.

➤ **Ví dụ:**

Trong tháng 02, căn cứ vào tờ khai thuế GTGT tháng 02/2012 kế toán xác định:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ : **1.610.886.474** đồng
- Thuế GTGT đầu ra : **378.700** đồng

Bút toán khấu trừ thuế GTGT:

Nợ TK 333111 : 378.700 đ

Có TK 133111 : 378.700 đ

Bút toán khấu trừ thuế GTGT được thực hiện vào cuối tháng có phát sinh thuế GTGT đầu ra, sau khi xác định được tổng số thuế GTGT của hàng hoá dịch vụ mua vào và bán ra. Về nguyên tắc chỉ được khấu trừ theo số nhỏ hơn, và đơn vị đã thực hiện việc khấu trừ thuế GTGT theo đúng nguyên tắc quy định.

2.2.4.3. Hoàn thuế GTGT

Theo quy định cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu trong 3 tháng liên tục trở lên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết.

Tùy theo thời điểm, tình hình hoạt động mà doanh nghiệp xin hoàn thuế.

Hồ sơ xin hoàn thuế, gồm có:

- Bảng kê xác định số thuế GTGT đề nghị hoàn
- Văn bản đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước
- Bảng kê hàng xuất khẩu
- Tờ khai thuế các tháng xin hoàn

➤ **Ví dụ:**

Tháng 4/2012, doanh nghiệp lập hồ sơ xin hoàn thuế GTGT trong thời gian phát sinh từ ngày 01/5/2009 đến ngày 31/12/2011

Mẫu số 01-1/HTBT

(Ban hành kèm theo Thông tư

Số 60/2007/TT-BTC

ngày 14/6/2007 của Bộ Tài chính)

**BẢNG KÊ XÁC ĐỊNH
SỐ THUẾ GTGT ĐỀ NGHỊ HOÀN**

(Kèm theo Văn bản đề nghị hoàn thuế ngày 09/ 04/ 2012).

I – Cá nhân / Tổ chức đề nghị hoàn thuế : CÔNG TY TNHH MAY YESVINA.

1. Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH MAY YESVINA.**
2. Mã số thuế: 0200741051.
3. Địa chỉ : Xã Kiền Bái – Huyện Thủy Nguyên – Thành phố Hải Phòng.

II – Xác định số thuế GTGT đề nghị hoàn.

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Số thuế phát sinh đầu ra	961.385.729
2	Số thuế đầu vào được khấu trừ	5.130.544.456
3	Số thuế đã nộp	0
4	Số thuế đầu vào lớn hơn số thuế đầu ra đề nghị được hoàn lại	4.169.158.727

III – Giải trình về việc điều chỉnh thuế GTGT đầu vào, đầu ra so với số thuế tại Tờ khai đã nộp cho cơ quan thuế (nếu có)

Hải Phòng , ngày 09 tháng 04 năm 2012

TỔ CHỨC /CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ

(Ký , ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 05/ĐNHT
 Theo Thông tư số 8/2008TT-BTC
 ngày 24/12/2008 của BTC

CÔNG TY TNHH MAY YES VINA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Hải Phòng, ngày 09 tháng 04 năm 2012

GIẤY ĐỀ NGHỊ
HOÀN TRẢ KHOẢN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Kính gửi: CỤC THUẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

I-Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn trả:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH MAY YESVINA.**

Mã số thuế : 0200741051.

Địa chỉ : Xã Kiền Bái – Huyện Thủy Nguyên – Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại:0313.645486 – Fax: 0313.645490

Số tài khoản: 32110000257416 Tại NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh HP

Ngề nghiệp/ Lĩnh vực hoạt động, kinh doanh chính: Sản xuất, gia công sản phẩm may

II-Nội dung đề nghị hoàn thuế/ phí/ các khoản thu NSNN

1-Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả

Khoản thu đề nghị hoàn trả	Số tiền phải nộp	Số tiền đã nộp (hoặc đã khấu trừ)	Số tiền đề nghị hoàn	Thời gian phát sinh khoản nghị hoàn	Lý do đề nghị hoàn trả
Thuế GTGT	0	0	4.169.158.727	01/05/2009 đến 31/12/2011	Theo quy định tại điểm 1.a, Mục I, Phần D, Thông tư 120/2003TT-BTC; Điểm 1.a, Mục I, Phần D, Thông tư 32/2007/TT-BTC và Điểm 1, Khoản C thông tư số/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính: “ Cơ sở kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế GTGT nếu trong 3 tháng liên tục trở nên có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết”
Tổng số	0	0	4.169.158.727		

2-Hình thức đề nghị hoàn trả:

2.1.Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN

Đề nộp vào NSNN hoặc Tài khoản tạm thu số ⁽¹⁾:.....
 Tại KBNN⁽²⁾:.....tỉnh, TP.....
 Theo quyết định số ⁽³⁾:.....ngày.....của.....
 (hoặc) yêu của cơ quan thu⁽⁴⁾:.....Mã số CQ thu:.....
 Tờ khai HQ ⁽⁵⁾ số:.....Loại hình XNK.....ngày.....

STT	Nội dung các khoản phải nộp NS	Mã chương	Mã ngành kinh tế (K)	Mã NDKT (TM)	Kỳ thuế	Số tiền
Tổng số						

Tổng số tiền nộp NSNN bằng chữ: Không đồng

Số tiền hoàn trả: Bằng số **4.169.158.727** Bằng chữ: *Bốn tỷ một trăm sáu mươi chín triệu một trăm năm tám nghìn bảy trăm hai bảy đồng*

Hoàn trả bằng: Tiền mặt: Chuyển khoản:

Chuyển tiền vào tài khoản số: **32110000257416** Tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Hải Phòng

III-Tài liệu gửi kèm

- 1.Bảng kê xác định số thuế GTGT đề nghị hoàn
- 2.Bảng kê hàng xuất khẩu
- 3.Tờ khai thuế GTGT 19 tháng (bản sao)

TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ HOÀN TRẢ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

- Sau khi nộp hồ sơ Cục thuế ra quyết định về Chế độ kiểm tra hoàn thuế:

Kiểm tra trước khi hoàn và cử người xuống kiểm tra :

- Giấy chứng nhận ĐKKD, đăng ký MST, quyết định bổ nhiệm KTT
- Hoá đơn GTGT đầu vào, đầu ra theo bảng kê hàng tháng
- Sổ kế toán tổng hợp, sổ chi tiết, sổ cái (khoá sổ và in ra đến thời điểm đề nghị hoàn thuế)

Trong quá trình Cục thuế kiểm tra trước khi hoàn thuế, một số hóa đơn, chứng từ không đủ điều kiện được khấu trừ đã bị loại bỏ ra khỏi hồ sơ xin hoàn thuế do một số nguyên nhân sau:

- **Hóa đơn đầu vào:**

- Hóa đơn không hợp lệ, hợp pháp
- Thông tin trên hóa đơn không đầy đủ
- Không xác định được công ty cung cấp hóa đơn dịch vụ
- Không thực hiện thanh toán qua ngân hàng

.....

- **Hóa đơn đầu ra:**

- Sử dụng hóa đơn GTGT với nội dung xuất khẩu hàng gia công
- Sau khi nhận được quyết định hoàn thuế về số thuế được hoàn, doanh nghiệp

hạch toán:

Số thuế bị loại ra, không được hoàn:

1. Nợ 641	1.302.088
Có 1331	1.302.088
2. Nợ 642	6.268.794
Có 1331	6.268.794

Khi nhận được giấy báo Có của Ngân hàng về tiền hoàn thuế của Cục thuế, doanh nghiệp hạch toán:

Số thuế được hoàn:

Nợ 1121	4.161.587.845
Có 1331	4.161.587.845

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI CÔNG TY TNHH MAY YES VINA

3.1. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT

3.1.1. Sự cần thiết của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán thuế GTGT

Kế toán thuế GTGT là một phần hành kế toán quan trọng trong hệ thống kế toán của mỗi doanh nghiệp. Tùy theo từng loại hình doanh nghiệp, từng ngành nghề kinh doanh khác nhau, triết lý kinh doanh của người chủ doanh nghiệp khác nhau thì cách thức quản lý tại từng doanh nghiệp khác nhau. Chính vì vậy việc hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp, bởi vì bất kỳ một doanh nghiệp nào khi đã tham gia vào thị trường kinh tế đều đặt mục tiêu lợi nhuận lên hàng đầu. Công việc quản lý của người chủ là đề ra mục tiêu, xây dựng phương hướng, cách thức thực hiện mục tiêu và chỉ ra những nguồn lực cần thiết để đạt được mục tiêu đó. Thuế GTGT không ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp vì bản thân doanh nghiệp không phải là đối tượng chịu thuế nhưng sự vận động của nó ảnh hưởng trực tiếp đến dòng vốn của doanh nghiệp cho nên xét đến cùng thì nó cũng phần nào ảnh hưởng gián tiếp đến lợi nhuận kinh doanh. Do đó thuế GTGT là đối tượng quản lý trực tiếp của bất kỳ doanh nghiệp nào kinh doanh vì mục tiêu lợi nhuận.

Mặt khác, trong điều kiện hiện nay, khi nền kinh tế nước ta từng bước hội nhập nền kinh tế thế giới, Chính phủ có những thay đổi đối với chính sách kinh tế vĩ mô như chính sách về thuế, về chế độ kế toán. Cùng với những thay đổi đó, công tác kế toán ở các doanh nghiệp cũng phải được tổ chức cho phù hợp. Từ những nguyên nhân, đòi hỏi mang tính khách quan của nền kinh tế đặt ra, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và phát huy đầy đủ vai trò cung cấp thông tin cho việc điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh, cần thiết phải cải tiến, đổi mới vào hoàn thiện hệ thống kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng.

3.1.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT

Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán thuế GTGT nói riêng là một yêu cầu cần thiết. Tuy vậy, việc hoàn thiện cần đảm bảo các yêu cầu mang tính nguyên tắc như sau:

- Việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung, kế toán thuế GTGT nói riêng tại Công ty phải tôn trọng đúng chính sách, chế độ hiện hành của Nhà nước về chế độ kế toán cũng như kế toán thuế GTGT.

- Những giải pháp để hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm của đơn vị. Phù hợp ở đây là phù hợp với trình độ, khả năng của đội ngũ cán bộ, với trang thiết bị, phương tiện ghi chép, tính toán của Công ty. Có như vậy mới phát huy được thế mạnh của việc đổi mới.

- Một trong những nhiệm vụ của kế toán là cung cấp thông tin, số liệu kế toán theo quy định của pháp luật. Vì vậy hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho đối tượng cần sử dụng thông tin.

- Hoàn thiện công tác kế toán nói chung cũng cần phải đảm bảo tính khả thi, tiết kiệm và có hiệu quả. Có khả thi thì mới thực hiện và giải pháp hoàn thiện mới có ý nghĩa. Nhưng thực hiện được không phải bằng mọi cách mà còn cần phải quan tâm đến việc tiết kiệm cả về thời gian, chi phí, công sức từ đó tạo hiệu quả trong công việc.

3.2. Những nhận xét, đánh giá chung về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH May Yes Vina

Đi vào hoạt động từ năm 2007, vượt những khó khăn ban đầu của một công ty 100% vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam thì cho đến nay đến nay, công ty TNHH May Yes Vina đã có được những bước đi vững chắc, thuận lợi đạt hiệu quả cao được thể hiện ở những thành tích mà công ty đã đóng góp cho xã hội. Cùng với sự phát triển của công ty, bộ máy kế toán cũng ngày càng hoàn thiện và có những đóng góp rất to lớn về vấn đề tài chính giúp cho công ty đứng vững và có sức cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường. Công ty luôn kịp thời áp dụng và thực hiện tốt

chế độ kế toán mới do bộ tài chính ban hành. Công tác hạch toán kế toán trên cơ sở vận dụng linh hoạt nhưng vẫn tuân thủ nguyên tắc kế toán nhờ đó đảm bảo cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời nhu cầu thông tin cho quá trình quản lý.

Việc tổ chức bộ máy kế toán tập trung như hiện nay đã đảm bảo cho kế toán phát huy đầy đủ vai trò, chức năng của mình. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối khoa học hợp lý, phù hợp với yêu cầu của công việc và phù hợp với chuyên môn của từng người.

Công ty TNHH May Yes Vina là Công ty có bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ, trong khi các nghiệp vụ phát sinh khá lớn song Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các phần hành kế toán theo yêu cầu quản lý của Công ty và của bộ tài chính. Hiện nay, Công ty vẫn áp dụng cách làm thủ công thực hiện xử lý số liệu trên excel bên cạnh việc sử dụng một số phần mềm hỗ trợ quản lý tài chính nhằm để nâng cao hiệu quả công tác kế toán.

Công tác kế toán của Công ty được thực hiện nghiêm ngặt theo đúng những quy định của Bộ tài chính, đặc biệt là trong kế toán về thuế nói chung và thuế GTGT nói riêng, Công ty đều thực hiện đúng theo các Thông tư hướng dẫn, khi có bất kỳ một sự sửa đổi nào về luật thuế GTGT, đơn vị đều làm theo những hướng dẫn mới nhất của cơ quan thuế.

Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy Công ty đều làm đúng theo chế độ kế toán về thuế GTGT, thực hiện việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng như hướng dẫn của cơ quan thuế. Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kê khai thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế. Bằng những kiến thức đã học cộng với thực tế em đã rút ra một số ý kiến nhận xét, đánh giá riêng của mình như sau:

3.2.1. Ưu điểm

- Để thuận lợi cho việc lập tờ khai thuế nhanh và chính xác hiện nay Công ty TNHH May Yes Vina đang sử dụng phần mềm “ Hỗ trợ kê khai thuế” do Tổng cục thuế xây dựng.

Việc công ty sử dụng phần mềm HTKK thuế đã giảm thiểu tối đa việc nhầm lẫn trong tính toán, ghi chép kế toán, đảm bảo được chính xác, trung thực cao, tiết kiệm được nhân lực và chi phí, thuận lợi cho công tác kiểm tra, theo dõi hạch toán kế toán.

- Công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ hệ thống chứng từ kế toán về thuế GTGT như: Hoá đơn bán hàng (GTGT), bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào, bảng kê hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ bán ra, tờ khai Thuế GTGT...

- Hiện nay, Công ty TNHH May Yes Vina đã áp dụng hình thức nộp tờ khai thuế GTGT qua mạng. Đây là cách làm văn minh, tiết kiệm được thời gian và chi phí.

- Công ty đã tiến hành lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn hàng quý

- Kê khai đầy đủ các hoá đơn chứng từ của hàng hoá dịch vụ mua vào cũng như bán ra theo đúng thời gian quy định.

- Việc khấu trừ thuế GTGT và nộp thuế GTGT đều thực hiện theo đúng quy định về cách thức tiến hành cũng như thời gian.

3.2.2. Hạn chế

- Việc sử dụng và quản lý hóa đơn chưa tốt dẫn đến tình trạng hóa đơn bị sai, mất, rách, không xác định được thông tin trên hóa đơn,... Những hóa đơn này có thể bị loại ra hay cơ quan thuế yêu cầu xác minh lại, xin cấp lại,... trong quá trình kiểm tra hoàn thuế, gây mất nhiều thời gian, công sức của doanh nghiệp.

- Hàng quý công ty đã tiến hành lập báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn, song với các trường hợp hủy hóa đơn công ty không tiến hành lập biên bản hủy hóa đơn với chữ ký của 2 bên theo quy định

- Do sự bất hợp lý giữa chế độ kế toán và luật thuế trong việc hạch toán số thuế GTGT xin hoàn, dẫn đến kế toán viên dễ bị nhầm lẫn, hạch toán trùng lặp khi lập tờ khai thuế GTGT hoặc khi thực hiện khấu trừ thuế và đề nghị hoàn thuế ở những kỳ sau.

- kê khai phần thuế GTGT trên hóa đơn thu hộ phí của hãng tàu vào chi phí do trên hóa đơn GTGT không xác định được mức thuế suất GTGT và doanh nghiệp chưa cập nhật được văn bản hướng dẫn về việc kê khai số thuế GTGT này trên tờ khai thuế. Theo thông tư 134/2008/TT-BTC, số thuế này đủ điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Việc doanh nghiệp không kê khai khấu trừ thuế GTGT với những hóa đơn này đồng nghĩa với việc doanh nghiệp không được khấu trừ số thuế này mà chỉ sử dụng để tính thuế TNDN.

- Sử dụng sai loại hình hóa đơn: Doanh nghiệp đã sử dụng hóa đơn GTGT để viết cho hàng gia công xuất khẩu thay vì phải sử dụng sử dụng hóa đơn xuất khẩu. Những hóa đơn này sẽ bị loại ra và không được kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào tương ứng với hàng hoá xuất khẩu ghi trên hoá đơn GTGT.

- Công ty vẫn chưa có phân công kế toán chuyên trách về thuế, kế toán viên kiêm luôn kế toán về thuế dẫn đến việc theo dõi chặt chẽ là hết sức khó khăn và thiếu khách quan. Thêm vào đó, thủ tục hoàn thuế rườm rà. Vì vậy việc hoàn thuế không được thực hiện thường xuyên gây khó khăn cho doanh nghiệp về đồng vốn.

Do những nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan mà công tác kế toán nói chung, kế toán thuế GTGT nói riêng còn tồn tại hạn chế. Mặc dù những hạn chế này là dù nhỏ song có thể tiềm ẩn những hậu quả rất lớn, vì vậy nếu được khắc phục sẽ góp phần hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng. Dưới đây là một số biện pháp kiến nghị các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại doanh nghiệp

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty TNHH May Yes Vina

Căn cứ vào những nhận xét về những ưu điểm và hạn chế của công ty TNHH May Yes Vina đã nêu ở trên, em xin có một số đề xuất như sau:

➤ **Kiến nghị về quản lý chứng từ, sổ sách của doanh nghiệp.**

Mỗi nghiệp vụ kế toán đều cần tới chứng từ được ghi chép và quản lý cẩn thận dùng làm bằng chứng. Chứng từ kế toán là bằng chứng để chứng minh tính

hợp pháp, hợp lý của các nghiệp vụ phát sinh. Một sai sót dù rất nhỏ cũng có thể dẫn đến nhiều phiền phức về thời gian, công sức, tài chính để giải quyết vấn đề phát sinh.

Cuối mỗi kỳ kế toán nhân viên kế toán nên kiểm tra lại hệ thống chứng từ, sổ sách của doanh nghiệp để bổ sung đầy đủ chữ ký của những người trách nhiệm có liên quan. Một số phiếu thu tiền bán hàng và phiếu chi tiền khi mua hàng của các tháng trong năm chưa được đánh số. Vậy kế toán nên kiểm tra lại để bổ sung tạo điều kiện thuận lợi cho việc đối chiếu kiểm tra sau này. Việc bảo quản, cất giữ các chứng từ cũng nên được đầu tư, quan tâm hơn để có thể hạn chế thấp nhất những tác động của tự nhiên khách quan.

➤ **Kiến nghị việc lập biên bản hủy hóa đơn với trường hợp lập sai đã giao hóa đơn cho khách hàng**

Trường hợp hóa đơn đã lập được giao cho người mua nếu phát hiện lập sai, hoặc theo yêu cầu của một bên, hàng hóa, dịch vụ đã mua bị trả lại hoặc bị đòi lại, hai bên lập biên bản thu hồi (hủy) các liên của số hóa đơn lập sai, hoặc hóa đơn của hàng hóa, dịch vụ bị trả lại, bị đòi lại và lưu giữ hóa đơn tại người bán.

Biên bản thu hồi (hủy) hóa đơn phải thể hiện được nội dung lập sai hoặc lý do đòi lại, trả lại hàng hóa, dịch vụ và các thỏa thuận bồi thường giữa hai bên (nếu có).

Doanh nghiệp cần thiết lập biên bản hủy hóa đơn có chữ ký của hai bên để sử dụng làm bằng chứng chứng minh khi có yêu cầu của cơ quan thuế.

Biên bản thu hồi (hủy) hóa đơn có thể tham khảo mẫu sau:

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đ...Đ

BIÊN BẢN HUỖ HOÁ ĐƠN

- Căn cứ vào hợp đồng ngày ... tháng ... năm ký giữa Công ty và Công ty..... về việc mua bán
- Căn cứ vào thực trạng hoá đơn GTGT số ngày .../.../..... mà Công ty đã cấp cho Công ty
- Hôm nay, ngày ... tháng ... năm Tại Trụ sở Công ty, Số nhà..... Chúng tôi gồm có:

BÊN A:

Địa chỉ :

Mã số thuế :

Do Ông/Bà :, Chức vụ:, làm đại diện

BÊN B:

Địa chỉ :

Mã số thuế :

Do Ông (Bà):, Chức vụ:, làm đại diện

- Hai bên cùng nhau xác nhận việc huỷ bỏ hoá đơn GTGT số ngày .../.../..... mà Công ty đã cấp cho Công ty

1/ Lý do huỷ bỏ hoá đơn.

- Do đơn giá ghi trên hoá đơn không đúng theo như hợp đồng đã ký giữa hai bên, và khối lượng còn thiếu,.....

2/ Cam kết.

- Công ty và Công ty cam kết không sử dụng hoá đơn GTGT số ngày .../.../..... trong việc hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Công ty cam kết không kê khai thuế GTGT đầu vào của hoá đơn số của Công ty Nếu có sự sai trái trong việc kê khai thuế của hoá đơn trên, Công hoàn toàn chịu trách nhiệm

- Liên 2 của hoá đơn số được hoàn trả lại cho Công ty

Biên bản được lập thành hai bản, có giá trị pháp lý như nhau. Mỗi bên giữ một bản

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

➤ **Kiến nghị về việc mở chi tiết TK 133 với nội dung “ thuế GTGT đề nghị hoàn” và “ thuế GTGT được hoàn còn phải thu”**

- Theo hướng dẫn của chế độ kế toán hiện hành

Quy trình hạch toán số thuế GTGT xin hoàn:

- Khi doanh nghiệp lập và gửi bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế: *Không định khoản.*
- Khi doanh nghiệp nhận quyết định hoàn thuế của CQT: *Không định khoản.*
- Khi doanh nghiệp xử lý xong quyết định của cơ quan thuế.

Phần được hoàn, chờ khi có giấy báo Có, ghi:

Nợ 111, 112

Có 133 (1331, 1332)

Phần không được hoàn, tính vào chi phí, ghi:

Nợ 621, 641, 642, 632, 627, 142...

Có 133 (1331, 1332)

- Theo luật thuế GTGT:

Khi gửi hồ sơ xin hoàn thuế, số thuế đề nghị hoàn phải được phản ánh trên chỉ tiêu **số 42** của tờ khai thuế *đồng thời ghi Có TK 133*

Doanh nghiệp vẫn chưa tìm được bút toán phù hợp cho định khoản về số thuế xin hoàn để dung hòa giữa chế độ kế toán và luật thuế GTGT. Bên cạnh đó, việc thực hiện theo chế độ kế toán sẽ nảy sinh vấn đề: nếu ta không định khoản giảm số thuế GTGT xin hoàn thì trên tài khoản 133 tồn tại gộp cả "*thuế còn được khấu trừ*" và "*thuế đã đề nghị hoàn không còn được khấu trừ*" dễ dẫn đến sai lầm khi lập tờ khai thuế GTGT hoặc khi thực hiện khấu trừ thuế và đề nghị hoàn thuế ở những kỳ sau.

Thông tin kế toán là nguồn thông tin quan trọng, cần thiết và hữu ích, cho nhiều đối tượng trong và ngoài doanh nghiệp. Việc định khoản kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thường xuyên, kịp thời và có khoa học sẽ góp một phần nâng cao năng lực cung cấp thông tin kế toán của công tác kế toán. Kiến nghị của em là cần mở thêm hai tài khoản chi tiết cho **TK 133**:

- **TK 1333** "*Thuế GTGT đã đề nghị hoàn*": Tài khoản này sử dụng để theo dõi thuế GTGT đã đề nghị hoàn.

- **TK 1334** "*Thuế GTGT đã được hoàn phải thu*": Tài khoản này theo dõi thuế GTGT đã nhận được quyết định được hoàn nhưng chưa nhận được tiền hoàn.

Định khoản:

Khi doanh nghiệp lập bộ hồ sơ đề nghị hoàn thuế và gửi cho cơ quan thuế: Ta chuyển số thuế đề nghị hoàn từ TK 133 (1331,1332) sang TK 1333 "*Thuế GTGT đã đề nghị hoàn*", ghi:

Nợ 1333 "*Thuế GTGT đã đề nghị hoàn*"

Có 1331, 1332.

Khi nhận được quyết định hoàn thuế, ta xử lý như sau: Phần không được hoàn do cơ quan thuế loại ra thì tính vào chi phí, ghi:

Nợ 621, 627, 632, 641, 642, 142...

Có 1333 "*Thuế GTGT đã đề nghị hoàn*"

Phần được hoàn chuyển thành khoản thuế GTGT được hoàn phải thu, ghi:

Nợ 1334 "*Thuế GTGT đã được hoàn phải thu*"

Có 1333 "*Thuế GTGT đã đề nghị hoàn*"

Khi nhận được tiền hoàn thuế, ghi:

Nợ 111, 112

Có 1334 "*Thuế GTGT đã được hoàn phải thu*"

Việc mở thêm chi tiết cho TK 133 sẽ giải quyết cho doanh nghiệp vướng mắc trong việc định khoản hợp lý, phù hợp với chế độ kế toán và luật thuế GTGT, bên cạnh đó còn tránh được những sai sót trong quá trình thực hiện báo cáo tài chính cũng như khi lập báo cáo thuế.

- **Kiến nghị về việc thực hiện kê khai thuế GTGT với các hóa đơn thu hộ của các hãng tàu nước ngoài**



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Mẫu số: 01GTKT3/001

Liên 2: Giao người mua

Ký hiệu: AA/11P

Ngày 13 tháng 01 năm 2012

Số: **0766666**

Đơn vị bán hàng: CTY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI MACS

Mã số thuế: 0302326311-005

Địa chỉ: Số 8A đường vòng Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 84-(31) 376 54 17 Fax: 84-(31) 376 56 21

Số tài khoản : 2051108054361 tại Ngân hàng TMCP Công Thương _ CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MAY YES VINA

Mã số thuế:

0	2	0	0	7	4	1	0	5	1
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

Địa chỉ: Xã Kiên Bái – huyện Thủy Nguyên – Tp. Hải Phòng

Hình thức thanh toán: CK

Số tài khoản: 251.110.127.6009

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	$3 = 1 \times 2$
1	Thu hộ phí xếp dỡ cảng				1.560.670
Cộng tiền hàng					1.560.670
Thuế suất GTGT:		Tiền thuế GTGT			78.070
Tổng cộng tiền thanh toán					1.638.740

Số tiền viết bằng chữ: *Một triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi đồng*

Người mua hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Kí, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Kí, ghi rõ họ tên)

(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Với các hóa đơn đầu vào của các đại lý thu hộ hãng tàu như trên, doanh nghiệp không xác định được mức thuế suất thuế GTGT và hạch toán khoản thuế này vào chi phí (điều này hoàn toàn hợp lý) song doanh nghiệp nên thực hiện việc hạch toán số thuế suất này để có quyền lợi chính đáng được hưởng khi thực hiện việc khấu trừ, xin hoàn thuế.

Căn cứ quy định tại Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/12/2003, Nghị định số 148/2004/NĐ-CP ngày 23/7/2004 và Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT thì dịch vụ Terminal Handling Charge (THC) thuộc đối tượng chịu thuế GTGT với thuế suất 5%.


Doanh nghiệp có thể căn cứ vào thông tư này để thực hiện việc hạch toán phần thuế suất GTGT trên HĐ GTGT thu hộ của hãng tàu vào mục thuế suất 5% trên tờ khai thuế.

➤ **Kiến nghị về việc sử dụng hóa đơn GTGT với hàng xuất khẩu**

Bộ Tài Chính đã có thông tư 153/2010TT-BTC ngày 28/9/2010 hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về việc phát hành hóa đơn xuất khẩu thay cho hóa đơn GTGT bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ xuất khẩu. Nội dung thông tư đã xác định: “Hoá đơn xuất khẩu là hoá đơn dùng trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng hoá, cung ứng dịch vụ ra nước ngoài, xuất vào khu phi thuế quan và các trường hợp được coi như xuất khẩu, hình thức và nội dung theo thông lệ quốc tế và quy định của pháp luật về thương mại.”

Dù cho công ty có đầy đủ hợp đồng xuất khẩu, tờ khai hải quan, chứng từ thanh toán qua ngân hàng nhưng công ty sử dụng hoá đơn GTGT cho hoạt động xuất khẩu hàng hoá, thì công ty không được kê khai khấu trừ, hoàn thuế GTGT tương ứng với hàng hoá xuất khẩu ghi trên hoá đơn GTGT đã nêu. Do vậy, dù với lý do nào đi chăng nữa thì sai sót này cũng là sai sót không đáng có và là một điểm doanh nghiệp cần hết sức lưu ý để hoàn thiện hơn công tác kế toán phần hành thuế GTGT này.

Vì vậy , kiến nghị của em là thay thế hoá đơn GTGT bằng hóa đơn xuất khẩu với nội dung xuất khẩu hàng gia công.

	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lưu Ngày 08 tháng 10 năm 2011		Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/10P Số: 0000304		
	Đơn vị bán hàng: CTY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MAY YES VINA Mã số thuế: 0200741051 Địa chỉ: Xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, Tp.Hải Phòng Điện thoại: 0313.645.486 Fax: 0313.645.490 Số tài khoản : 251.110.127.6009 tại Ngân hàng TMCP Quân đội _ CN Hải Phòng				
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: CÔNG TY FEV CORPORATION.CO,LTD Mã số thuế: 0200453688-003 Địa chỉ: Hàn Quốc Hình thức thanh toán: CK Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2
1	Áo jaket nữ 2 lớp dài tay mã 011D054	Chiếc	1.348	1,9	2.561,20
2	Áo vest nam 2 lớp không tay mã 28952	Chiếc	120	1,9	228,00
	Tỷ giá: 20.825đ/USD				
Cộng tiền hàng					2.789,20 USD
Thuế suất GTGT: 0 %					Tiền thuế GTGT 0
Tổng cộng tiền thanh toán					2.789,20 USD 58.085.090 đ
Số tiền viết bằng chữ: Hai nghìn bảy trăm tám mươi chín đô la Mỹ và hai cent Năm mươi tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm chín mươi đồng					
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, ghi rõ họ tên)	
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					



HÓA ĐƠN XUẤT KHẨU
 COMMERCIAL INVOICE
 Liên 1: Lưu (1st copy: File)
 Ngày (date) 08 tháng (month) 10 năm (Year)2011

Mẫu số: 06HDDXK/001
 Ký hiệu: AA/11P
 Số: **0000788**

Tên đơn vị xuất khẩu (Exporter's Name): CÔNG TY TNHH MAY YES VINA
Địa chỉ (Address): Xã Kiền Bái- huyện Thủy Nguyên-T.p Hải Phòng
Số tài khoản (Bank Account No): 2511101277005 tại Ngân hàng TMCP Quân đội _ CN Hải Phòng
Điện thoại(Tel No):0313.645.486/Fax:0313.645.490 **MS (Tax code):** 0200741051

Tên đơn vị nhập khẩu (Importer's Name) : CÔNG TY FEV CORPORATION.CO,LTD
Địa chỉ (Address) : Hàn Quốc
Số tài khoản (Bank Account No):
Điện thoại (Tel No):
Số hợp đồng (Contract No): 01 HĐGC/FEV-YES **Ngày hợp đồng (Contract date):** 15/02/2011
Hình thức thanh toán (Method of payment): CK **MS(Tax code):** 0200453688-003
Địa điểm giao hàng (Location):
Địa điểm nhận hàng (Delivery location):
Số vận đơn(B/L No): Số TKHQ/XGC7964 ngày 08/10/2011
Số Container (Container No):
Tên đơn vị vận chuyển (Transporter's Name):

STT NO	Tên hàng hóa, dịch vụ Description of goods/ service	ĐVT Unit	Số lượng Quantity	Đơn giá Unit Price	Thành tiền Amount
1	Áo jaket nữ 2 lớp dài tay mã 011D054	Chiếc	1.348	1,9	2.561,20
2	Áo vest nam 2 lớp không tay mã 28952	Chiếc	120	1,9	228,00
	Tỷ giá:20.825đ/USD				

Cộng tiền bán hàng, dịch vụ (Total amount): 58.085.090 đ 2.789,20 USD
Số tiền viết bằng chữ (total in words): Hai nghìn bảy trăm tám chín đô la Mỹ & hai cent
 Năm mươi tám triệu không trăm tám mươi lăm nghìn không trăm chín mươi đồng

Người bán hàng (Seller)
 Ký, ghi rõ họ tên
 (Signature & full name)

Giám đốc
 Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên
 (Signature & full name, stamp)

LEE KI ILL

➤ **Kiến nghị về việc rút ngắn thời gian giữa các lần xin hoàn thuế và phân công kế toán chuyên trách về thuế**

Qua việc theo dõi sổ sách, tìm hiểu về công ty em được biết hiện tại công ty chưa có phân công kế toán chuyên trách về thuế trong khi chứng từ phát sinh liên quan về thuế rất lớn. Theo quy định hiện hành về thời gian hoàn thuế, theo tình hình thực trạng về số chứng từ, hóa đơn phát sinh liên quan đến thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và thuế GTGT đầu ra thì công ty hoàn toàn có thể được xét hoàn thuế theo tháng (tháng có phát sinh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn 200 triệu), theo từng chuyến hàng hay theo từng quý. Song với những trở ngại về thủ tục xin hoàn thuế cũng như phụ thuộc tính chất công việc từng thời điểm trong năm nên lập hồ sơ xin hoàn thuế không được tiến hành thường xuyên.

Theo em, doanh nghiệp nên xin hoàn thuế theo tháng (tháng có phát sinh thuế GTGT đầu vào được khấu trừ lớn hơn 200 triệu), theo từng chuyến hàng (nếu có thể hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào của từng chuyến hàng) hoặc có thể xin hoàn thuế theo quý. Với quy mô vừa của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất như công ty TNHH May Yes Vina thì 1 đồng vốn cũng rất quan trọng trong việc duy trì hoạt động, tăng thêm thu nhập cho công ty, không nên để đồng vốn của ngày hôm nay bị chiếm dụng lâu đến thế.

Công ty cần thiết nên có sự phân công một kế toán chuyên trách về thuế, trong đó có thuế GTGT. Kế toán thuế là người sẽ chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ, hoá đơn. Việc kiểm tra này nhằm tránh hiện tượng không được khấu trừ thuế GTGT do kê khai không đúng thời hạn quy định hoặc không đủ hoá đơn, chứng từ chứng minh.

Khi có một kế toán chuyên trách về thuế chắc chắn kế toán thuế nói chung kế toán thuế GTGT sẽ tránh được những hạn chế, vướng mắc nảy sinh trong quá trình thực hiện phần hành kế toán này cũng như khắc phục những hạn chế về năng lực của từng nhân viên. Và vai trò của kế toán thuế sẽ đặc biệt ý nghĩa khi doanh nghiệp có thể rút ngắn thời gian giữa các lần xin hoàn thuế và nhất là tại thời điểm Nhà nước đang thực hiện chủ trương để các doanh nghiệp tự kê khai và nộp thuế.

KẾT LUẬN

Một đánh giá chung để nhận xét tổng thể về công ty TNHH may Yes Vina: Có thể nói từ khi thành lập cho đến nay công ty TNHH May Yes Vina đã có được những bước đi vững chắc, thuận lợi đạt hiệu quả cao, tạo dựng được một vị trí vững chắc trong ngành may mặc hàng gia công xuất khẩu. Thành tích đó được thể hiện qua rất nhiều giấy khen, bằng khen ghi nhận những đóng góp của doanh nghiệp cho xã hội. Công ty TNHH May Yes Vina là Công ty có bộ máy kế toán tương đối gọn nhẹ song nghiệp vụ phát sinh lớn song Công ty vẫn thực hiện đầy đủ các phân hành kế toán theo yêu cầu quản lý của Công ty và của Bộ tài chính.

Qua quá trình nghiên cứu về tổ chức công tác kế toán tại Công ty mà cụ thể là tổ chức công tác kế toán thuế GTGT tại Công ty, về cơ bản em nhận thấy Công ty đều làm đúng theo chế độ kế toán về thuế GTGT, thực hiện việc kê khai thuế, nộp thuế theo đúng như hướng dẫn của cơ quan thuế. Nhận thức được phần nào tầm quan trọng của thuế GTGT, Công ty đã đưa vào áp dụng cải cách, hiện đại hóa công tác kế toán thuế. Các hoá đơn, chứng từ liên quan đến thuế GTGT tại Công ty phần lớn đều hợp lý, hợp lệ và xử lý linh hoạt. Từ đó các Tờ khai thuế GTGT, các Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào, các Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra được lập và gửi đến cơ quan thuế đầy đủ và đúng thời hạn.

Tuy nhiên bên cạnh đó, công tác kế toán thuế GTGT của Công ty vẫn tồn tại những hạn chế quanh việc quản lý chứng từ, sổ sách; việc thực hiện lập biên bản hủy hóa đơn; việc xin hoàn thuế; ngoài ra, doanh nghiệp còn gặp vướng mắc trong việc hạch toán kế toán thuế GTGT cụ thể là vướng mắc trong việc hạch toán thuế GTGT xin hoàn do bất hợp lý giữa chế độ kế toán và luật thuế GTGT; chưa cập nhật được thông tư hướng dẫn kê khai thuế GTGT được khấu trừ trên trên tờ khai thuế với các hóa đơn trong trường hợp đặc (hóa đơn GTGT thu hộ của hãng tàu nước ngoài); sử dụng sai loại hình hóa đơn với hàng gia công xuất khẩu.

Những hạn chế còn tồn tại trong công tác kế toán thuế GTGT tại doanh nghiệp, dù ít hay nhiều nhưng cũng làm ảnh hưởng, gây khó khăn cho kế toán viên

trong việc thực hiện công tác kế toán thuế GTGT; bên cạnh đó những hạn chế còn tồn tại có thể ảnh hưởng tới các quyền lợi về thuế của doanh nghiệp. Vì vậy trong thời gian tới công ty nên có các biện pháp khắc phục những hạn chế trên như phân công kế toán chuyên trách về thuế, rút ngắn thời gian giữa các lần xin hoàn thuế, mở chi tiết TK133 để theo dõi số thuế GTGT xin hoàn, thay thế các hóa đơn GTGT bằng các hóa đơn xuất khẩu với hàng xuất khẩu, cập nhật văn bản hướng dẫn kê khai thuế GTGT được khấu trừ, chú trọng công tác sử dụng quản lý chứng từ, sổ sách,...

Trên cơ sở lý luận cũng như kiến thức thực tế của mình em xin mạnh dạn đưa ra một số kiến nghị trên để Công ty có thể xem xét hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT tại công ty nói riêng và công tác kế toán nói chung dù biết rằng đây không phải một vấn đề đơn giản mà một sinh viên đại học chuẩn bị tốt nghiệp có thể giải quyết được. Để hoàn thiện công tác kế toán thuế nói chung và kế toán thuế GTGT nói riêng rất cần có sự phối hợp với các cơ quan chức năng, cần những ý kiến đóng góp cũng như sự ủng hộ của mọi người. Một lần nữa e xin cảm ơn giảng viên, ThS. Đồng Thị Nga, cảm ơn các thầy cô giáo khoa quản trị kinh doanh, cảm ơn công ty TNHH May Yes Vina đã giúp đỡ và tạo điều kiện để em thực hiện đề tài này .

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài Chính - Chế độ kế toán doanh nghiệp – Hướng dẫn lập chứng từ kế toán, hướng dẫn ghi sổ kế toán. – Nhà xuất bản Thống kê.
2. Bộ Tài Chính – Hướng dẫn thực hiện kê khai, nộp, quyết toán, miễn giảm, hoàn, khiếu nại, tố cáo, xử phạt, thanh tra, kiểm tra thuế, thủ tục hành
3. chính, chính sách ưu đãi thuế - 2009 –Nhà xuất bản Lao động - Hà Nội.
4. Bộ Tài Chính - Những điều cần biết về thuế GTGT – NXB tài chính Hà Nội
5. Hệ thống chứng từ, sổ sách, báo cáo kế toán của công ty TNHH May Yes Vina
6. Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 Ngày 03/06/2008
7. Thông tư 153/2010/TT-BTC của Bộ Tài Chính Ngày 28/09/2010
8. Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007
9. Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008
10. Thông tư số 112/2009/TT-BTC ngày 02/6/2009
11. Thông tư số 1374 /CT-TTHT ngày 12/9/2012
12. Sử dụng tài liệu tham khảo tại một số website

<http://www.gdt.gov.vn>

<http://thegioiketoan.com/thue-gtgt>

<http://tailieu.vn/>

<http://www.vtca.vn/>

<http://ketoan.org/thu-vien/thue-gtgt/>